

HỒ CHÍ MINH

NHÀ DỰ BÁO THIÊN TÀI



NHÀ XUẤT BẢN NGHỆ AN



NHÀ XUẤT BẢN THÔNG TẤN

HỒ CHÍ MINH
NHÀ DỰ BÁO THIÊN TÀI

TRẦN ĐƯƠNG

HỒ CHÍ MINH ***NHÀ DỰ BÁO THIÊN TÀI***

Tái bản lần thứ nhất

NHÀ XUẤT BẢN THÔNG TẤN
NHÀ XUẤT BẢN NGHỆ AN

“Việc dự kiến chính xác, khoa học chiều hướng phát triển của sự vật, những tình huống lớn sẽ xảy ra trong tương lai vô cùng quan trọng trong công tác cách mạng. Thực tế cùng với thời gian sẽ là nhà kiểm nghiệm nghiêm khắc. Những điều tiên tri đó thuộc về những thiên tài”.

VÔ NGUYỄN GIÁP

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Tiến sĩ M.Átnút, Giám đốc UNESCO khu vực châu Á-Thái Bình Dương, đại diện đặc biệt của Tổng Giám đốc UNESCO đã viết: “... Chỉ có ít nhân vật trong lịch sử trở thành một bộ phận của huyền thoại ngay khi còn sống, và rõ ràng Hồ Chí Minh là một trong số đó. Người sẽ được ghi nhớ không phải chỉ là người giải phóng cho Tổ quốc và nhân dân bị đô hộ, mà còn là nhà hiền triết hiện đại đã mang lại một viễn cảnh và hy vọng mới cho những người đang đấu tranh không khoan nhượng để loại bỏ bất công, bất bình đẳng khỏi trái đất này”.

Rất nhiều nhà cách mạng, nhà hoạt động xã hội, nhà khoa học, nhiều nhân vật lỗi lạc trong nước và quốc tế đã dành những lời trân trọng như vậy khi nói và viết về Chủ tịch Hồ Chí Minh. Và một trong những yếu tố thiên tài của Người, tạo nên huyền thoại Hồ Chí Minh chính là sự anh minh, miễn tiện, óc phán đoán tài tình, những dự cảm mang tính tiên tri của Người trên từng chặng đường cách mạng, ở mỗi thời điểm lịch sử của dân tộc.

Sách báo trong nước và cả ở nước ngoài đều đã từng đề cập yếu tố đó, đặc điểm nổi bật trong thiên tài của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Nhưng, cho đến nay, chưa có một công trình nghiên cứu nào trình bày một cách tương đối đầy đủ và toàn diện về vấn đề này.

Triển khai thực hiện Chỉ thị 23-CT/TW ngày 27/3/2003 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về đẩy mạnh nghiên cứu, tuyên truyền giáo dục tư tưởng Hồ Chí Minh và kỷ niệm 35 năm thực hiện Di chúc của Bác Hồ kính yêu (2/9/1969 – 2/9/2004), Nhà xuất bản Thông Tấn xuất bản cuốn **“*Hồ Chí Minh - Nhà dự báo thiên tài*”** của tác giả Trần Đường, một người say mê nghiên cứu, tìm hiểu về Chủ tịch Hồ Chí Minh. Với nhiều cố gắng, tác giả đã chất lọc, tìm tòi từ nhiều nguồn tư liệu, sách báo viết về Bác, tuyển lựa, hệ thống hóa chủ đề dưới một số khía cạnh nổi bật.

Giới thiệu với độc giả cuốn sách này, Nhà xuất bản mong được cung cấp một số tư liệu quý, với những nhận định mang tính gợi mở ban đầu về khả năng dự báo thiên tài của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Mặc dù đã cố gắng hết mình với khả năng có thể song khó tránh khỏi thiếu sót, Nhà xuất bản mong muốn được bạn đọc xa gần bổ sung, góp ý để lần tái bản sau cuốn sách hoàn thiện hơn, đáp ứng lòng mong đợi của tất cả chúng ta.

Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách cùng bạn đọc.

NHÀ XUẤT BẢN THÔNG TẤN

1920: GIỮA NHIỀU NGÃ ĐƯỜNG BÁC CHỌN CON ĐƯỜNG LÊ NIN

Trong trường ca *“Theo chân Bác”*, nhà thơ Tố Hữu viết:

*“Bao nẻo Người đi, bước trước sau
Một câu hỏi lớn: Hướng về đâu?”*

Với câu hỏi đó, Nguyễn Tất Thành, chàng trai 20, 21 tuổi đã trải qua bao trăn trở:

*“Muôn dặm đường xa, biết đến đâu?
Phan Chu Trinh lạc lối trời Âu
Phan Bội Châu câu thơ dậy sóng
Bạn cùng ai, đất khách dãi dầu?”*

Nhớ lại thời điểm “chọn đường” ấy, sau này, không lâu trước khi qua đời, trong một lần trả lời phỏng vấn của nhà báo Mỹ Anna Luidơ Xtrông Người nói:

“Nhân dân Việt Nam trong đó có ông cụ thân sinh ra tôi, lúc này thường tự hỏi nhau ai là người sẽ giúp mình thoát khỏi ách thống trị của Pháp. Người này nghĩ là Nhật, người khác

ngôi là Anh, có người lại cho là Mỹ. Tôi thấy phải đi ra nước ngoài xem cho rõ. Sau khi xem xét họ làm ăn ra sao, tôi sẽ trở về giúp đồng bào tôi”¹.

Đặt tầm nhìn ấy vào thời điểm đầu thế kỷ XX, giữa nhiều ngã đường trong đêm tối, mới thấy quyết định của người thanh niên Nguyễn Tất Thành sáng suốt biết bao. *Phải tìm một con đường khác mới có thể giành lại độc lập cho dân tộc!*² Đó là sự dự báo chính xác, sau khi Nguyễn Tất Thành tự phân tích và thấy rằng không thể đi theo con đường mà các nhà chí sĩ yêu nước đã bàn, đã làm. Đông du để dựa vào Nhật, vào Tàu ư? Hay Tây du để nhờ cậy vào chính nước Pháp? Tất cả đều không được.

Ngày 5-6-1911, vừa qua tuổi 20, Người thanh niên ưu tú của dân tộc bắt đầu cuộc hành trình vĩ đại tìm đường cứu nước. Cuộc hành trình ấy kéo dài đúng 30 năm, trải rộng trên khắp bốn lục địa (châu Âu, châu Phi, châu Mỹ, châu Á), gót trăm lần thay đổi họ tên, làm trên mười nghề khác nhau để sinh sống và hoạt động. Thế giới trong các thập kỷ ấy, ở châu Á cũng như châu Âu, bị che phủ bởi những đám mây đen

¹ Hồ Chí Minh -- *Biên niên tiểu sử*, NXB Thông tin lý luận, 1992, t.1, tr.47.

² Dẫn theo tạp chí *Xưa và Nay*, số 153, tháng 12-2003.

của chiến tranh đế quốc. Chủ nghĩa tư bản đã bước vào giai đoạn phát triển tột cùng của nó, đâu có dễ dàng phân biệt ranh giới của thật - giả, trắng - đen, chính - tà.

Và 9 năm sau, vào một ngày tháng 7, Nguyễn Tất Thành - lúc này mang tên Nguyễn Ái Quốc - đã tìm thấy con đường độc lập cho dân tộc, tự do cho đồng bào mình từ nội dung cuốn sách *"Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và thuộc địa"* của Lênin, đăng trên báo *Nhân đạo* (*L'Humanité*), số ra ngày 16 và 17-7-1920, Người hiểu rõ hơn những sai lầm trong luận điểm của những người đứng đầu Quốc tế II về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa, đồng tình với sự lên án tư tưởng sô vanh, tư tưởng dân tộc hẹp hòi, ích kỷ. Người vui mừng xiết bao khi được biết vị lãnh tụ của giai cấp công nhân và nhân dân lao động thế giới đã nhắc nhở các Đảng Cộng sản phải giúp đỡ thật sự phong trào cách mạng của các nước thuộc địa và phụ thuộc, nhấn mạnh sự đoàn kết giữa giai cấp vô sản các nước tư bản với quần chúng cần lao của tất cả các dân tộc để chống kẻ thù chung là đế quốc và phong kiến.

Sau này, khi kể lại sự kiện quan trọng đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói:

“Luận cương của Lênin làm cho tôi rất cảm động, phấn khởi, sáng tỏ, tin tưởng biết bao! Tôi vui mừng đến phát khóc lên. Ngồi một mình trong buồng mà tôi nói to lên như đang nói trước quần chúng đông đảo: “Hỡi đồng bào bị đọa đày đau khổ! Đây là cái cần thiết cho chúng ta, đây là con đường giải phóng chúng ta!”

Từ đó, tôi hoàn toàn tin theo Lênin, tin theo Quốc tế thứ ba”¹.

Cuối năm đó, từ ngày 25 đến 30 tháng 12, Nguyễn Ái Quốc tham gia Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ 18 Đảng Xã hội Pháp với tư cách là đại biểu Đông Dương. Đó cũng là người bản xứ duy nhất trong số đại biểu các thuộc địa có mặt trong Đại hội. Không chỉ tham dự, Người còn có một bài phát biểu quan trọng, được Đại hội nhiệt liệt hoan nghênh. Trong bài phát biểu ấy, Người đã lên án chủ nghĩa đế quốc Pháp, vì lợi ích của nó, đã dùng lưỡi lê chinh phục Đông Dương và trong suốt nửa thế kỷ qua, nhân dân Đông Dương không những bị áp bức và bóc lột tàn tệ mà còn bị hành hạ và đầu độc một cách thâm hiểm. Người kêu gọi “Đảng Xã hội cần phải hoạt động một cách thiết thực để ủng hộ những người bản xứ bị áp bức”, “Đảng

¹ Hồ Chí Minh – Biên niên tiểu sử, NXB Thông tin lý luận, 1992, t.1, tr.90.

phải tuyên truyền chủ nghĩa xã hội trong tất cả các thuộc địa... đánh giá đúng tầm quan trọng của vấn đề thuộc địa...”

Tại Đại hội lịch sử này, Nguyễn Ái Quốc đã bỏ phiếu tán thành gia nhập Quốc tế III (Quốc tế cộng sản).

Sau cuộc bỏ phiếu, bà Rôđơ (Rose), người ghi biên bản tốc ký Đại hội, hỏi Người:

- Tại sao đồng chí lại bỏ phiếu cho Quốc tế III?

Nguyễn Ái Quốc trả lời:

- Rất đơn giản. Tôi không hiểu chị nói thế nào là chiến lược, chiến thuật vô sản và nhiều điểm khác! Nhưng tôi hiểu rõ một điều: Quốc tế III rất chú ý đến vấn đề giải phóng thuộc địa... Tự do cho đồng bào tôi, độc lập cho Tổ quốc tôi, đấy là những điều tôi muốn, đấy là tất cả những điều tôi hiểu.

2 giờ 30 phút ngày 30 - 12 - 1920, Nguyễn Ái Quốc cùng những người chủ trương gia nhập Quốc tế III tuyên bố thành lập Phân bộ Pháp của Quốc tế cộng sản. Từ giờ phút ấy, người thanh niên yêu nước Nguyễn Tất Thành đã trở thành người cộng sản Nguyễn Ái Quốc. Là một trong những người tham dự Đại hội sáng lập Đảng Cộng sản Pháp, Nguyễn Ái Quốc đồng thời cũng là người cộng sản đầu tiên của dân tộc Việt Nam.

Sự lựa chọn sáng suốt đầu tiên ấy sau gần 10 năm tìm đường cho dân tộc đã cho thấy sự tỉnh táo và mẫn cảm của một trái tim giàu nhiệt huyết, một bộ óc thiên tài từ buổi đầu đã nguyện hiến dâng cho Tổ quốc và nhân dân mình, cho những người lao động nghèo khổ.

Người tự rút ra kết luận, cũng là tìm ra kim chỉ nam cho cách mạng Việt Nam và cách mạng các nước thuộc địa: *“Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản”*¹. Người khẳng định: *“Chỉ có chủ nghĩa cộng sản mới cứu nhân loại, đem lại cho mọi người không phân biệt chủng tộc và nguồn gốc sự tự do, bình đẳng, bác ái, đoàn kết, ấm no trên quả đất, việc làm cho mọi người và vì mọi người, niềm vui, hòa bình, hạnh phúc”*². Người viết: *“Chủ nghĩa tư bản là một con đĩa có một cái vôi bám vào giai cấp vô sản ở chính quốc và một cái vôi khác bám vào giai cấp vô sản ở các thuộc địa. Nếu người ta muốn giết con vật ấy, người ta phải đồng thời cắt cả hai vôi”*³.

Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội và nhấn mạnh mối quan hệ khăng khít

¹ Hồ Chí Minh toàn tập, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, t. 9, 314.

^{2, 3} S.đ.d, t.1, tr. 461, 298.

giữa cách mạng ở thuộc địa và cách mạng ở “chính quốc”, đó là những luận điểm mang ý nghĩa cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh. Người còn phân tích sâu sắc các điều kiện lịch sử xã hội của phương Đông và khẳng định: “...Xét những lý do lịch sử cho phép chủ nghĩa cộng sản thâm nhập dễ dàng vào châu Á, dễ dàng hơn là ở châu Âu”¹. Người đề xuất luận điểm: cách mạng giải phóng dân tộc cần chủ động và có thể giành thắng lợi trước cách mạng vô sản ở chính quốc. Mặc dù vậy cho tới năm 1928, Quốc tế cộng sản vẫn giữ nguyên nhận định: những dân tộc thuộc địa chỉ có thể được giải phóng sau khi cách mạng vô sản ở chính quốc thành công.

Ngay từ những năm đầu thập kỷ 20 của thế kỷ trước, bằng nghiên cứu thực tiễn cách mạng Việt Nam, với tầm nhìn xa, trông rộng, Người còn có phát kiến vĩ đại khi khẳng định rằng ở Việt Nam “đấu tranh giai cấp không diễn ra như ở phương Tây...”, “không quyết liệt”, và “Chủ nghĩa dân tộc là động lực lớn nhất”, “động lực vĩ đại và duy nhất” của sự nghiệp giải phóng dân tộc. Tư tưởng đó đã được thể hiện phần nào trong các văn kiện Chính cương, Sách lược của

¹ S.đ.d, t.1, tr.35.

Đảng Cộng sản Việt Nam do Nguyễn Ái Quốc đưa ra tại Đại hội thành lập Đảng (1930), và nhất quán trong đường lối chỉ đạo cách mạng Việt Nam sau này, mà dấu mốc quan trọng của nó là Hội nghị Trung ương lần thứ 8 (5-1941). Đó là Hội nghị lịch sử, khi Người, Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh, đã trở về nước và thành lập Mặt trận Việt Minh với chính sách *đại đoàn kết dân tộc* làm nên thành công rực rỡ của Cách mạng Tháng Tám 1945 và sự ra đời của chế độ Dân chủ - Cộng hòa.

Và cũng từ năm 1924, Nguyễn Ái Quốc *tiên đoán* rằng, cách mạng ở nước ta sẽ diễn ra với hình thái *một cuộc khởi nghĩa của quần chúng... nổ ra trong thành phố theo kiểu cách mạng ở châu Âu... và "Cuộc đấu tranh giai cấp không diễn ra giống như ở phương Tây"*. Người viết: *"Về phía người lao động, đó là sự không giác ngộ, sự nhẫn nhục và vô tổ chức. Về phía bọn chủ, không có máy móc, ruộng đồng thuộc sở hữu của những địa chủ hạng trung và hạng nhỏ và những kẻ mà ở đó được coi là đại địa chủ thì chỉ là những kẻ lùn tịt bên cạnh những người trùn tên với họ ở châu Âu và châu Mỹ; không có tỷ phú người An Nam. Những tên trọc phú ở đó thì ở đây chỉ là những kẻ thực lợi (rentier) khá giả thôi."*

Cho nên, nếu nông dân gần như chẳng có gì thì địa chủ cũng không có vốn liếng gì lớn; nếu nông dân chỉ sống bằng cái tối thiểu cần thiết thì đời sống của địa chủ cũng chẳng có gì là xa hoa, nếu thợ thuyền không biết mình bị bóc lột bao nhiêu thì chủ lại không hề biết công cụ để bóc lột của họ là máy móc; người thì chẳng có công đoàn, kẻ thì chẳng có tư-rót. Người thì nhẫn nhục chịu số phận của mình, kẻ thì vừa phải trong sự tham lam của mình. Sự xung đột về quyền lợi của họ được giảm thiểu. Điều đó, không thể chối cãi được”.

Người còn đặt câu hỏi: “Mai đây, khi chủ nghĩa tư bản phương Tây làm thay đổi phương Đông thì đấu tranh giai cấp có trở nên quyết liệt không?” và tự trả lời: “Đại thể là có, nếu xét gương của Nhật Bản”. Người viết tiếp:

“Thật ra là có, vì sự Tây phương hóa ngày càng tăng và tất yếu của phương Đông - nói cách khác, chủ nghĩa Mác sẽ còn đúng cả ở đó. Dù sao thì cũng không thể cấm bổ sung “cơ sở lịch sử” của chủ nghĩa Mác bằng cách đưa vào đó những tư liệu mà Mác ở thời mình không thể có được”¹.

Người khẳng định: “Chủ nghĩa dân tộc là

¹ S.d.d, t.1, tr. 465 - 466.

động lực lớn của đất nước. Chính nó đã gây nên cuộc nổi dậy chống thuế năm 1908, nó làm cho những người culi biết phản đối, nó làm cho những người “nhà quê” phản đối ngấm trấu thuế tạp dịch và thuế muối. Cũng chủ nghĩa dân tộc đã luôn luôn thúc đẩy các nhà buôn An Nam cạnh tranh với người Pháp và người Trung Quốc; nó đã thúc giục thanh niên bái khóa, làm cho những nhà cách mạng trốn sang Nhật Bản và làm vua Duy Tân mưu tính khởi nghĩa năm 1917”¹.

Tư tưởng của Người về cách mạng giải phóng dân tộc rất nhất quán và có thể nói rằng đó là một sự vận dụng sáng tạo tuyệt vời đối với học thuyết Mác-Ăngghen, góp phần đưa đến một tầm nhìn sáng tạo mang tính chiến lược của cách mạng Việt Nam. Rất nhiều năm sau Người kiên trì trung thành với quan điểm ấy mặc dù phải qua bao trở ngại, kể cả các hoạt động của Người vào thời kỳ trước và sau Đại hội 5 Quốc tế cộng sản, và ý định mong muốn được sớm trở về với cách mạng Việt Nam của Người gặp không ít khó khăn...

Năm 1960, Mao Trạch Đông, vị lãnh tụ của cách mạng Trung Quốc, sau một cuộc hội kiến với Chủ tịch Hồ Chí Minh, đã trân trọng bày tỏ:

“Ở Trung Quốc, chúng tôi chỉ sùng bái Tôn

¹ S.d.d, t.1, tr. 466.

Trung Sơn thôi, bởi vì ông có công lãnh đạo cuộc Cách mạng Tân Hợi. Ở nước ngoài, những người được chúng tôi sùng bái là Mác, Ăngghen, Lênin. Stalin cũng khá được sùng bái. Chúng tôi cũng sùng bái Hồ Chí Minh”¹.

Và Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Mỹ Gớt Hôn cũng đã dùng những lời đẹp đẽ nhất để viết về Bác của chúng ta: *“Đồng chí là một nhà kiến trúc và tạo hình, làm nên quá trình cách mạng thế giới”².*

Còn kẻ thù thì kính nể. Năm 1931, trong bức điện gửi Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Pháp, Bộ trưởng Bộ Nội vụ Pháp đã viết:

“Từ hơn 10 năm nay, Nguyễn Ái Quốc là một chiến sĩ vô địch vì sự nghiệp độc lập của Đông Dương... và từ nhiều năm nay những người cách mạng bản xứ xem ông ta như Lênin của Đông Dương”³ (24-6-1931).

Và trên thực tế Người không chỉ là Lênin của Đông Dương. Vị lãnh tụ của nhân dân Ấn Độ, nhà văn hóa lỗi lạc Nêru đã gọi Người là *“Lênin của Phương Đông”*.

¹ Xem *“Chúng tôi cũng “sùng bái” Hồ Chí Minh”*, Hồng Tà Quân, Tạp chí Xưa và Nay, số 125, tháng 10 – 2002.

² Xem bài *“Hồ Chí Minh sống mãi trong trái tim nhân loại”*, NXB Lao Động, Hà Nội, 2001, tr. 58.

³ *Vụ án Nguyễn Ái Quốc ở Hồng Kông 1931-1933*, NXB Chính trị Quốc gia – Bảo tàng Hồ Chí Minh, Hà Nội, 2004, tr.80.

Erích Giôhanxơn, họa sĩ người Đức, gốc Thụy Điển, từng vẽ chân dung Nguyễn Ái Quốc tại một triển lãm lớn ở Mátxcơva năm 1924, khi Người mới 34 tuổi, đã có cảm tưởng rằng: *“Chủ tịch Hồ Chí Minh là một người kiệt xuất trên nhiều lĩnh vực, một con người rất uyên bác...”*

Cử chỉ văn hóa và tác phong thân mật của Người gây một ấn tượng là người có uy tín. Người trở thành lãnh tụ, không phải bằng cái gì bề ngoài mà bằng học thức, bằng trí tuệ của Người”¹.

Ngày 5-11-2000, trong bài viết nhan đề *“Người cha của đất nước”* đăng trên tờ *Washington Post* (5-11-2000), nhà nghiên cứu Fredrik Logewall, khẳng định *“Người là một nhân vật phi thường trong lịch sử thế giới hiện đại”².*

Và nhận xét của Tiến sĩ Ivo Vaxiliép, nhà sử học Cộng hòa Séc: *“Chủ tịch Hồ Chí Minh là người học cao, hiểu biết rộng, có nhiều kinh nghiệm trong đấu tranh cách mạng; Người có khả năng đặc biệt trong việc vận động toàn dân tộc Việt Nam tham gia làm cách mạng...”*

¹ Dẫn theo Tạp chí *Lịch sử quân sự*, số 9, 1989.

² Tạp chí *Tia sáng*, số 1, 5-1 đến 5-2-2001.

...Nếu không có Chủ tịch Hồ Chí Minh và chính Đảng do Người sáng lập lãnh đạo, cách mạng Việt Nam không thể thành công, Việt Nam không thể giành độc lập sớm như vậy. Và thế giới không biết sẽ phát triển ra sao nếu không có các cuộc cách mạng ở Đông Nam Á sau Chiến tranh thế giới thứ hai...”¹.

Đặc biệt là trong cuốn “*Hồ Chí Minh từ nhà cách mạng đến thần tượng*”, Pierre Brocheux, một học giả nước ngoài đã đặt vấn đề: “Ông (tức Chủ tịch Hồ Chí Minh) đã dự đoán châu Âu già cỗi sẽ kiệt quệ sau cuộc xung đột (ý nói cuộc Chiến tranh thế giới thứ nhất 1914 - 1918). Nguyễn Ái Quốc quyết định phải đến nước Pháp để bắt mạch tình hình thế giới và trong nước... Trong sự nhìn nhận của ông Nguyễn, các cuộc nổi dậy đều thất bại, nhưng đó là tín hiệu cho thấy công cuộc bình định còn mong manh và tinh thần phản kháng vẫn còn âm ỉ”.

Tác giả P.Brocheux còn cho thấy sự khác biệt trong sự phát triển tư tưởng và chính trị giữa Nguyễn Ái Quốc và hai nhân vật khác: nhà nho Phan Chu Trinh và luật sư Phan Văn Trường. Phan Chu Trinh đã phải thận trọng, không

¹ Báo ảnh Đất Mũi, số 113 (bộ mới), 2-2-2004.

hoạt động chính trị nữa, trong khi Nguyễn Ái Quốc tham gia Đảng Xã hội Pháp mà ông coi là người duy trì lý tưởng của Cách mạng Pháp. Song, Nguyễn đã nhanh chóng thất vọng, nhìn thấy rằng, đối với người Xã hội, vấn đề thuộc địa không phải là ưu tiên hàng đầu, cũng không phải là chủ chốt; nó là thứ yếu dưới tầm nhìn xung đột giữa chủ nghĩa xã hội - chủ nghĩa tư bản. Không từ chối đối diện với Anbe Xarô, Bộ trưởng thuộc địa Pháp, cựu Toàn quyền Đông Dương, thẳng thắn trình bày những tình cảm và mục đích của mình - trả lại độc lập cho đất nước - Nguyễn Ái Quốc đã biểu thị một thái độ dũng cảm trầm tĩnh mà ông sẽ còn thể hiện trong các trường hợp khác. Khi tranh luận với Phan Chu Trinh, ông cũng thể hiện sự dứt khoát, vì Phan bảo Nguyễn phải tin vào nền Cộng hòa Pháp để cải cách các thiết chế "An Nam" và đưa đất nước vào con đường tiến hóa...

Tác giả P.Brocheux có lý khi nhận định: Chính ở Vécxay, Nguyễn Ái Quốc đã nhận được bài học đầu tiên về nền chính trị thực dụng. Ông nhận ra rằng, các cường quốc vẽ lại bản đồ thế giới và quyết định vận mệnh các dân tộc: ở Viễn Đông, Triều Tiên vẫn là thuộc địa của Nhật Bản và Nhật Bản vẫn nắm giữ các

nhượng địa và quyền lợi của Đức ở Thanh Đảo, đi ngược lại ước vọng của người Trung Hoa.

Những chứng cứ mà P.Brocheux nêu lên cho chúng ta thấy rõ: ngay từ đầu những năm 20 của thế kỷ trước, Nguyễn Ái Quốc xuất hiện trên trường đấu tranh với tư cách một chiến sĩ quốc tế đầy nhiệt tình. Ông không chỉ lao vào nhiệm vụ giải phóng đất nước mình, mà còn đấu tranh cho các yêu sách chống chủ nghĩa thực dân của những người xuất thân từ các thuộc địa khác của Pháp. Điều đó thể hiện trong hàng loạt bài viết trên các báo *Le Paria* (Người cùng khổ), *L'Humanite* (Nhân đạo)...., sau này được tập hợp lại thành tác phẩm nổi tiếng: *Bản án chế độ thực dân Pháp* (xuất bản lần đầu vào năm 1925).

Trích dẫn bài *Đông Dương* của Nguyễn Ái Quốc, đăng trên Tạp chí Cộng sản (La Revue Communiste) ngày 15-5-1921, tác giả P.Brocheux ca ngợi đức tính và thiên tài gắn bó với con người Nguyễn Ái Quốc, rằng đặc điểm tư tưởng của Người “là không hề có óc giáo điều, từ chối xóa bỏ hết mọi cái của quá khứ văn hóa, sự lo toan xây dựng cây cầu nối giữa quá khứ và hiện tại và bằng cách chọn lọc trong quá khứ những cái mà Người có thể kích thích hiện tại”.

Với cách phân tích như vậy, tác giả P.Brocheux đã khẳng định rằng “con đường trí tuệ và chính trị của Nguyễn Ái Quốc được xây đắp vững chắc từ những luận điểm của các bậc hiền nhân, của chủ nghĩa Mác - Lênin và từ lòng yêu nước thương dân vô bờ bến của Người. Từ quá khứ, rõ ràng Người tìm những ánh sáng cho tương lai. Sẽ thấy trong các chính sách của Chủ tịch Hồ Chí Minh sau này những khát vọng của các thế hệ cha ông trước đây, từng bước được đáp ứng”¹.

“Mảnh dẻ như một con én, nhưng trong lòng có một ngọn lửa nhiệt tình”, Jacques Stécnen, một nhà hoạt động công đoàn tự do của nước Anh đã nói về Nguyễn Ái Quốc như thế. “Con én” ấy đã từ Việt Nam tới Pháp và nhiều phương trời khác nhau để tìm chân lý, tìm đường đi cho dân tộc mình. Giờ đây, sau nhiều năm học tập, đấu tranh, đã được trang bị những kiến thức và kinh nghiệm phong phú, trong đó có cả những kỷ niệm cay đắng khi đưa vấn đề quyền các dân tộc tự quyết định vận mệnh của mình ra Hội nghị Vécxay bị từ chối khéo và Chính phủ Pháp làm ngơ..., Người hiểu rằng ở nước Pháp này, đâu

¹ Xem bài “Hồ Chí Minh từ nhà cách mạng đến thân tượng” của Pírerre Brocheux, Tạp chí Xưa và Nay, số tháng 1-2004, tr. 76.

có thể mong chờ gì “các cường quốc đang làm lại thế giới” đếm xỉa đến.

Người quyết định đi Mátxcơva, nơi đó Người gần đất nước mình hơn và có thể hoạt động có hiệu quả hơn để xóa bỏ ách thuộc địa.

Và rồi từ Nga, Người trở về Trung Quốc. Ở đấy, Người ra báo *Thanh Niên*, mở các lớp huấn luyện chính trị cho những thanh niên ưu tú từ trong nước sang, Người cũng đề nghị cho gửi một nhóm thiếu nhi Việt Nam sang học ở Mátxcơva, chuẩn bị một đội ngũ cán bộ có tài, có đức cho đất nước sau này.

Trong việc chuyển tài liệu, sách báo từ nước ngoài về nước cũng như việc tuyên truyền cách mạng, Người dặn cán bộ phải *hết sức giữ bí mật*. Dự đoán trước mọi điều có thể diễn ra, Người dặn đồng chí Nguyễn Lương Bằng: “*Mình ở nước ngoài về, thường là có mật thám theo. Cho nên mới về nước, không nên đi lung tung ngay, chưa nên vào nhà ai vội. Không những thế, nếu cần còn phải đóng vai người chơi bời để mật thám không chú ý*”¹.

Bản thân Người, trước sự khủng bố gắt gao của chính quyền Tưởng Giới Thạch, cũng phải cải trang, vào ở khách sạn thật sang, ăn mặc

¹ *Bác Hồ*, NXB Văn học, Hà Nội, 1975, tr. 37.

thật đẹp để che mắt mật thám, để đi Thượng Hải rồi đi tiếp sang Vladivôxtốc (Liên Xô). Tiếp theo là những hoạt động ở Nga, Pháp, Thụy Sĩ, Đức... rồi dừng chân ở Thái Lan. Tại Nakhon Phanôm (Thái Lan), nơi có đông Việt kiều sinh sống và có các tổ chức cách mạng cũng ra đời từ lâu, Nguyễn Ái Quốc (với biệt danh là "*Thầu Chín*") đã dành nhiều thời gian củng cố và huấn luyện thanh niên, giáo dục cán bộ về công tác quần chúng và công tác bí mật, dịch sách lý luận, làm thơ để nâng cao lòng yêu nước cho kiều bào. Không ít cán bộ ta nhớ truyền khẩu bài ca *Trần Hưng Đạo*, trong đó có hai câu mang tính tiên tri:

"Một người Việt hầy dương còn

Thì non sông Việt vẫn non sông nhà".

Người cũng sáng tác kịch, thường lấy đề tài lịch sử, như về Hoàng Hoa Thám, về những tên bán nước (Lê Hoan, Hoàng Cao Khải), được bà con Việt kiều rất ưa thích và trình diễn nhân dịp kỷ niệm ngày Phạm Hồng Thái hy sinh (19-6).

Nhưng dù đã hết sức cẩn thận, Người nhận thấy đang bị mật thám theo dõi ráo riết. Có lúc phải lánh vào chùa, tạm cắt tóc đi tu để tiếp tục hoạt động. Rồi Người phải rời Thái Lan. Như Trần Dân Tiên trong "*Những mẩu chuyện về*

đời hoạt động của Hồ Chủ tịch” đã viết:

“Ông (tức Nguyễn Ái Quốc) biết rõ tình hình trong nước. Hai việc quan trọng làm cho ông từ giã nhà chùa và nước Xiêm. Việc thứ nhất là cuộc bạo động của Quốc dân Đảng đang chuẩn bị. Theo nhận định của Người thì *cuộc bạo động ấy quá sớm và khó thành công*, Người cần về để bàn lại kế hoạch với anh em Quốc dân Đảng... Việc thứ hai là vừa mới đây, “*Tân Việt*” và “*Hội Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí*” đã gặp nhau để chuẩn bị thống nhất lại. Nhưng “*Hội Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí*” lại chia ra hai nhóm. Mỗi nhóm tổ chức thành một Đảng Cộng sản. Như thế, lúc bấy giờ ở Việt Nam có ba Đảng Cộng sản. Mặc dầu sự khủng bố của Pháp, “*Hội Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí*” phát triển rất chóng. Nhưng sự chia rẽ đã làm cho những người yêu nước lo lắng. Vì chia rẽ thì suy yếu”.

Chính vì suy nghĩ trên, Người đã có được một quyết định có giá trị lớn lao là chủ trì Hội nghị hợp nhất các tổ chức Cộng sản Việt Nam, thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

Rồi tháng 6 năm 1940, tại Côn Minh, sau khi nghe tin Pari bị quân Đức chiếm, Nguyễn Ái Quốc đã phân tích tình hình thế giới và trong nước, đưa ra nhận định:

“Việc Pháp mất nước là một cơ hội rất thuận lợi cho cách mạng Việt Nam. Ta phải tìm mọi cách về nước ngay để tranh thủ thời cơ. Chậm trễ lúc này là có tội với cách mạng”.

Nắm được thời cơ là do bắt mạch đúng thời đại. Thời cơ cướp chính quyền đang đến, Người cùng các đồng chí của mình ráo riết chuẩn bị lực lượng. Người vạch rõ: *“Khởi nghĩa thì phải có vũ khí. Đó là một trong những vấn đề rất quan trọng của cách mạng. Nhưng nếu bây giờ có vũ khí thì lấy ai mà vác vũ khí? Cho nên cứ tìm cách về nước đã, sau đó chúng ta sẽ vận động quần chúng. Khi quần chúng đã giác ngộ cao thì ta sẽ có vũ khí”.*

Ngày trở về Tổ quốc đã rất gần. Người điện cho các đồng chí Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp lúc này đang chờ xe tại Quý Dương để đi Diên An (theo kế hoạch cũ), nay cấp tốc quay về, đợi ở Quế Lâm để tìm cách về nước cùng Phùng Chí Kiên và Vũ Anh. Và Người cũng căn dặn họ chuẩn bị mọi mặt để khi Người ở Trùng Khánh trở lại có thể lên đường về nước ngay. Tháng 9 năm đó, Người nhận định:

“Đồng minh sẽ thắng

Nhật, Pháp ở Đông Dương chóng chày

sẽ bắn nhau.

Việt Nam sẽ giành được độc lập.

Chiến tranh du kích do Việt Minh lãnh đạo dần dần phát triển với những vũ khí thô sơ, gươm, giáo mác và một số ít khẩu súng cướp được của giặc...”

Cùng những nhận định sáng suốt ấy, Người chỉ dẫn về đối sách của ta lúc này: “Tình hình Quốc - Cộng hợp tác hiện nay đang trải qua một bước rất gay go... Từ nay, kỷ luật bí mật của Đảng phải được chấp hành triệt để, tài liệu phải hết sức cẩn thận...”, như Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã kể lại trong tác phẩm “*Từ nhân dân mà ra*”, là “*trong lúc giao dịch với bọn Quốc dân Đảng, tuyệt đối không để lộ mình là cộng sản*”. Người còn nói: “*Chúng nó không vào Việt Nam càng tốt cho ta hơn*”.

Bác còn nhắc mọi người “không nên ở Quế Lâm lâu, phải chuyển về biên giới tìm cách trở về nước ngay để hoạt động”.

Tháng 5 - 1941, Nguyễn Ái Quốc chủ trì Hội nghị Trung ương lần thứ 8 tại Pác Bó, Cao Bằng. Hội nghị xác định *nhiệm vụ giải phóng dân tộc là nhiệm vụ bức thiết của cách mạng Đông Dương*: “*Trong lúc này, quyền lợi của bộ phận, của giai cấp phải đặt dưới sự sinh tử, tồn vong của quốc gia, của dân tộc. Trong lúc này, nếu không giải quyết được vấn đề dân tộc giải phóng, không đòi được độc lập tự do cho toàn*

thể dân tộc, thì chẳng những toàn thể quốc gia dân tộc chịu mãi kiếp ngựa trâu, mà quyền lợi của bộ phận giai cấp đến vạn năm cũng không đòi lại được”.

Nhận định sáng suốt đó, sự tiên tri rõ ràng đó còn được thể hiện một cách sinh động trong bức thư *Kính cáo đồng bào* do Nguyễn Ái Quốc viết, được lưu hành bằng hai thứ chữ Việt và Hán.

Trong thư Người nói việc lớn chưa thành, vì “*cơ hội chưa chín*” và “*dân ta chưa hiệp lực đồng tâm*”. Người chỉ rõ:

“Trong lúc quyền lợi dân tộc giải phóng cao hơn hết thảy. Chúng ta phải đoàn kết lại đánh đổ bọn đế quốc và bọn Việt gian đặng cứu giống nòi ra khỏi nước sôi lửa nóng”... Hiện thời muốn đánh Pháp, Nhật ta chỉ cần một điều: “Toàn dân đoàn kết... Việc cứu quốc là việc chung, ai là người Việt Nam đều phải kẻ vai gánh vác một phần trách nhiệm”.

Người kêu gọi:

“...Hỡi các chiến sĩ cách mạng! Giờ giải phóng đã đến. Hãy phát cao cờ độc lập, lãnh đạo toàn dân đánh tan thù chung. Tiếng gọi thiêng liêng của Tổ quốc đang vang dội bên tai các đồng chí! Máu nóng của bậc anh hùng đang sục sôi trong lòng các đồng chí! Chí

phấn đấu của quốc dân đương chờ đợi sự lãnh đạo của các đồng chí!

Chúng ta hãy tiến lên! Toàn thể đồng bào tiến lên!

Đoàn kết thống nhất đánh đuổi Pháp, Nhật!

Việt Nam cách mạng thành công muôn năm!

Thế giới cách mạng thành công muôn năm!”¹.

Rõ ràng với Chủ tịch Hồ Chí Minh, từ ngày còn ở tuổi thanh niên đã như ẩn trong Người một kim chỉ nam – sự định hướng thiên tài cho sự nghiệp tìm đường giải phóng dân tộc.

¹ *Hồ Chí Minh toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, t. 3, tr. 198.

TỪ NĂM 1941 BÁC ĐÃ NHẬN ĐỊNH: “VIỆT NAM ĐỘC LẬP NĂM 1945”

Đại tướng Võ Nguyên Giáp, một trong những học trò xuất sắc và cộng sự gần gũi nhất của Chủ tịch Hồ Chí Minh, đã viết:

“Khi một sự việc đã xảy ra rồi, người ta thường dễ nhìn thấy những gì tất yếu đã dẫn dắt nó từ chỗ còn là khả năng đến chỗ trở thành hiện thực. Ta cũng dễ nói một cách đơn giản: Đúng là nó phải xảy ra như thế, không thể khác được.

Thực ra, trong lĩnh vực xã hội, trong cuộc đấu tranh giữa những con người có ý thức, mỗi đối thay đều trải qua những quá trình diễn biến thường là hết sức phức tạp. Người lãnh đạo cách mạng phải tìm ra được quy luật chung và quy luật riêng của sự vật giữa một mớ hỗn độn những hiện tượng giả, thật khó phân, giữa vô vàn mối liên hệ chằng

chặt, tất cả đều vận động phát triển không ngừng. Việc dự kiến chính xác, khoa học chiều hướng phát triển của sự vật, những tình huống lớn sẽ xảy ra trong tương lai vô cùng quan trọng trong công tác cách mạng. Thực tế cùng với thời gian sẽ là nhà kiểm nghiệm nghiêm khắc. Những điều tiên tri đó thuộc về những thiên tài”¹.

Không chỉ trong tác phẩm này mà ở nhiều cuốn sách, bài viết khác trong những hồi ức của Đại tướng Võ Nguyên Giáp và các đồng chí lãnh đạo khác đã cho thấy khả năng dự báo, mang tính tiên tri – một năng lực đặc biệt, một phẩm chất mang tính thiên tài của Chủ tịch Hồ Chí Minh, vị lãnh tụ kính mến của Đảng và dân tộc ta. Năng lực – phẩm chất đặc biệt này được hình thành từ rất sớm, trong quá trình hoạt động cách mạng và được biểu lộ thông qua những nhận xét, đánh giá đúng bản chất khách quan, chiều hướng phát triển về mọi mặt của tình hình, của các mối quan hệ giữa ta và địch, thế và lực, trong và ngoài, hiện tại và tương lai – những yếu tố cần thiết để từ đó vạch ra đường lối, chiến lược, sách lược đúng đắn của cuộc cách mạng do Người và Đảng ta lãnh đạo. Những tiên

¹ Những chặng đường lịch sử, NXB Văn học, 1977, tr.274.

đoán của Người đã góp phần tạo nên những bước phát triển cho tiến trình cách mạng Việt Nam.

Xin hãy đọc lại những mẩu chuyện thật cụ thể, sinh động do chính Đại tướng Võ Nguyên Giáp kể, thể hiện sự phán đoán sáng suốt, quyết định tài tình trong lãnh đạo, chỉ đạo của Người từ những ngày đầu cách mạng. Đó là vào thời điểm nóng bỏng của Chiến tranh thế giới thứ hai, quân đội phát xít Đức tràn qua nhiều nước châu Âu, chỉ trong vài tuần đã chiếm được Pháp và đẩy Anh vào những trận mưa bom vô cùng khốc liệt. Ở châu Á, lúc này, phần lớn đất đai của Trung Hoa đã bị phát xít Nhật giày xéo. Chính vào thời kỳ cường thịnh nhất đó của chủ nghĩa phát xít, Bác Hồ đã tiên đoán sự thất bại của chúng và nhìn thấy thời cơ cho Việt Nam giành lại độc lập. Người đã quyết định trở về nước.

Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 8 họp vào tháng 5-1941, dưới sự chủ trì của Người đã nhận định: *“Nếu cuộc chiến tranh đế quốc lần trước đã đẻ ra Liên Xô, một nước xã hội chủ nghĩa, thì cuộc đế quốc chiến tranh lần này sẽ đẻ ra nhiều nước xã hội chủ nghĩa, do đó mà cách mạng nhiều nước thành công”*.

Trước những điều kiện khách quan thuận lợi đó, Bác Hồ và Trung ương đã đặt vấn đề giải phóng dân tộc thành nhiệm vụ cách mạng cần

kíp và coi việc chuẩn bị khởi nghĩa là nhiệm vụ trung tâm của toàn dân tộc trong giai đoạn hiện tại.

Xin đọc chậm và cố gắng hình dung những đoạn phim quá khứ trong những dòng hồi ức của nhà chỉ đạo quân sự Võ Nguyên Giáp:

“Trời tối, trong hang rất lạnh, phải đốt lửa sưởi suốt đêm. Không có đèn, nên buổi tối ít khi làm việc. Anh em thường ngồi quây quanh đống lửa nghe Bác nói chuyện. Một lần, Bác nhắc lại những cuộc chiến tranh lớn, những cuộc cách mạng từ trước tới nay, rồi Bác phỏng đoán độ bốn, năm năm nữa, chiến tranh sẽ tới bước quyết định, và lúc đó là một cơ hội rất tốt cho cách mạng nước ta.

Khuya khuya, mọi người ngủ chung cả trên sàn. Những cành cây ngổ ngang dưới lưng, nằm vừa đau vừa lạnh.

Có lần, Bác viết một cuốn lịch sử Việt Nam bằng thơ lục bát, ghi lại tất cả những phong trào chống ngoại xâm từ trước đến nay. Bác đã viết vào cuối trang mục lục: “Việt Nam độc lập năm 1945”. Anh em người nói sớm, kẻ nói muộn. Bác nghe trao đổi chỉ nói: “Để rồi xem”¹.

Ở một đoạn khác, Đại tướng kể:

“Trong những đêm đông giá lạnh, tránh bọn lính đông đi lùng càn tại vùng Pắc Bó, Bác Hồ

¹ Những chặng đường lịch sử, NXB Văn học, 1977, tr. 46-47.

đã tiên đoán ngày cách mạng thành công:

“45, sự nghiệp hoàn thành”

Đó là câu thơ kết thúc tập Việt Nam lịch sử diễn ca Bác đã làm, và được in đá từ hồi đó. Gần đây, các đồng chí sưu tầm của Viện bảo tàng Cách mạng đã kiếm được một tập trong ống bương của một ngôi nhà sàn ở vùng Pắc Bó. Chủ nhà vốn là một hội viên cứu quốc ngày trước”.

Đại tướng cho biết:

“Bác không bao giờ nhắc lại câu thơ này. Từ đó đến nay, bị lôi cuốn vì công việc, anh em chúng tôi cũng chưa ai có dịp hỏi lại Bác vì sao Bác đã có được một sự tiên đoán như vậy. Điều đó đã trở thành một trong những điều ta chưa hiểu hết được về con người và cuộc đời hoạt động cách mạng vĩ đại gần sáu mươi năm của Bác”¹.

Tập diễn ca mà Đại tướng nói ở trên, được Bác viết vào năm 1941, và được Việt Minh tuyên truyền Bộ xuất bản tháng 2-1942, dài 208 câu, mở đầu bằng câu:

“Dân ta phải biết sử ta

Cho tường gốc tích nước nhà Việt Nam”.

Trong diễn ca lịch sử này, Người điểm lại đường như không thiếu một sự kiện lớn, một

¹ S.đ.d, tr. 275-276.

tên tuổi lớn nào trong lịch sử dân tộc, kể từ ngày Hùng Vương dựng nước (*"Hồng Bàng là Tổ quốc ta"*) cho đến "Trước ngày khởi nghĩa Việt Nam bắt đầu".

Phía cuối, sau diễn ca là một phụ lục, Bác ghi *những năm quan trọng*, gần như biên niên của 30 thời điểm, dấu mốc của những bước ngoặt lịch sử của đất nước. Ở dòng đầu, Bác viết: *Trước Tây lịch; năm 2879: Hồng Bàng* và dòng cuối: *1945: Việt Nam độc lập*.

Thật đáng ngạc nhiên là tập diễn ca được viết vào thời điểm ấy, trong một hang sâu rừng núi, không tài liệu tra cứu, không chuyên gia để trao đổi, Bác đã ghi rất chính xác các sự kiện lịch sử chính yếu của dân tộc. Nhờ đâu và bằng cách nào nếu không phải là sự xuất thần của một bộ óc mẫn tiệp, đầy nhạy cảm, một năng khiếu bẩm sinh được tinh luyện bằng ngọn lửa yêu nước nồng nàn, được soi dọi bằng ánh sáng từ trái tim một con người có bề dày tri thức và kinh nghiệm, thấm nhuần văn hoá cổ kim đông tây, có cả một quá trình quan sát, chiêm nghiệm thực tiễn cách mạng ở hàng loạt nước chính quốc và thuộc địa, sau mấy mươi năm bôn ba tìm đường cứu nước giải phóng dân tộc mình. Sự tiên đoán của Người trong tập diễn ca lịch sử có trước sự kiện "Việt Nam

độc lập” (1945) hơn bốn năm. Cũng trong mạch “tiên đoán” này, ngay từ tháng 10-1944, trong *Thư gửi đồng bào toàn quốc*, Người viết: “*Phe xâm lược gần đến ngày bị tiêu diệt. Các đồng minh quốc sắp tranh được sự thắng lợi cuối cùng. Cơ hội cho dân tộc ta giải phóng chỉ ở trong một năm hoặc năm rưỡi nữa. Thời gian rất gấp. Ta phải làm nhanh*”¹.

Nhìn lại con đường lịch sử giành độc lập hoàn toàn cho dân tộc, chúng ta thấy một yếu tố hết sức quyết định là Bác Hồ và Trung ương Đảng đã sáng suốt chớp thời cơ Tổng khởi nghĩa giành chính quyền, được các tầng lớp nhân dân hưởng ứng. Như đồng chí Nguyễn Văn Trân, nguyên Bí thư Trung ương Đảng đã khẳng định trong một cuộc tọa đàm với phóng viên báo *Lao động*: “Sự lãnh đạo nhạy bén đó cực kỳ quan trọng cho cách mạng Việt Nam và điều này trong thời gian sau đó, nhiều người cũng chưa nhận thức đúng tầm ý nghĩa lớn lao”².

Và để nắm được thời cơ đó, ngay từ năm 1941, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chủ trương thành lập Mặt trận Việt Minh và tổ chức này

¹ *Hồ Chí Minh toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, t.3, tr. 505-506.

² Báo *Lao Động*, số 217, Chủ nhật 18-8-2002.

đã được phát triển đều khắp trong những năm sau đó, mở ra một mạng lưới cơ sở hoạt động cách mạng trong toàn quốc. Người phân tích nguyên nhân thất bại, rút ra những bài học kinh nghiệm xương máu của Xô viết Nghệ Tĩnh, của các cuộc khởi nghĩa: Yên Bái, Nam Kỳ, Bắc Sơn..., và chính từ thực tiễn, Người nhìn ra những khoảnh khắc hội đủ những điều kiện cần thiết cho sự chín muồi của cách mạng.

Một ngày đầu tháng 6-1940, trong một cuộc du thuyền ở Thúy hồ (Trung Quốc), đồng chí Dương Hoài Nam (tức Đại tướng Võ Nguyên Giáp) hỏi đồng chí Vương (tức Bác Hồ) về điều mà đồng chí Hoàng Văn Thụ dặn lại, đó là vấn đề *“Liên hiệp các dân tộc bị áp bức ở Á Đông”*, Người nói:

- Vẫn rất cần, nhưng điều kiện tổ chức thì hiện nay chưa chín nên chưa đặt ra¹.

Bác nói nhiều về cuộc chiến tranh chống Nhật của Trung Quốc, chỉ rõ thủ đoạn hai mặt của bọn Quốc dân Đảng và dặn: “Trong việc giao dịch với Quốc dân Đảng, không nên mong chi nhiều. Điều chủ yếu là làm sao cho chúng không cản trở công việc của ta. Phải hết sức bí mật... Hiện nay chỉ có Hồng quân

¹ *Những chặng đường lịch sử*, NXB Văn học, 1977, tr. 29.

Liên Xô và Hồng quân Trung Hoa mới là những đội quân anh em, mới là đồng minh thực sự của ta”.

Cũng từ dịp ấy, nhìn thấy trước thiên hướng và triển vọng của lớp học trò và những người đồng chí trẻ tuổi của mình, Người đã dặn dò đồng chí Dương Hoài Nam, phải: *“Cố gắng học thêm về quân sự”*.

Và bốn năm sau, người thanh niên học sinh – giáo viên sử học được Bác trực tiếp đào tạo, rèn luyện đó đã được giao nhiệm vụ chỉ huy Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân, rồi tiếp bốn năm nữa đã trở thành Đại tướng Quân đội nhân dân Việt Nam góp phần xứng đáng vào những chiến thắng lẫy lừng của Việt Nam sau này.

Trong ký ức nhà lãnh đạo quân sự còn ghi lại biết bao điều thần diệu mà ông được nghe, được nhìn thấy ở Người thấy cách mạng có tầm nhìn chiến lược thiên tài. Đó là những lần xem xét, quyết định các trận đánh lớn như Đông Khê, Điện Biên Phủ và đặc biệt là tại cuộc họp ở Quế Lâm, Trung Quốc, Bác nhận định về cuộc Khởi nghĩa Nam Kỳ: “Tình hình chung thế giới và Đông Dương ngày càng có lợi cho ta, nhưng thời cơ chưa đến, chưa thể khởi nghĩa được. Song nay đã nổ ra rồi, thì cần tổ chức rút lui

cho khéo để duy trì phong trào”.

Lại nhớ, năm 1941, tại Pắc Bó, Bác chỉ thị tổ chức đội vũ trang đầu tiên ở Cao Bằng với những đội viên mà sau này trở thành các vị tướng tá lừng danh như Lê Quảng Ba, Hoàng Sâm, Bằng Giang, Lê Thiết Hùng, Đức Thanh, Thế An... Ngay từ buổi đầu ấy, Bác đã nói: “Tuy cái gì cũng thiếu, nhưng dũng cảm có thừa”. Và để đáp lại những suy nghĩ nông cạn của một ai đó đã so sánh lực lượng của ta và Pháp chẳng khác nào: “Châu chấu đá voi!”, Bác đã khẳng định một cách đanh thép rằng: “Ngày nay châu chấu đá voi. Ngày mai voi sẽ bị lò rỉ nuốt ra”. Bác còn giải thích: “Bây giờ chúng ta mới có vài chục người du kích, chắc chắn sau này chúng ta sẽ có hàng chục vạn hùng binh!”.

Tháng 12 năm 1954, kỷ niệm lần thứ 10 ngày thành lập Quân đội nhân dân, Bác thêm một lần khẳng định: “*Những đội du kích nhỏ bé năm kia, đã thành hàng vạn Quân đội nhân dân hùng mạnh*”.

Từ trong đêm tối của chế độ thực dân phong kiến, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhìn thấy trước viễn cảnh của ngày mai tươi sáng. Người nhìn thấy và chỉ ra cho mọi người cùng thấy, song, đồng thời, Người luôn luôn nhắc nhở: “*Cách*

*mạng phải gian khổ, việc cách mạng là việc lâu dài, cách mạng nhất định sẽ thắng!", "Phong trào cách mạng như nước thủy triều khi lên khi xuống, trung kiên cũng như những hàng cọc, cọc đóng có chắc thì mới giữ được phù sa, phòng khi nước xuống"*¹.

Nói về công ơn đào tạo, rèn luyện của Bác, Đại tướng Võ Nguyên Giáp vẫn thường nhắc lại chuyện khi trao nhiệm vụ Nam tiến cho một số cán bộ chỉ huy, đến lúc đó, Bác vẫn bảo: "*Chú Văn phải chú trọng thêm quân sự*".

Chú Văn - tức Đại tướng Võ Nguyên Giáp, người anh Cả của các lực lượng vũ trang Việt Nam đã nhận được từ Bác biết bao lời dạy bảo quý giá. Như khi Bác nhận xét về Nghị quyết vũ trang khởi nghĩa của liên tỉnh Cao - Bắc - Lạng (tháng 4-1944):

"Chủ trương phát động chiến tranh du kích ở Cao - Bắc - Lạng là mới chỉ căn cứ vào tình hình địa phương mà chưa căn cứ vào tình hình cụ thể trong cả nước, mới chỉ thấy bộ phận mà chưa thấy toàn cục. Trong điều kiện bây giờ, nếu phát động ngày nhân dân nhất tề nổi lên đánh du kích theo quy mô và phương thức đã định trong nghị quyết, thì sẽ gặp nhiều khó

¹ *Những chặng đường lịch sử*, NXB Văn học, 1977, tr. 86-87.

khăn, có thể còn khó khăn hơn thời kỳ bị
khủng bố vừa rồi. Bởi vì, các địa phương khác
trong toàn quốc tuy phong trào cách mạng
đang lên cao nhưng hiện chưa nơi nào có điều
kiện vũ trang chiến đấu để sẵn sàng hưởng
ứng. Tình hình khu căn cứ Bắc Sơn - Vũ Nhai
ra sao, cũng chưa nắm được. Quân khởi nghĩa
Cao - Bắc - Lạng đơn độc dấy lên, nhất định
để quốc sẽ mau chóng tập trung lực lượng đàn
áp. Riêng về mặt quân sự, thì cũng không theo
đúng nguyên tắc tập trung lực lượng: cán bộ,
vũ khí đều phân tán, thiếu hẳn một lực lượng
nòng cốt”.

Người nhận định: “Bây giờ thời kỳ cách
mạng hòa bình phát triển đã qua, nhưng thời
kỳ toàn dân khởi nghĩa chưa tới. Nếu bây giờ
chúng ta vẫn chỉ hoạt động bằng hình thức
chính trị thì không đủ để đẩy mạnh phong trào
đi tới. Nhưng phát động vũ trang khởi nghĩa
ngay thì quân địch sẽ tập trung đối phó. Cuộc
đấu tranh bây giờ phải từ hình thức chính trị
tiến lên hình thức quân sự. Song hiện nay
chính trị còn trọng hơn quân sự. Phải tìm ra
một hình thức thích hợp thì mới có thể đẩy
phong trào tiến lên. Nếu phát động đấu tranh
mà mỗi khi địch đến, nhân dân lại phải tản cư
vào rừng núi, thì sẽ gặp rất nhiều khó khăn.

Phải làm sao, cứ hoạt động vũ trang mà dân ở đâu cứ ở đấy sản xuất, chỉ cần tăng cường canh gác để phòng không để địch bắt, hại những người hoạt động...”

Rồi Người đề ra một cách giải quyết: “*Lực lượng vũ trang của ta hiện nay đã ít lại phân tán quá. Bây giờ nên tập hợp những cán bộ, chiến sĩ anh dũng nhất, những vũ khí tốt nhất, tổ chức thành một đội vũ trang tập trung để hoạt động. Ta sẽ dùng hình thức vũ trang để gây ảnh hưởng cách mạng sâu rộng trong quần chúng. Tác chiến phải nhằm gây được ảnh hưởng tốt về chính trị, do đó mà mở rộng cơ sở, phát triển lực lượng vũ trang. Chúng ta sẽ lập đội quân giải phóng...”*¹

Chính trong giờ phút đó, đồng chí Võ Nguyên Giáp được chỉ định đảm nhiệm việc lập đội quân giải phóng. Với quyết định mới mẻ, đầy sáng tạo, với những nhận định sáng suốt, mang ý nghĩa tiên tri, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc, tức Chủ tịch Hồ Chí Minh sau này, trở thành người cha thân yêu của các lực lượng vũ trang Việt Nam.

Được biết, những ngày tháng ấy, tình hình hết sức khẩn trương. Khẩn trương, nhưng không thể

¹ Những chặng đường lịch sử, NXB Văn học, 1977, tr. 129-131.

nóng vội, không thể ăn non. Như hai câu thơ Bác viết trong nhà tù của Tưởng Giới Thạch, trước đó chừng 2 năm:

*“Phải nhìn cho rộng, suy cho kỹ,
Kiên quyết, không ngừng thế tấn công;
Lạc nước, hai xe đành bỏ phí,
Gặp thời, một tốt cũng thành công”*

(Học đánh cờ)

Phải nhìn cho rộng, phải thấy trước và bắt mạch đúng tình hình thời đại, Bác tự khuyên mình và cũng nhắc nhở các cộng sự của mình như vậy. Nhà tiên tri của cách mạng, vị lãnh tụ anh minh, người Cha thân yêu của quân đội ta, ở thời điểm ấy trong hình ảnh một Ông Ké, một Già Thu với bộ quần áo chàm và đôi giày vải Tàu cũ màu đen đã để lại cho các thế hệ sau biết bao lời dạy dỗ sâu sắc; bao gồm cả những điều dự báo, tiên đoán chính xác đến mức ngạc nhiên... Chính từ những tia lửa nhỏ ban đầu ấy đã bùng cháy rực sáng, đưa tới những chiến công lừng lẫy hoàn cầu sau này, làm kinh hoàng, bạt vía kẻ thù. Trong những trang hồi ký về thời kỳ khẩn trương ấy, các đồng chí Hoàng Văn Thái, Lê Thiết Hùng, Lê Quảng Ba... đều nhắc lại những đêm mùa đông trên núi cao, giữa căn buồng giá lạnh, không đèn đóm, mỗi người gối đầu trên một khúc gỗ

cứng, nằm nghe Bác phác thảo những nét chính về đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân, chỉ ra từ công tác tổ chức đến phương châm hành động, và cả việc cung cấp lương thực, đạn dược. Bác dặn đi dặn lại: *“Phải dựa vào dân, dựa chắc vào dân thì kẻ địch không thể nào tiêu diệt được!”*¹.

Buổi chiều ngày Bác duyệt kế hoạch thành lập đội Tuyên truyền Giải phóng quân, Bác nói:

- *Tình hình quốc tế đang có nhiều thuận lợi. Trong vòng một tháng phải có hoạt động. Trận đầu nhất định phải thắng lợi!*²

Và Người, trong bản Chỉ thị thành lập đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân, được viết như một bức thư nhỏ đặt trong bao thuốc lá, đã nêu đầy đủ đến từng chi tiết những vấn đề về tổ chức, ý nghĩa, phương pháp hành động, chiến thuật, vạch ra cả một tiền đồ rộng lớn của đội quân cách mạng:

“Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân là đội quân đàn anh, mong cho chúng có những đội quân đàn em khác.

Tuy lúc đầu quy mô của nó còn nhỏ, nhưng tiền đồ của nó rất vẻ vang. Nó là khởi điểm của

¹ *Những chặng đường lịch sử*, NXB Văn học, 1977, tr. 132.

² S.đ.d, tr. 133.

Giải phóng quân, nó có thể đi suốt từ Nam chí Bắc, khắp đất nước Việt Nam chúng ta”¹.

*

* *

Ngay cả khi Bác mệt, sốt cao, nằm mê sảng trên lán giữa rừng, Người vẫn nghĩ đến thời cơ Tổng khởi nghĩa, giành độc lập cho dân tộc. Bấy giờ, Nhật đảo chính Pháp đã được một thời gian. Sau Chỉ thị của Trung ương Đảng: *“Nhật Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta”*, Bác nói với đồng chí Võ Nguyên Giáp: *“Lúc này thời cơ thuận lợi đã tới, dù hy sinh tới đâu, dù phải đốt cháy cả dãy Trường Sơn cũng phải kiên quyết giành cho được độc lập”*. Và ngày 19-8-1945, ngày lịch sử thiêng liêng ấy là do Bác và các đồng chí quyết định, không thể sớm hơn hay muộn hơn một ngày.

¹ S.d.d, tr. 140.

DỰ KIẾN TRƯỚC MỌI TÌNH HUỐNG

- *Trường kỳ kháng chiến nhất định thắng lợi*
- *Chiến lược thu dụng người tài*

Giáo sư Trần Văn Giàu, trong hồi ký “Như có Bác Hồ ngày 23-9-1945 ở Sài Gòn, viết: “Chúng ta có một vị không phải trời Phật Thánh thần mà như có mặt mọi lúc, mọi nơi, ở trong tâm trí của mỗi người chúng ta, khuyến khích ta khi ta yếu đuối, soi sáng ta khi ta ám muội, dựng ta dậy khi ta trượt ngã, cổ vũ ta khi ta làm đúng, làm tốt. Ta làm quấy chẳng, dù nhỏ, ta thối chí chẳng, dù chỉ khoảnh khắc, ta thấy thẹn với vị ấy. Và tương đến vị ấy, ta lại phải làm, ta lại quật cường. Vị ấy là Chủ tịch Hồ Chí Minh, ta thân mật gọi là Bác Hồ”. Ông còn viết: “Tôi trực giác rằng, trên cả hai nghĩa trắng đen của từ, Cụ Hồ là người ái quốc chon chính nhất, một kẻ sĩ có tấm lòng sáng như nhật nguyệt. Phục vụ cách mạng dưới quyền

lãnh đạo của một người như thế, còn gì vững dạ bằng, còn gì sung sướng hơn, chắc rồi khó khăn lớn mấy, nhiều mấy cũng có thể giải quyết thắng lợi”.

Tưởng đó cũng là cảm nghĩ tự đáy lòng của nhiều cán bộ, đảng viên lão thành của cách mạng Việt Nam như Trần Văn Giàu. Nhớ lại, sau ngày 2-9-1945, tình hình Nam Bộ rất phức tạp, những người lãnh đạo đã có những chủ trương rất khác nhau trong việc đối phó với địch, phải đánh lại ngay hay kiên nhẫn chờ đợi lệnh? Bắc Nam đường xa nghìn dặm, tình hình thay đổi từng giờ, làm sao dung hoà, phối hợp được giữa hai chủ trương? Chính vào lúc ấy, những người lãnh đạo ở Sài Gòn quyết định lấy tư tưởng và tinh thần Cụ Hồ để hướng dẫn hành động chung. Giáo sư Giàu viết: *“Vô hình chung Cụ Hồ đã đến với chúng tôi ngay buổi sáng 23...”*. Phân tích trên cơ sở nội dung của Bản Tuyên ngôn độc lập và sự lãnh đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Trung ương ở Hà Nội, các vị “tin chắc rằng Cụ Hồ sẽ chuẩn y ý kiến đánh”... Tin tức gần nhất từ Hà Nội vào, như lời Giáo sư Giàu, “về thái độ cương nhu đúng mực của Cụ Hồ đối với bọn Lư Hán - Tiêu Văn đã chứng tỏ rằng Cụ Hồ vừa cứng như cán cung, vừa dẻo như cánh cung, mũi tên Cụ buông ra vì vậy có thể bay thật xa, cắm trúng đích”. Và

Ủy ban kháng chiến đã phát đi tờ Hịch đến quân và dân Sài Gòn, Nam Bộ, kêu gọi “tất cả đồng bào, già trẻ, gái trai, hãy cầm vũ khí xông lên đánh đuổi quân xâm lược...”.

Mấy chục năm, sau sự kiện ấy, Giáo sư Trần Văn Giàu xúc động hồi tưởng: “Quả thật là như có Bác Hồ trong ngày 23 tháng 9, trong những ngày đầu của cuộc kháng chiến. Tinh thần, tư tưởng của Bác đã cho phép chúng tôi ứng xử đúng và kịp thời trong một cảnh ngộ khách quan cực kỳ gay go. Âm lòng thay, vũng dạ thay, khi được chiến đấu dưới cờ của một bậc chí minh lúc nào, nơi nào cũng dường như ở cạnh ta, khiến ta luôn không thấy cô đơn...”

Vào thời điểm ấy, sau Tổng khởi nghĩa thắng lợi, nước Việt Nam dân chủ cộng hòa vừa ra đời song phải đối mặt trước muôn vàn khó khăn, đó là ngót hai chục vạn quân Tưởng, nửa vạn quân Anh, Ấn, quân viễn chinh Pháp, và Nhật mỗi lực lượng cũng mấy vạn tên đang ra sức chống phá chính quyền cách mạng non trẻ. Vận mệnh dân tộc như ngàn cân treo sợi tóc, đòi hỏi phải có một sự nhìn nhận thật sáng suốt để chèo lái con thuyền cách mạng vượt qua ghềnh thác đi lên.

Trung ương Đảng ra chỉ thị “Kháng chiến kiến quốc” (25-11-1945) nêu rõ nhiệm vụ trong

nước lúc này là *“phải củng cố chính quyền chống thực dân Pháp, bài trừ nội phản, cải thiện đời sống nhân dân”*.

Trong bút ký *“Công việc khẩn cấp bây giờ”*, Bác Hồ chỉ rõ: cuộc kháng chiến của ta phải kết hợp với kiến quốc. Đó là cuộc kháng chiến toàn dân, toàn diện và trường kỳ. Điều quan trọng bậc nhất là *“phải làm cho dân ta có Tín tâm và Quyết tâm”*. Bác nhận định rằng địch sẽ đánh ta đến cùng, *“vì nó thất bại ở Việt Nam, thì toàn bộ cơ nghiệp đế quốc nó sẽ tan hoang”*. Địch sẽ mang nhiều viện binh, tàu bay, xe tăng sang ta tàn phá, khủng bố dữ dội mong làm dân ta hoảng sợ, nhưng lực lượng địch chỉ có hạn. Nếu ta kiên quyết chống chọi qua giai đoạn chiến tranh chớp nhoáng, *“cố rán sức qua khỏi mùa đông lạnh lẽo, thì ta sẽ gặp mùa xuân”*.

Cuộc kháng chiến chống Pháp, trong dự đoán của Bác, là chắc chắn sẽ xảy ra. Ngay từ buổi đầu ở Tân Trào về Hà Nội, Bác đã nói với ông Nhị Quý, Bí thư Tỉnh ủy Thái Nguyên lúc đó, rằng, *“Bác cháu ta sẽ lại trở về Việt Bắc thôi”*. Ngay sau ngày Cách mạng Tháng Tám thành công, trước khi về Hà Nội, Người giao nhiệm vụ cho đồng chí Phạm Văn Đồng – khi đó là Bộ trưởng Bộ Kinh tế - và một số cán bộ ở lại một thời gian để củng cố căn cứ. Cuối tháng 10 năm

1946, Người lại phái đồng chí Nguyễn Lương Bằng lên Việt Bắc để lãnh đạo các công việc chuẩn bị. Đồng chí Trần Đăng Ninh được phân công phụ trách các đội công tác cũng được phái lên đó để chuẩn bị các An toàn khu.

Ông Trần Quốc Hương, một trong những cán bộ giúp việc cho đồng chí Nguyễn Lương Bằng, sau này trở thành nhà chỉ huy tình báo chiến lược, đã kể về chuyện nhìn xa, trông rộng của Bác gắn với chuyến di dời kho muối cùng những tình tiết nhớ đời trong câu chuyện về bản thân được Bác Hồ đặt cho “*biệt danh*” “*Hương chủ quan*”¹. Căn nguyên từ chuyến di chuyển căn cứ lên Chiến khu Việt Bắc, đồng chí Nguyễn Lương Bằng đã nói với ông: “Bác Hồ đã dặn chúng ta: *Kháng chiến tất nhiên phải lâu rồi, nhưng bao lâu thì ta chưa biết được. Các chú cứ phải đề phòng từ 5 đến 10 năm, phải làm thế nào để đến khi thắng lợi bộ đội và nhân dân Việt Bắc vẫn có muối dùng*”.

Hồi đó, ông Hương còn đang giữ kho muối khoảng hai vạn tấn. Bác Hồ đã dặn riêng ông: “*Chú phải đưa hết số muối này đi. Vàng bạc để lại cũng được. Việt Bắc mà không có muối là không sống được*”.

¹ Báo Công an nhân dân, số Xuân Giáp Thân 2004.

Ông Hương đã cho chuyển kho muối lên Xuân Mai, Hòa Bình an toàn. Đồng chí Nguyễn Lương Bằng đi kiểm tra kho. Lúc đưa đồng chí Bằng về, thay vì đợi trời tối, ông nghĩ đơn giản: Tây sang bên mình, gặp xứ nóng chịu không nổi, thế nào cũng phải “*la sieste*” (ngủ trưa). Đoạn đường chỉ có 7 cây số lại là đồng trống. Minh lợi dụng lúc này đi là an toàn nhất. Đồng chí Nguyễn Lương Bằng vốn rất cẩn thận, nhưng không hiểu sao lúc ấy lại tin tưởng ông Hương, đã đồng ý ngay. Vừa đi được 3 cây số, mọi người phát hiện 2 chiếc máy bay cổ ngỗng đang rà theo sát sát. Vậy là mạnh ai nấy nhảy ra khỏi xe, vừa kịp thoát khỏi loạt liên thanh đầu tiên. Ông Hương định thần lại, nhìn ra đã thấy cả vạt rừng lau đang nổ lốp đốp. Đồng chí Bằng mặt mày nám khói đen kịt, trầy xước. Ông Hương phải mượn một chiếc xe của anh em ở trạm gần đấy đưa đồng chí Nguyễn Lương Bằng về chỗ Bác Hồ nhưng lúc đến nơi rất sợ, không dám vào gặp Bác. Biết không thể nào tránh được, ông mon men đến gần đồng chí Vũ Kỳ, thư ký của Bác. Đồng chí Kỳ không biết thật hay đùa bảo: “Bác hôm qua giận lắm đấy!”. Đồng chí Hương lại tìm đồng chí Hoàng Hữu Kháng, đội trưởng Đội cận vệ để thăm dò ý Bác. Đồng chí Kháng thuật lại:

“Hôm qua anh Cả về, chỉ nghe Bác nói vọng ra câu: Thế chú lớn hay Hương nó lớn?”. Vậy là ông Hương yên trí. Tối đó, ngồi ở ngoài rót nước uống nhưng cố tình chạm ly tách để Bác lên tiếng. Bác hỏi: “Ai vậy?”. “Dạ con, Hương đây Bác!”. Bác hỏi: “Tại sao chú đi với anh Cả mà anh Cả về từ tối qua, đến giờ chú mới về?”. Đồng chí Mười Hương càng ấp úng, Bác càng truy cho ra. Cuối cùng, Bác đưa cho ông một ly nước cam và chiếc quạt, bảo có nóng thì quạt đi cho mát. Bác nói: “Chú là chú chủ quan lắm nhé. Suýt nữa là cái sảy nảy cái ung. Nếu anh ấy bị thương hay chết thì có phải thiệt hại biết bao nhiêu!”. Đồng chí Mười Hương xin phép Bác về, Người đưa cho ông 2 quả cam, ông ăn một quả, còn một quả tạt qua nhà cho con. Bác dặn: *“Chớ có chủ quan nữa đấy! Tôi đặt tên cho chú là “Hương chủ quan”.*

Đến tận ngày nay, đồng chí Mười Hương vẫn nhớ mãi câu nói của Bác “Cái sảy nảy cái ung” và biệt danh nhớ đời Bác đặt cho, nhưng đặc biệt nhớ lời Bác dặn dò về kháng chiến trường kỳ. Rõ ràng là tầm nhìn của Bác thật xa, thật rộng. Về câu chuyện này, Cụ Lê Văn Hiến, cố Bộ trưởng Bộ Tài chính, trong cuốn *Nhật ký của một bộ trưởng*, cũng kể: *Là người thận trọng, thiết thực và có trực giác tiên tri thiên tài, Bác*

giao cho ông Nguyễn Lương Bằng, lúc đó là Trưởng ban Tài chính Trung ương, lo việc vận chuyển hai vạn tấn muối từ kho Vạn Lý (Nam Định) lên Việt Bắc và Tây Bắc trước khi quân Pháp đánh chiếm miền ven biển nước ta. Số muối ấy, về sau vừa vận đủ cho cán bộ, nhân dân vùng căn cứ dùng trong suốt 8 năm kháng chiến trường kỳ. Sự tiên đoán của Bác chính xác đến mức diệu kỳ!

Ngoài muối, theo lệnh của Bác, Nha tiếp tế thuộc Bộ Kinh tế lo việc dự trữ thóc gạo. Hàng vạn tấn máy móc, vật tư cũng được nhanh chóng chuyển lên ATK (An Toàn Khu). Đại tướng Võ Nguyên Giáp, trong tác phẩm “Chiến đấu trong vòng vây” đã cho biết: “Mặc dù bị địch phong tỏa chặt chẽ miền biển, khi mở Chiến dịch Biên giới năm 1950, chúng ta vẫn còn bốn chục tấn muối để chuyển lên Cao Bằng”.

Lại nhớ chuyện năm 1947, Người ký sắc lệnh thành lập Ủy ban Tản cư Trung ương và chỉ thị tổ chức hội nghị bàn về việc tổ chức giúp đỡ đồng bào tản cư tại Ninh Bình. Thư gửi đồng bào tản cư, Bác viết: “Tản cư cũng là kháng chiến”, “Tản cư cũng phải tăng gia sản xuất”. Người kêu gọi đồng bào hậu phương: “Nhiều điều phải lấy giá gương, người trong một nước phải thương nhau cùng”.

Người coi hai tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An là căn cứ thứ hai của kháng chiến trên miền Bắc.

Người dạy: cuộc kháng chiến phải trường kỳ, và ngay từ lúc đó đã chỉ ra phương hướng của cuộc chiến tranh toàn dân, toàn diện: *Pháp có xe tăng, đại bác thì ta phá đường. Pháp có máy bay thì ta đào hầm. Pháp muốn đánh chớp nhoáng thì ta kéo dài. Nhất định ta thắng.*

Và như Bác tự nhận trong bài “Tự phê bình” đăng trên báo năm 1946:

“Phận sự tôi như một người cầm lái, phải chèo chống thế nào để đưa chiếc thuyền Tổ quốc vượt khỏi những cơn sóng gió, mà an toàn đi đến bờ bến hạnh phúc của nhân dân...”

Suốt chặng đường của cuộc kháng chiến đầy cam go gian khổ, đồng chí, đồng bào luôn thấy ở Bác một sự nhạy cảm lạ thường: Người dường như thấu hiểu mọi trạng thái tư tưởng, tình cảm của kẻ địch. Chính vì vậy Bác đã vận dụng một cách vô cùng sắc bén những đối sách cụ thể với từng loại kẻ địch, với từng tên.

Nhà cách mạng lão thành Hồ Đức Thành kể lại: Sau Cách mạng Tháng Tám, quân Tưởng ô ạt kéo vào nước ta với danh nghĩa giải giáp quân Nhật... Nhưng âm mưu đen tối của chúng là: “*Diệt Cộng cầm Hồ*” thành lập chính phủ quân sự hòng noi theo vết xe đổ của các triều

dại phong kiến trước kia để chiếm đóng lâu dài nước ta. Chúng bật đèn xanh cho bọn Vũ Hồng Khanh, Nguyễn Hải Thần gây bao tội ác trời không dung đất không tha.

Quân Tưởng, hoặc công khai, hoặc bí mật, đồng loã với bọn Việt quốc chiếm cứ thị xã, thị trấn của một số tỉnh mà chúng đi qua, rồi lập chính quyền phản động tại đó như ở Hà Giang, Lào Cai, Phú Thọ, Việt Trì... tiến hành cướp bóc, chém giết, bắt cóc cán bộ và đồng bào ở các nơi đó, kể cả Thủ đô Hà Nội.

Với lòng căm thù vô hạn, cán bộ, bộ đội và nhân dân ta khắp nơi sôi sục, ai cũng muốn đứng lên liều sống mái một phen để tiêu diệt chúng.

Một buổi sáng mùa đông năm 1945, mấy cán bộ chủ chốt ở Việt Trì, Phú Thọ được anh Trần Huy Liệu thay mặt Tổng bộ Việt Minh đưa đến dinh Chủ tịch báo cáo về việc quân Tưởng bao che bọn Việt quốc chiếm cứ Phú Thọ, Việt Trì, đồng thời thỉnh thị Bác về việc cho đánh quân Tưởng và bọn Việt quốc...

Bác lắng nghe các anh lần lượt báo cáo những tội ác của quân Tưởng và bọn Việt quốc. Quân Tưởng đóng ở vùng này lúc đó là quân đoàn của tên Chu Phúc Thành. Nghe báo cáo xong, Bác hỏi:

- Vậy ý kiến các chú định đối phó thế nào?

- Thưa Bác, chúng cháu ở địa phương đã thống nhất là quyết đánh, mà đánh sẽ nhất định thắng.

Bác quay sang hỏi anh Liệu:

- Vậy ý kiến chú Liệu thế nào?

Anh Liệu hết sức ủng hộ ý kiến của địa phương và cũng cam kết quyết thắng!

Bác lặng lẽ chia sẻ với những người đồng chí trẻ của mình về nỗi đau thương, mất mát do quân Tưởng và bọn bán nước gây ra cho đồng bào rồi điềm đạm nói:

- Chúng ta đang đứng trước gần 20 vạn quân địch chiếm đóng theo hiệp ước quốc tế mệnh danh Đồng minh vào giải giáp quân Nhật. Vì vậy đánh hay không, cần phải hết sức thận trọng, tính toán, cân nhắc, phân tích kỹ lưỡng. Nếu không sẽ có tội với nước nhà, với lịch sử.

Bác nói tiếp:

- Trước hết ta cần phải nhận thức về ta (biết mình). Về ta thế nào thì các chú rõ rồi đó. Còn về địch, "*biết người*", về số lượng và vũ khí, về bối cảnh xã hội, về tính năng... Chúng đi giày cỏ, ăn gạo lứt, cũng có thể luân rừng, lội suối khắp hang cùng ngõ hẻm, chịu đựng gian khổ không kém gì ta.

Nếu chiến tranh xảy ra, mấy chục vạn Hoa kiều trên đất nước ta cũng có thể có một bộ

phận trở thành đội quân thứ 5 của chúng.

Biên giới Trung Quốc bao quanh gần hết biên giới phía Bắc nước ta, với kỹ thuật hiện đại, giao thông tiếp tế của họ cũng không phải là khó khăn lắm.

Về danh nghĩa, họ là quân Đồng minh, nếu đánh họ thì khó được sự đồng tình ủng hộ của thế giới.

Suy cho cùng, - Bác nhấn mạnh - *nếu ta phát động một cuộc chiến tranh như vậy là không thích ứng các yếu tố: Thiên thời - Địa lợi - Nhân hòa.*

Nhưng, điều quan trọng nhất, mấu chốt nhất mà ta phải biết là: Hiện quân Tưởng đang bị hai sức ép lớn. *Một là*, Đảng Cộng sản Trung Quốc đang lãnh đạo những đội quân hùng mạnh (Hồng quân) từ miền Đông Bắc đánh xuống, làm cho quân Tưởng phải tập trung toàn lực, kể cả 20 vạn quân hiện đóng ở nước ta để đối phó, mà chắc chắn chúng sẽ tuyệt vọng. *Hai là*, theo Hiệp ước Pháp - Tưởng thì Tưởng sẽ rút toàn bộ quân lực về nước họ, nhường cho quân Pháp vào thay thế.

Với hai áp lực trên, quân Tưởng nhất định sẽ rút khỏi nước ta. Nghĩa là ta không đánh chúng cũng phải rút. Vậy thì tại sao ta lại bắt dân ta phải đổ máu không cần thiết để

chống quân Tưởng.

Chính lúc này đây, hơn bao giờ hết, chúng ta phải tập trung toàn lực để chống kẻ thù chính, kẻ thù lâu dài, đó là đế quốc thực dân phản động Pháp. Pháp là kẻ xâm lược cũ của ta, ta đánh Pháp nhất định sẽ được thế giới đồng tình. Đối với quân Tưởng, ta phải khôn khéo, kiên nhẫn đối phó, ngăn chặn sự tàn phá của chúng đối với ta.

Bác căn dặn:

- Mỗi khi giải quyết vấn đề phải có quan điểm toàn diện, tránh cục bộ địa phương. Chúng ta thấy Việt Trì, Phú Thọ..., nhưng cũng phải thấy cả Thủ đô Hà Nội, thấy toàn quốc. Thấy địa phương phải thấy cả trung ương...

Kể tới đó, tác giả Hồ Đức Thành kết luận:

- Đó là tầm chiến lược của Bác đối với kẻ thù. Không chỉ với Tưởng, mà cả với Pháp, Nhật, sau này đều ứng nghiệm cả. Một số học giả coi Bác là bậc tiên tri¹.

Trong *Hồi ký song đôi*, nhà thơ Huy Cận có thuật lại một chi tiết nói lên tầm nhìn xa trông rộng của Bác Hồ. Đó là đêm hôm Đại hội Tân Trào bế mạc, Người đến thăm các đồng chí Trần Huy Liệu, Trần Đức Thịnh và các đại biểu

¹ Tạp chí *Hữu nghị*, số 34, tháng 8 - 2002.

ở cùng nhà, trong đó có Huy Cận. Nhà thơ kể: “Tôi ở cùng nhà với anh Liệu, cho nên được nghe những lời Bác dặn. Anh Liệu và anh Thịnh là hai đồng chí hoạt động đã lâu năm mà tính tình lại sôi nổi. Hai anh nghĩ rằng: Về Hà Nội mà lại gặp bọn thực dân Pháp nhảy dù xuống hay đổ bộ vào là phải đánh ngay. Tôi còn nhớ anh Liệu nói: “*Mấy thằng Tây quèn quỳ gối đầu hàng Nhật, chúng ló mặt ra là phải quét ngay!*”. Anh Thịnh cũng gật gù tán thành. Tôi nghe Bác giải thích, giọng điệu chậm rãi, tiếng hơi khàn vì còn mệt: “*Chú nói mấy thằng Tây quèn, nhưng cả đế quốc Pháp thì nó chưa quèn đâu. Nhất định là nó lăm le cướp lại nước ta. Và nhất định là ta sẽ đánh lại. Nhưng phải đánh như thế nào cho thắng, phải tích lũy lực lượng, không đánh theo kiểu một trận anh hùng rồi ra sao thì ra*”. Sau đó tôi nhớ Bác giải thích thêm: “*Về, ta phải lợi dụng việc Đồng minh vào giải giáp quân Nhật làm cho Đồng minh thấy ý chí độc lập của dân ta và ta phải tổ chức lực lượng*”. Tôi nhớ anh Liệu cũng ngấm ngấm nghe ra dần lời bàn luận của Bác”¹.

Không phải sau Cách mạng Tháng Tám, Bác mới nói về cuộc kháng chiến trường kỳ mà ngay

¹ Tạp chí *Diễn đàn văn nghệ Việt Nam*, số 6-2004, tr. 48.

từ tháng 10 năm 1943, tại Liễu Châu, trong một buổi toạ đàm ở chân núi Lập Ngư Phong, bàn về khẩu hiệu “đánh Pháp, đuổi Nhật”, tình hình Chiến tranh thế giới thứ hai, Bác đã từng giảng giải:

“Hiện nay chúng ta nêu cao khẩu hiệu đánh Pháp đuổi Nhật là đúng. Đánh Nhật để bảo vệ dân ta, tiêu hao lực lượng địch đến mức có thể, góp phần với Đồng minh để tiêu diệt chúng. Nhưng chúng ta phải thấy trước rằng, phát xít Đức, Ý, Nhật nhất định thua. Vì vậy ta không đánh Nhật, Nhật cũng phải rút. Mà kẻ thù chính tương lai và lâu dài của ta là đế quốc thực dân Pháp. Quyền lợi của tư bản độc quyền thực dân Pháp bám chặt ở nước ta gần một thế kỷ, không dễ gì chúng chịu nhả ra. Tuyên bố của Đờ Gôn ở Angiêri đã chứng tỏ điều đó, vì vậy chúng ta cần phải cảnh giác cao độ và chuẩn bị mọi mặt sẵn sàng ứng phó...”¹.

Và khi Cách mạng tháng Tám thành công rồi, Bác và Đảng ta đã dự đoán một cuộc chiến tranh đầy máu lửa sẽ xảy ra. Đồng chí Nguyễn Đông, năm 1946 là Trưởng phòng tác chiến Bộ tổng tham mưu, kể lại rằng: sau khi nghe báo cáo về các vụ xung đột do Pháp gây ra, Bác nói:

¹ Tạp chí *Hữu Nghị*, số 34, tháng 8 – 2002.

*“giữa ta và Pháp nhất định sẽ có đánh nhau. Các chú giữ được hòa bình càng lâu càng có lợi cho ta. Nhưng phải tích cực chuẩn bị chiến tranh. Đánh nhau thì nhân dân ta phải quyết thắng”*¹. Bác đã từng chỉ ra rằng việc Pháp ký *Tạm ước* 14-9-1946 chỉ là thủ đoạn nhằm tranh thủ thời gian hòa hoãn để bọn cực hữu điều động binh lực sang Đông Dương, đầu độc dư luận Pháp và thế giới, tiến công các lực lượng dân chủ và tiến bộ, ổn định hậu phương, đẩy cuộc chiến tranh xâm lược Đông Dương trên quy mô rộng lớn.

Về phía ta, do sớm nhận rõ âm mưu của địch nên trước khi ký *Tạm ước* ở Pháp, Bác đã đồng ý ký *Hiệp định sơ bộ* (6-3-1946). Và trước đó, từ ngày 24-2-1946, Người chủ trì Hội nghị Ban thường vụ Trung ương Đảng, bàn về Chỉ thị về *Tình hình và Chủ trương*. Chỉ thị vạch rõ: “Vấn đề lúc này không phải là muốn hay không muốn đánh (với Pháp). Vấn đề là biết mình, biết người, nhận định một cách khách quan những điều kiện lợi hại trong và ngoài nước để chủ trương cho đúng”. Bác và Trung ương đã chọn con đường hòa với Pháp, nếu chúng công nhận Đông Dương tự chủ chứ không phải là tự

¹ Báo *Người Hà Nội*, số 20, 14-5-2004.

trị. Bác gọi đó là cách cân nhắc kỹ lợi hại, chọn cái nào ít hại nhất thì làm.

Chỉ thị cũng nhấn mạnh: “Điều cốt tử là trong khi mở cuộc đàm phán với Pháp, không những không ngừng một phút công việc sửa soạn, sẵn sàng kháng chiến bất cứ lúc nào và ở đâu, mà còn hết sức xúc tiến việc sửa soạn ấy và nhất định không để cho cuộc đàm phán với Pháp làm nhụt tinh thần quyết chiến của dân tộc ta”.

Nghị quyết phiên họp đầu tiên của Chính phủ Liên hiệp kháng chiến (4-3-1946) do Chủ tịch Hồ Chí Minh thành lập (ngày 2-3-1946) cũng ghi rõ: “chuẩn bị kháng chiến đồng thời đàm phán với Pháp trên nguyên tắc Việt Nam độc lập”.

Việc ký Hiệp định sơ bộ 6-3-1946 là thật sự quyết đoán kịp thời, đúng lúc. Hiệp định ấy hội tụ các yêu cầu và điều kiện cho phép việc ký kết; về phía ta, tránh được những khó khăn phức tạp và đạt hiệu quả cao nhất trong khả năng thực tế¹. Đại tướng Võ Nguyên Giáp, trong tác phẩm “Những năm tháng không thể nào quên”, có đề cập ý kiến của Hồ Chủ tịch về ý nghĩa thắng lợi này:

¹ Hồ Chí Minh với quan hệ ngoại giao Việt - Pháp thời kỳ 1945 - 1946, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, Mã số: 02.100.DH99-71.99, tr. 100.

“Nước ta tuyên bố độc lập từ tháng 8-1945. Nhưng tới nay chưa một cường quốc nào công nhận nền độc lập của ta. Cuộc điều đình với nước Pháp sẽ mở ra con đường làm cho quốc tế thừa nhận ta. Nó sẽ dẫn ta đến một vị trí ngày càng chắc chắn trên trường quốc tế. Đó là một thắng lợi lớn về chính trị”.

Lúc này, trong chủ trương của Bác, đấu tranh ngoại giao để bảo vệ độc lập, chủ quyền của đất nước luôn được đặt song song và gắn liền với việc tranh thủ thời gian bồi dưỡng sức dân, chuẩn bị lực lượng sẵn sàng kháng chiến khi cần thiết. Người nói về mối quan hệ ấy bằng hình ảnh: *“Thực lực là cái chiêng, ngoại giao là cái tiếng, chiêng có to, tiếng mới to”*¹.

Các văn kiện tiếp theo như Chỉ thị *Hòa để tiến*, Lời kêu gọi nhân dân bình tĩnh thi hành *Hiệp định sơ bộ*... càng làm rõ hơn mục đích nói trên.

Sự anh minh, tính khoa học trong thực tế đã chứng minh những điều Bác nói, Bác làm. Chúng ta đều biết, ngày 13-9-1946, sau khi cuộc thương lượng Việt - Pháp tại Phôngtennoblô chấm dứt, phái đoàn Chính phủ ta trở về nước. Không khí giữa Việt Nam và Pháp trở nên căng

¹ Những chặng đường lịch sử, NXB Văn học, 1977, tr. 305.

thắng thêm. Thủ tướng Pháp Bidôn, nhằm xoa dịu tình hình đó, mời Chủ tịch Hồ Chí Minh và Bộ trưởng Mariúyt Mutê đến một ngôi nhà của Chính phủ Pháp ở Ke Đuócsay (Quai d'Orsay). Cuộc trao đổi diễn ra khá phức tạp, kéo dài hơn một giờ đồng hồ, bắt đầu từ 17 giờ. Cho đến 1 giờ sáng (giờ Pari) ngày 15 tháng 9, Người ký với Bộ trưởng Mariúyt Mutê một văn bản mang tên *Tạm ước Việt - Pháp*. Văn bản này quy định một số điều quan hệ tạm thời về kinh tế và văn hóa giữa hai nước, đình chỉ chiến sự ở miền Nam, đồng thời quy định thời gian tiếp tục cuộc đàm phán Việt - Pháp vào tháng Giêng năm tới.

Khi ký xong *Tạm ước*, Bác nói với các nhà báo tại Pari:

“Sau ba tháng đi Pháp đã đem lại cho tôi một bản *Tạm ước*. Bản *Tạm ước* này đối với tôi có phải đã thỏa mãn không? Có và không. Được rất ít, nhưng có còn hơn không. Ký *Tạm ước* này, chúng tôi muốn chứng tỏ cho nhân dân Pháp biết chúng tôi mong muốn một tinh thần rộng mở trong sự hòa giải...”.

Còn với Mutê và Xanhtơni, Người tuyên bố thẳng:

“Nếu chúng tôi bắt buộc phải chiến đấu thì chúng tôi sẽ chiến đấu. Các ông có thể giết được

của chúng tôi 10 người, mà chúng tôi chỉ giết được 1 người của các ông, nhưng cuối cùng các ông sẽ phải nản chí”.

Chủ tịch Hồ Chí Minh và Trung ương Đảng đã làm tất cả để tránh một cuộc chiến tranh đầy máu lửa. Nhưng bè lũ thực dân Pháp do bản chất xâm lược hiếu chiến, tiếp tục gây nhiều tội ác trời không dung, đất không tha. Điều Bác tiên đoán đã trở thành sự thật. Sau mọi cố gắng, cuộc đàm phán không thành và cũng không hy vọng gì ở cuộc đàm phán tháng 1 năm 1947, toàn dân, toàn quân ta đã nhất tề đứng dậy tiến hành cuộc kháng chiến thần thánh dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng và Bác Hồ kính yêu, tiếp tục đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác đánh bại chủ nghĩa thực dân cũ, nêu cao lá cờ độc lập dân tộc, lá cờ chính nghĩa, góp phần quan trọng vào sự nghiệp cách mạng chung của toàn thế giới.

Tối 20 tháng Chạp 1946, Đài Tiếng nói Việt Nam đã truyền đi *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến* của Chủ tịch Hồ Chí Minh:

“Hỡi đồng bào toàn quốc!

Chúng ta muốn hòa bình, chúng ta phải nhân nhượng. Nhưng chúng ta càng nhân nhượng, thực dân Pháp càng lấn tới. Vì chúng quyết tâm cướp nước ta lần nữa.

Không! Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ.

Hỡi đồng bào!

Chúng ta phải đứng lên!

Bất kỳ đàn ông, đàn bà, bất kỳ người già, người trẻ, không chia tôn giáo, đảng phái, dân tộc. Hễ là người Việt Nam thì phải đứng lên đánh thực dân Pháp để cứu Tổ quốc. Ai có súng dùng súng. Ai có gươm dùng gươm, không có gươm thì dùng cuốc, thuổng, gậy gộc. Ai cũng phải ra sức chống thực dân Pháp cứu nước.

Hỡi anh em binh sĩ, tự vệ, dân quân!

Giờ cứu nước đã đến. Ta phải hy sinh đến giọt máu cuối cùng, để giữ gìn đất nước.

Dù phải gian lao kháng chiến, nhưng với một lòng kiên quyết hy sinh, thắng lợi nhất định về dân tộc ta!

Việt Nam độc lập và thống nhất muôn năm!

Kháng chiến thắng lợi muôn năm!

Lời tiên đoán “thắng lợi nhất định về dân tộc ta” sẽ được Người tiếp tục nhấn mạnh trong bài thơ Mùa xuân Đình Hối (1947) đầy hào khí:

“Cờ đỏ sao vàng tung bay trước gió,

Tiếng kèn kháng chiến vang dậy non sông.

Toàn dân kháng chiến, toàn diện kháng chiến,

Chí ta đã quyết, lòng ta đã đồng.

Tiến lên chiến sĩ! Tiến lên đồng bào!
Sức ta đã mạnh, người ta đã đông.
Trường kỳ kháng chiến, nhất định thắng lợi!
Thống nhất độc lập, nhất định thành công!”
Và trong bút ký “*Công việc khẩn cấp bây giờ*”
Người khích lệ toàn dân:

*“Cố rán sức qua khỏi mùa đông lạnh lẽo thì
ta sẽ gặp mùa xuân”*

Tổng Bí thư của Đảng, người học trò xuất sắc của Bác, Đồng chí Trường Chinh, từ đầu tháng 3 năm 1947, cũng bắt đầu cho đăng một loạt bài trên báo *Sự thật* nhằm giải thích và cụ thể hóa đường lối kháng chiến mà Bác Hồ đã vạch ra. Các bài viết đó, với các tiêu đề: “*Chúng ta đánh ai?*”, “*Tính chất cuộc kháng chiến của ta*”, “*Hình thái cuộc chiến tranh chống Pháp*”, “*Ba giai đoạn của cuộc kháng chiến lâu dài*”, “*So sánh hơn thua*”..., sau đó được bổ sung và in thành sách *Kháng chiến nhất định thắng lợi*

Một điều thú vị, đáng ghi nhớ là lời tiên đoán, lời quả quyết “*Trường kỳ kháng chiến nhất định thắng lợi*” đã được Bác đặt tên cho đội cận vệ bảo vệ của Bác trở lại căn cứ địa (lúc đó còn có tên gọi là “*Hậu phương lưu trú*”). Đội được hóa trang thành cái tên “*Đội thanh niên tuyên truyền xung phong*”, là một bộ phận công tác rất gọn nhẹ, gồm 8 người gần Bác nhất, vừa

làm cảnh vệ, công tác văn phòng, thư ký, liên lạc vừa phục vụ hậu cần, với tinh thần một người thạo nhiều việc - song, như đã nói, dù làm việc gì, bảo vệ Bác Hồ vẫn là nhiệm vụ quan trọng nhất.

Công tác bảo mật được đặt lên hàng đầu. Cứ mười ngày nửa tháng, đội lại chuyển chỗ ở. Bác đã vào tuổi 57, sức yếu vì qua bao nhiêu năm tháng gian lao, mà công việc bộn bề. Với chiếc gậy trúc, đôi dép cao su, Người đã lên đường kháng chiến.

Và đội công tác đã liên tục cùng đi với Bác lên Việt Bắc. Từ ngày 4 đến 17-3-1947, Người nghỉ và làm việc tại nhà ông Hoàng Văn Nguyên tại xã Cổ Tiết, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ. Tối mùng 5 tháng 3, trời rét, mấy Bác cháu ngồi quanh đống lửa trò chuyện. Nhưng về khuya, Bác đi bách bộ ngoài sân, dáng trầm tư suy nghĩ. Vận mệnh của Tổ quốc đang từng giờ đặt trên vai Bác - vị lãnh tụ tối cao của toàn dân tộc.

Sáng ra, Bác bảo tám thành viên trong đội đến "*khai hội*". Mọi người còn nhớ sáng tháng 3, cái rét ở vùng trung du thật dữ dội. Mọi người ngồi quây quần bên Bác. Như một người Cha, Bác nhìn mọi người rồi nói với giọng trầm ấm:

- Chiến sự đang ngày càng lan rộng, các chú

phải quân sự hóa mọi sinh hoạt. Đi ô tô không tiện nữa, để lộ bí mật. Ai có xe đạp thì cứ sử dụng, người còn lại sẽ đi bộ. Các chú may cho mỗi người một chiếc ba lô để đựng đồ dùng và cũng may cho Bác một cái để Bác đeo máy chữ.

Bác nói đến tình hình cụ thể của chiến sự và đường lối kháng chiến của Trung ương Đảng. Phổ biến xong, Bác hỏi:

- Các chú có ai còn thắc mắc gì không?

Một thành viên của đội đứng dậy hỏi:

- Thưa Bác, chúng cháu nghĩ mà vẫn chưa rõ tại sao ta lại phải đánh trường kỳ, vì đánh như vậy hại người, tốn của lắm.

Bác phân tích cho mọi người thấy rõ các mặt lợi hại rồi đưa ra một hình ảnh cho dễ hiểu:

- Sức ta bây giờ như chàng trai 16, mà thể giặc bây giờ như lão già quỷ quyết độc ác. Nếu ta cậy sức đánh bừa thì sao chắc thắng được? Phải vừa đánh vừa nuôi cho sức mình khoẻ lên. Khi sức ta đã khoẻ, giặc suy yếu dần, ta mới lừa thể quật ngã nó, như vậy có chắc thắng không?

Bác lại nhìn mọi người, khẳng định:

- Cho nên, kháng chiến trường kỳ mới nhất định thắng lợi!

Rồi Bác mỉm cười, nói tiếp:

- Để thể hiện quyết tâm kháng chiến của chúng ta, hôm nay Bác đặt lại tên cho các chú,

vừa giữ bí mật, vừa dễ gọi là: *Trường, Kỳ, Kháng, Chiến, Nhất, Định, Thắng, Lợi*. Không cố ý sắp đặt mà vừa đủ tám người. Bốn người đầu là người Kinh, bốn người sau là người dân tộc. Rồi Bác hỏi: Các chú có biết tại sao Bác đặt tên cho các chú như vậy không?

Mọi người ngồi im chưa hiểu thì Bác giải thích: Nhiệm vụ chính của Bác hiện nay là cùng toàn Đảng, toàn dân kháng chiến đến thắng lợi hoàn toàn. “Tám cái tên này chính là *“khẩu hiệu sống”* thường xuyên nhắc nhở Bác. Bác đặt tên cho các chú như vậy, cũng để hằng ngày nhìn thấy các chú hoặc gọi tên các chú là động viên Bác cố gắng hoàn thành nhiệm vụ.

Cũng ngày hôm trước, sau trận quân Pháp tấn công ra ngoại vi Hà Nội, Người đã viết thư gửi đồng bào cả nước vạch rõ âm mưu của địch và kêu gọi mọi người: *“Chúng ta không hoang mang. Chúng ta phải nhẫn nại, phải cương quyết. Thắng lợi cuối cùng nhất định về tay ta!”*.

Phát biểu với phóng viên các báo Việt Nam, ngày 9-3-1947, Người khẳng định:

“Nếu chiến tranh kéo dài, thì khối Liên hiệp Pháp cũng hỏng, lợi quyền Pháp ở Á Đông cũng mất, nước ta sẽ bị tàn phá tiêu điều. Nhưng, dù tiêu điều đến đâu, non nước này vẫn là non nước Việt Nam. Trên đồng xương máu, trên đồng tro

tàn, thanh niên ta, con cháu ta, sẽ xây dựng một nước Việt Nam hoàn toàn độc lập”.

“Chúng tôi vững tin vào thắng lợi cuối cùng của mình” - đó là đầu đề bài báo Bác viết cho Tuần báo “Vì một nền hòa bình lâu dài, vì một nền dân chủ nhân dân”, ký bút danh DIN, vào tháng 7-1953. Người viết: “...chúng tôi không say sưa với thắng lợi và không đánh giá quá thấp kẻ địch, nhưng chúng tôi tự cảm thấy ngày càng mạnh lên, ngày càng thêm vững tin vào thắng lợi cuối cùng của chúng tôi, ngày càng quyết tâm đuổi ra khỏi Tổ quốc mình bọn thực dân Pháp và quan thầy của chúng là bọn can thiệp Mỹ...”

Tối 7-8-1953, nói chuyện ở lớp chỉnh huấn cán bộ trí thức, Bác nhắc lại 10 năm trước: lúc ấy nói đánh Nhật, Pháp thì nhiều người cho là châu chấu đá voi. Nhưng ta vẫn tổ chức đánh Nhật, đánh Pháp để giải phóng dân tộc. Lúc đầu, bộ đội du kích ta có 12 người, trong đó có hai phụ nữ. Làm thế là vì mình xem về tương lai, tin tưởng ở thắng lợi, thấy rõ tình hình thế giới sẽ biến đổi, Nhật, Pháp sẽ xung đột nhau. Bây giờ ta có 12 người, sau sẽ có 12 vạn người. Ta quyết tâm, ta có thể, nên ta làm được...

Bây giờ có người hỏi sức ta mạnh hơn hay Pháp mạnh hơn? Nói về súng, đạn, xe tăng, máy bay thì có cái ta không có. Nhưng tại sao

ta nói ta mạnh hơn? Vì thế của ta mạnh hơn. Nói về người lính, tinh thần anh lính đứng đằng sau khẩu đại bác của địch rất thấp, nên đại bác chỉ là một cục sắt. Còn bộ đội của ta chỉ có tiểu liên nhưng biết vì ai mà đánh, đánh như thế nào, nên tin ở kháng chiến nhất định thắng lợi, tin vào lực lượng tinh thần của dân ta, cái gì làm cũng được¹.

Ngày 2-9-1953, trong Lời kêu gọi nhân dịp kỷ niệm Cách mạng Tháng Tám và ngày Độc lập, Bác chỉ rõ: *Thế ta ngày càng mạnh, thế địch ngày càng yếu.*

Lời tiên tri “*Trường kỳ kháng chiến nhất định thắng lợi*” trở thành một câu thơ trong *Thơ chúc Tết của Người*:

*“Toàn thể chiến sĩ thi đua giết giặc,
Đồng bào cả nước đoàn kết một lòng,
Trường kỳ kháng chiến nhất định thắng lợi,
Độc lập thống nhất, nhất định thành công!”*²

thành câu kết trong *Lời kêu gọi* ngày 2-9-1953, cũng như trong các bức *Thư gửi cán bộ, chiến sĩ và đồng bào Nam Bộ* (tháng 9-1953), trong *Lời kêu gọi nhân dịp kỷ niệm 7 năm toàn quốc kháng chiến*, trong các bài thơ *Kế hoạch Na-va*, *đầu voi đuôi chó*, và *Thơ chúc Tết Nguyên Đán*

¹ *Hồ Chí Minh toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, t.7, tr.113.

² *Báo Nhân dân*, số 89, từ ngày 1 đến 7-1-1953.

Giáp Ngọ – 1954... với những lời lẽ nôm na nhưng mang giá trị chân lý như:

*“Quân dân đoàn kết một lòng
Kháng chiến thắng lợi cờ hồng tung bay”;
“Quân và dân ta nhất trí kết đoàn
Kháng chiến, kiến quốc nhất định hoàn toàn
thành công...”, v.v..*

Giáo sư Trần Văn Giàu từng viết: “Tâm cơ của một nhà hiền triết chưa chắc ở chỗ giải quyết mối tương quan giữa tồn tại và tư tưởng, ở chỗ xác định thế giới này là thực tại hay là ảo ảnh, ở chỗ lựa chọn giáo điều quen thuộc hay sáng tạo mới lạ, mà chung quy là ở mức quan tâm đến con người, con người thật đang sống trên quả đất này và chắc còn sống lâu dài đến vô tận thời gian, lấy đó làm trung tâm của mọi suy tư và chủ đích của mọi hoạt động. Cụ Hồ thuộc loại hiền triết đó” (Dẫn theo Đỗ Ngọc Yên).

Một trong những nét nổi bật trong tư tưởng Hồ Chí Minh về con người là *lòng tin ở con người*. Tình tường, nhìn xa trông rộng trong công tác tổ chức cán bộ, đặc biệt là đối với nhân sĩ trí thức, kể cả những người trong tầng lớp quan lại cũ, chức sắc tôn giáo, nhìn người trong triển vọng, tương lai phát triển, tập hợp nhân tài, đóng góp công sức, trí tuệ cho cách mạng. Người thường nói với cán bộ giúp việc

xung quanh mình: “*Chúng mình chỉ là cái men thôi. Nền được rượu là nhờ có cơm nếp. Phải có đông đảo quần chúng tham gia mới thành cách mạng. Nhân sĩ, trí thức là thứ men tốt, cần phải kéo về mình*”¹.

Đó cũng là một tiên tri.

Chỉ hơn hai tháng sau khi đọc *Tuyên ngôn Độc lập*, ngày 14-11-1945, Người ra lời kêu gọi “*Nhân tài và kiến quốc*”, và hơn một năm sau lại có chỉ thị: “*Tìm người tài đức*” (20-11-1946) mà như nhận xét của nhà nghiên cứu Bùi Tiến là: Hai văn kiện đó chẳng những có giá trị trọng đại lúc đương thời mà còn có giá trị và có ý nghĩa vĩnh cửu đối với sự hưng thịnh của đất nước.

Trước sự khích lệ, tôn vinh, tin tưởng của vị lãnh tụ tối cao, biết bao bậc danh nhân, biết bao vị nhân sĩ, biết bao nhà trí thức đã tự nguyện đi theo tiếng gọi thiêng liêng của Người, tiến bước dưới lá cờ của bậc đại nhân, đại trí, đại dũng, đóng góp cao nhất tài năng, trí tuệ, và tài sản cá nhân cho kháng chiến và kiến quốc. Có thể nêu tên các vị: Huỳnh Thúc Kháng, Võ Liêm Sơn, Bùi Kỷ, Nguyễn Văn Tố, Tạ Quang Bửu, Phan Anh, Vũ Đình Hòe,

¹ Báo *Nhân dân*, số Xuân Giáp Thân 2004.

Nguyễn Văn Huyền, Trần Đại Nghĩa..., các vị quan lại cũ: Bùi Bằng Đoàn, Phan Kế Toại, Phạm Khắc Hòe, các chức sắc tôn giáo như Phạm Bá Trục, Nguyễn Mạnh Hà...

Sách báo đã viết khá nhiều về việc Chủ tịch Hồ Chí Minh mời cụ Huỳnh Thúc Kháng tham gia Chính phủ Liên hiệp kháng chiến. Thoạt đầu, cụ Huỳnh từ chối lời mời vì không biết rõ Hồ Chí Minh chính là Nguyễn Ái Quốc, và cũng chưa hoàn toàn tin tưởng ở đường lối cách mạng của Đảng ta. Phần nữa, cụ thấy mình tuổi đã quá cao. Đến lúc nghe nói Hồ Chủ tịch chính là Nguyễn Ái Quốc, cụ mới quyết định ra Hà Nội.

Khi cử người vào Quảng Nam mời Cụ Huỳnh, Chủ tịch Hồ Chí Minh nói: *“Ở bên Tàu vẫn còn trọng dụng những người khoa bảng, mà bọn Lư Hán còn đóng ở đây; chúng biết trong Chính phủ ta có vị Tiến sĩ Hán học, chúng cũng trọng. Cụ Huỳnh đã hy sinh nhiều, xin Cụ hy sinh thêm”*¹.

Giây phút gặp gỡ đầu tiên giữa Bác và Cụ Huỳnh thật là cảm động. Hai người bước vội tới, ôm hôn nhau; cả Bác và Cụ Huỳnh bỗng dưng đều ứa nước mắt. Bác và Cụ Huỳnh đã

¹ Dẫn theo Tạp chí *Đất Quảng*, số Xuân Giáp Thân - 2004.

nhắc tới Cụ Phó bảng ngày xưa, bao phen lặn lội ra Bắc vào Nam giữa những năm dài đen tối. Và ngay từ phút đầu, cụ Huỳnh đã thấy ở nhà cách mạng lòng danh mà từ lâu mình khát khao được gặp, một người rất thân thiết. Sau buổi gặp Bác, cụ Huỳnh đã nói với một người bạn: *“Dân ta có được cụ Hồ, quả là hồng phúc”*. Cụ đã đặt vào Người một sự tin cậy hoàn toàn. Mặc dầu Cụ hơn tuổi Bác nhiều, nhưng mỗi khi nhắc tới Hồ Chủ tịch, Cụ thường nói đó là vị *“Cha già của dân tộc”*.

Cụ Huỳnh đã nhận giữ chức Bộ trưởng Bộ Nội vụ trong Chính phủ Liên hiệp kháng chiến sắp thành lập.

Khi Hồ Chủ tịch sang Pháp với tư cách vị thượng khách của Chính phủ nước này, Người đã giao trọng trách cho cụ Huỳnh chức vụ Quyền Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Tại buổi tiễn đưa ở sân bay, Người dặn Cụ: *“Dĩ bất biến ứng vạn biến”*. Trong thời gian Bác Hồ đi vắng, cụ Huỳnh đã cùng các cộng sự dẹp yên vụ phản loạn ở phố Ôn Như Hầu, trấn áp bọn tay sai quân Tàu Tưởng, thu phục nhân tâm và nâng cao uy tín của Chính phủ Liên hiệp kháng chiến.

Khi cuộc kháng chiến chống Pháp bắt đầu, Bác đã từng cho đón ông Vương Chí Sình –

“Vua Mèo” từ Hà Giang về Hà Nội, kết nghĩa anh em và đổi tên họ thành Hồ Chí Thành. Cũng dịp ấy, Bác bí mật cho đón cụ Vi Văn Định - một người đã từng làm Tổng đốc Thái Bình trong bộ máy thực dân Pháp từ Lạng Sơn về Hà Nội.

Ông Hoàng Văn Kiêu, nguyên Ủy viên Trung ương Đảng, lúc đó là Bí thư Tỉnh ủy Lạng Sơn kể lại: “Để tránh sự theo dõi của Pháp, lúc này chúng đã vào đóng một số điểm ở Lạng Sơn, ô tô của ta từ Hà Nội lên cây số 5 ngoài thị xã cất giấu, chờ sẵn ở đó, còn anh em đi bộ vào cơ quan tỉnh ủy lúc đó còn đóng ở ba xã ngoài thị xã. Tôi cùng với anh Ba Ngo, anh Tôn Thất Tùng bàn nhau rồi lấy xe đạp hàng hoàng đạp qua thị xã, đi thẳng lên nhà ông Vi Văn Định. Lúc đi, chúng tôi vẫn lo ngại sẽ gặp nhiều trắc trở khó lường...”.

Lúc mới gặp, thấy toàn người quen, cụ Vi yên tâm, nhưng biết được mời về Hà Nội, cụ từ chối: “Tôi nay già yếu lắm rồi, chắc chẳng đóng góp được gì, xin để cho lão giả an chi”. Nhưng rồi, biết rằng đó là lời mời của Hồ Chủ tịch thì cụ rất xúc động đã lên đường.

Sau này ở ATK Việt Bắc, Bác Hồ thường qua thăm cụ Vi Văn Định và nhiều vị khác. Con trai cụ Vi là Vi Văn Kỳ được cụ Huỳnh Thúc Kháng

(lúc này Bác Hồ đang ở Pháp) cho bí mật chuyển vào Thanh Hóa. Tại đây, ông làm việc ở cơ quan Bộ Nội vụ cho đến lúc về hưu.

Mọi người rất khâm phục sự tiên đoán của Bác Hồ trong việc kịp thời đưa cụ Vi Văn Định rời khỏi Lạng Sơn, *“kéo hiểu sự thì không kịp”*. Đặc biệt, khi quyết định cử người đón cụ Vi Văn Định từ Lạng Sơn về Hà Nội, Bác đã nói: *“Con cháu cụ Vi đều đi với cách mạng cả”*. Quả thực sau này, con cháu cụ Định đều là những người có đóng góp xứng đáng với Đảng và nhân dân ta. Hai người con rể của cụ là Hồ Đắc Di (chồng bà Vi Kim Phú), Nguyễn Văn Huyền (chồng bà Vi Kim Ngọc) đều giữ trách nhiệm Bộ trưởng trong Chính phủ kháng chiến, còn Giáo sư Tôn Thất Tùng là cháu rể cụ. Con cháu của các ông Phạm Khắc Hoè, cụ Phan Kế Toại... cũng đều có những đóng góp đáng kể đối với cách mạng. Không ít trí thức cao cấp được Bác rèn luyện, giáo dục, trở thành những cán bộ nòng cốt, giữ trọng trách trong bộ máy Nhà nước như các cụ Vũ Đình Tụng, Tạ Quang Bửu, Phan Anh, Hoàng Minh Giám, Nguyễn Văn Huyền (Bộ trưởng); cụ Bùi Bằng Đoàn (Trưởng ban Thường trực Quốc hội), cụ Phan Kế Toại (Phó Thủ tướng Chính phủ), Linh mục Phạm Bá Trực (Phó Trưởng ban Thường trực Quốc hội)... Nhiều vị

đã trở thành anh hùng lao động, được nhân dân cả nước yêu mến, kính phục, như Trần Đại Nghĩa, Đặng Văn Ngữ, Tôn Thất Tùng, Phạm Ngọc Thạch, Trần Hữu Tước...

Nhìn thấy triển vọng phát triển của mỗi con người đồng thời Bác cũng nhìn khá tỏ tường những khả năng dẫn tới sự hư hỏng, thoái hoá, biến chất của cán bộ, đảng viên giai đoạn cầm quyền. Khi viết cuốn *“Sửa đổi lối làm việc”*, Bác đã chỉ rõ: *“Bệnh chủ quan, bệnh ích kỷ, bệnh hẹp hòi v.v.. mỗi chứng bệnh là một kẻ địch. Mỗi kẻ địch bên trong là một bọn đồng minh của kẻ địch bên ngoài. Địch bên ngoài không đáng sợ. Địch bên trong đáng sợ hơn, vì nó phá hoại từ trong phá ra. Vì vậy, ta phải ra sức đề phòng những kẻ địch đó, phải chữa hết những chứng bệnh đó”*.

Với tầm nhìn biện chứng, Bác cũng từng chỉ rõ:

“Một dân tộc, một Đảng và mỗi con người, ngày hôm qua là vĩ đại, có sức hấp dẫn lớn, không nhất định hôm nay và ngày mai vẫn được mọi người yêu mến và ca ngợi, nếu lòng dạ không trong sáng nữa, nếu sa vào chủ nghĩa cá nhân...”

Mỗi con người đều có thiện và ác ở trong lòng. Ta phải biết làm cho phần tốt ở trong

*mỗi con người nảy nở như hoa mùa xuân và phần xấu bị mất dần đi, đó là thái độ của người cách mạng*¹.

Những lời dạy của Người, những tiên tri của Người từ bao nhiêu năm trước, đến tận hôm nay vẫn rất thời sự, vẫn là những bài học quan trọng đối với mỗi con người trên bước đường đi tới...

¹ *Hồ Chí Minh toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, t.12, tr. 557-558.

NGỰ TRONG "GIẤC NGỦ MƯƠI NĂM"

"Giấc ngủ mười năm" là một thiên truyện hấp dẫn, được Bác Hồ viết năm 1949 và được Tổng bộ Việt Minh xuất bản cùng năm, tức là trong những năm đầu của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp còn rất gian khổ, gay go - của *"giai đoạn cầm cự"*.

Hiện thực trên đất nước ta, những năm ấy, được Người miêu tả qua sự trải nghiệm của một chiến sĩ quân đội. Đó là Nông Văn Minh - nhân vật chính của thiên truyện - một cố nông người Nùng ở Cao Bằng, vừa tròn 28 tuổi (anh sinh năm 1920). Cha anh, ông Nông Văn Quang, quanh năm khó nhọc, ngày mùa ra đồng cày cấy, hết mùa ra phố làm thuê. Ông lại thường phải đi phu, mà mỗi lần ông đi phu, Nông Văn Minh ở nhà nhịn đói. Lên 10 tuổi, Minh phải đi ở chăn trâu cho cụ Bá ở làng bên cạnh.

Đi ở cho địa chủ đúng 10 năm, về nhà Minh lấy vợ, tên là Xuân. Cuối năm, Xuân đẻ con gái, đặt tên là Đào. Cũng vào thời gian ấy, Minh theo cha tham gia cách mạng; kháng chiến bùng nổ thì vào Vệ quốc quân. Trong làng anh, tất cả thanh niên cứu quốc và một phần lớn nông dân cứu quốc vào dân quân du kích, phụ nữ cứu quốc cũng xin vào, nhưng đoàn thể bảo ở lại tăng gia sản xuất.

Những năm ở bộ đội, chiến đấu nhiều nơi, hết Lạng Sơn đến Bắc Giang rồi Bắc Ninh, Nông Văn Minh cảm phục trước tinh thần chiến đấu hy sinh dũng cảm của đồng bào ta. Anh cũng chứng kiến những tội ác tày trời của bọn thực dân Pháp: nào hãm hiếp đàn bà trẻ em, nào chặt đầu, móc mắt, mổ bụng, moi gan những người dân lương thiện. Chúng đã gây biết bao tội ác tày trời.

Trong trận đèo Bông Lau, Minh bị thương ở đầu. Máu chảy nhiều quá, anh mê đi bao giờ không biết.

Khi tỉnh lại, anh mới biết mình bị bệnh ngủ, và giấc ngủ kéo dài đến 10 năm!

Đó là ngày 15 - 8 - 1958.

Như vậy, ngay từ những ngày đầu của cuộc kháng chiến trong máu lửa, tàn khốc, nhà văn Trần Lực - tức Bác Hồ của chúng ta đã tưởng

tượng ra khung cảnh của 10 năm sau. Về cơ bản là đúng: kháng chiến đã thành công. Tác giả không nói thành công vào năm nào, nhưng cho biết năm 1958, hòa bình ở miền Bắc đã được 4 năm.

Và cảnh anh nằm ở bệnh viện: Gian phòng tĩnh lặng, chăn vải trắng tinh, lại hơi thơm thơm. Sờ trên đầu không thấy sẹo, không thấy đau gì cả. Cái buồng thật xinh xinh, sáng sủa, sạch sẽ. Trần và vách đều trắng toát. Trên bàn có một cốc sữa đặt trên một cái đĩa bằng thủy tinh. Lại có một cái bình cắm đầy những bông hoa tươi thơm ngát... Đó cũng đúng là cảnh bệnh viện những năm sau hoà bình. 10 năm trước, trong khói lửa chiến tranh, tác giả đã cảm nhận được sự thật ấy. Quả là một điều tiên tri tuyệt vời!

Ngồi bên giường Nông Văn Minh lúc này là một cô gái trẻ. Trong câu chuyện thân tình, cởi mở cùng cô, anh mới biết đó chính là con gái mình, cô bé Đào ngày xưa, đã trở thành sinh viên Y khoa, hiện đang thực tập ở bệnh viện...

- A di đà Phật! Minh nghe mà không tin vào lỗ tai mình. *"Thế nào! Thị Xuân, vợ thằng đi ở chăn trâu mà làm Chủ tịch xã ư?"* Con bé Đào, con của đứa ăn vụng cơm nhà địa chủ mà vào Đại học Y khoa ư?

“Tôi nghe lầm chăng? Tôi còn ngủ mê chăng? Hay là con tôi nói dối? Hay là thế giới đổi lộn nhào?”.

Nhưng rồi, anh hiểu ra: *“Cũng có lẽ. Nếu Tây thua, nếu Việt Nam thống nhất độc lập thì gì mà ta làm chẳng được!”.*

10 năm đổi thay thật kỳ diệu. Đổi thay của gia đình Minh hòa trong sự đổi thay của đất nước: *“Từ thành thị đến thôn quê, không còn có một người nào mù chữ, không còn có một người nào đói rách, không còn có một người nào thất nghiệp nữa.*

Phố xá, làng mạc, nơi nào cũng sạch sẽ xinh tươi.

Trường học, thư viện, nhà hát, phòng phát thuốc, sân thể thao nơi nào cũng có.

Cờ bạc, hút xách, trộm cắp, đĩ điếm đều mất...”

Với *“Giấc ngủ mười năm”*, Hồ Chủ tịch dựng lên trước mắt người đọc cả một viễn cảnh tương lai - viễn cảnh nhưng rất gần gũi, hiện thực - tạo nên một niềm tin tưởng, phấn khởi trong nhân dân, quyết hy sinh phấn đấu để đạt tới. Với viễn cảnh được vẽ ra rất gần với hiện thực như vậy không chỉ cho thấy niềm tin kiên định sâu sắc của Bác đối với công cuộc cách mạng mà còn cho thấy sự sáng suốt, trí tưởng tượng mang tính tiên tri tuyệt vời đến vậy. Sự tiên đoán ấy

là hoàn toàn có cơ sở khoa học. Như suy nghĩ của anh chiến sĩ Nông Văn Minh: *“Trước kia một cổ hai tròng, vừa Tây vừa Nhật, Việt Minh chỉ có hai bàn tay trắng mà cũng cách mạng thành công, cũng giành lại độc lập kia mà. Huống chi ta đã có chính phủ, có quân đội, có nhân dân, kháng chiến đã thắng lợi, thì gì ta làm chẳng thành công!”*.

Cũng trong thiên truyện này, tác giả - qua lời của Đào - thuật lại những trận đánh của quân đội ta, không riêng Nông Văn Minh, ngay những người đọc chúng ta, khi đọc truyện, mới biết những dự báo, tiên đoán trước đó của Bác. Đây là một đoạn kể của Đào:

- *“Chắc cha còn nhớ, giặc Pháp tấn công Việt Bắc cuối năm 1947. Song chắc cha không rõ chúng tấn công cách nào.*

Một mặt, chúng theo đường thủy lên sông Lô, đến Tuyên Quang, lên sông Gâm, đến Chiêm Hóa.

Một mặt, theo đường bộ, từ Tiên Yên qua Lạng Sơn, đến Cao Bằng rồi xuống Bắc Cạn.

Chúng gọi là hai gọng kìm.

Một mặt khác, chúng đánh từ Bắc Ninh, Bắc Giang lên.

Máy bay thì thả quân nhảy dù xuống Bắc Cạn, Chợ Mới, Đình Cả, Đại Từ và nhiều nơi khác.

Mục đích của chúng là, ngoài đánh vào, trong đánh ra. Dưới nước đánh lên, trên trời đánh xuống. Chúng đã chắc mẫm như thế thì cơ quan và bộ đội ta chạy đằng trời cũng không thoát khỏi cái lưới của chúng.

Nếu ta không khôn khéo, thì có lẽ như thế thật”.

- “Nhưng Chính phủ ta đã đoán trước âm mưu của giặc. Cụ Hồ liền ra lệnh cho quân đội và nhân dân phải kiên quyết xông ra cản giặc. Bộ Tổng chỉ huy thì cấp tốc điều động bộ đội chặn đánh các đạo quân Tây.

Về phía thủy, quân ta đại thắng ở Phủ Đotan, ở Tuyên Quang, ở sông Gâm, ở Chiêm Hóa, hàng chục chiến thuyền của Pháp bị ta đánh chìm. Máu chảy đỏ sông, lửa phun ngang núi. Bị chặn đánh liên tiếp, giặc vội vã rút lui. Chúng để lại vô số đạn dược súng ống và nhiều tha ma chôn lính Tây.

Thế là một gọng kìm của giặc bị ta đánh gãy.

Về phía bộ, quân ta đại thắng ở Bông Lau, Lũng Vài, Đông Khê, Thất Khê... Hàng chục chiếc xe của giặc bị đánh tan. Xác chất thành cồn, máu tràn đầy hồ. Phía đó chúng cũng thất bại và cũng để lọt vào tay ta nhiều súng đạn, thuốc men”.

Đào còn kể những trận thắng lớn của quân

và dân ta ở miền Nam, như trên đường Sài Gòn - Đà Lạt, Sài Gòn - Sa-đéc, đặc biệt là trận La Ngà làm náo động cả dư luận Pháp. Định thất bại thảm hại cả trên mặt trận chính trị, như việc lập ra chính phủ bù nhìn Vĩnh Thụy - Nguyễn Văn Xuân...

Ý chí quyết tâm trường kỳ kháng chiến đến thắng lợi hoàn toàn một lần nữa được khẳng định qua lời Đào nói với cha:

- *"Ngay từ lúc tiếng súng bắt đầu nổ, Chính phủ và nhân dân ta đã có một chính sách nhất định, một chính sách không thay đổi. Tức là kháng chiến cho đến thắng lợi cuối cùng, kháng chiến bao giờ giành được thống nhất và độc lập thật sự mới thôi. Như Hồ Chủ tịch đã nói: "Dù cần kháng chiến 5 năm, hay 10, 15 năm, ta cũng cứ kháng chiến".*

Nghe con gái kể các trận thắng lớn của quân và dân ta, Nông Văn Minh hỏi:

- Thế là giặc Pháp hoàn toàn thất bại, ta hoàn toàn thắng lợi, kháng chiến hoàn toàn thành công rồi, chứ gì?

Đào nói:

- Thừa cha chưa đâu. Lúc đó cũng có người tưởng như cha vừa nói. Nhưng Cụ Hồ bảo rằng: *con rắn thực dân đã bị ta đánh gãy lưng, song nó chưa bị đánh giập đầu. Còn đầu thì nó còn*

có thể cần. Vì vậy, ta cần phải cẩn thận hơn, đề phòng hơn, chuẩn bị hơn nữa, để đánh cho gấp đầu nó. Khi đó ta mới hoàn toàn thắng lợi!

Quả nhiên, như lời Cụ nói. Sau khi thất bại, giặc kéo nhau về giữ mấy thành thị lớn, để mưu vật với ta một keo nữa”.

Lại một lời tiên đoán!

Phải có thêm những trận đánh oanh liệt hơn nữa, thì Việt Nam mới hoàn toàn độc lập. “Bạo lực của thực dân đã tan nát. Chính phủ Pháp không thể “*cò kè bớt một thêm hai*” được nữa”. Lúc ấy, các cuộc đàm phán giữa hai nước mới diễn ra nhanh chóng. “*Đoàn đại biểu Pháp ban đầu tuy cũng tìm cách này hay cách khác để cãi lầy được, nhưng rồi cũng phải thừa nhận những điều kiện chính đáng của ta.*

Chỉ một tuần thì hòa ước ký xong.

Ba hôm sau, toàn cõi Việt Nam làm lễ ăn mừng kháng chiến thắng lợi”.

Thật là những trang văn đầy chất lạc quan cách mạng. Vâng, tác giả những trang văn ấy phải là người vững tin nhất, nắm chắc vận mệnh của dân tộc nhất. Giữa cảnh vui “*gấp mười gấp trăm ngày lễ độc lập tháng 9 năm 1945*”, với “*cờ đỏ sao vàng đỏ rực thành thị và thôn quê*”, “*đâu đâu cũng kéo cờ, treo đèn kết hoa*”, “*Hà Nội chật ních*

những người là người”, “có những cụ già mừng rỡ và vui sướng quá mà khóc như trẻ con”
Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói:

“Nước ta ngày nay được thống nhất và độc lập thật sự rồi. Thống nhất và độc lập đó là do mồ hôi nước mắt của đồng bào, do xương máu của chiến sĩ mà tranh được.

Ta thành công rồi, song chúng ta cũng như người đánh võ thắng lợi. Tuy thắng lợi, nhưng không khỏi chảy máu trầy da. Bây giờ cần phải lo chữa những vết thương đó.

Bao nhiêu thành phố bị tàn phá, làng mạc bị tan hoang. Bao nhiêu ruộng đất bị tiêu điều, đường sá bị hư hỏng; bao nhiêu đồng bào bị lưu ly thất sở, trẻ con bị mất mẹ lìa cha.

Đó là những thương tích mà chúng ta phải ra sức cứu chữa ngay.

Nhờ lực lượng đại đoàn kết mà chúng ta kháng chiến thắng lợi. Từ đây, cũng nhờ tinh thần đại đoàn kết mà chúng ta kiến quốc thành công”.

Những tuyên bố trên đây được viết năm 1948, một thời điểm - như đã nói - đầy những thử thách gay go của cuộc chiến tranh vừa bắt đầu. Vậy mà những tiên đoán cho mười năm sau, về cơ bản là hiện thực, hoặc ít nhất cũng đã mở ra một đường hướng tất yếu của lịch sử.

Chưa phải cả nước, nhưng miền Bắc, sau chiến tranh, đã từng ngày đổi thịt thay da, đã no ấm, giàu mạnh, dân chủ, hòa bình, đúng như cảnh tượng Người tiên đoán thông qua lời của nhân vật.

KỂ DỊCH MỚI SẼ HÙNG MẠNH VÀ HUNG ÁC HƠN NHIỀU

Trong hồi ký “*Nhớ lại một thời*” của mình, nhà thơ Tố Hữu đã mô tả niềm phấn khởi vô hạn của quân và dân ta khi nhận được tin toàn thắng ở mặt trận Điện Biên Phủ. Niềm vui ấy đã cho ông cảm hứng vô cùng to lớn, để viết một mạch bài thơ *Hoan hô chiến sĩ Điện Biên*. Mở đầu bài thơ, tác giả thể hiện lại đúng cái cảnh: giữa rừng đêm tối, bỗng thấy đuốc lửa sáng bừng và tiếng vó ngựa chạy lên dốc vào các cơ quan loan báo tin vui. Theo Tố Hữu, bài thơ này cùng với bài *Ta đi tới* là những tiếng ca sảng khoái nhất của ông. Nhưng ngay trong những giờ phút đầy phấn chấn mừng vui ấy, nhà thơ của chúng ta cũng đã được Bác nhắc nhở, vì Bác đã dự đoán được cả những chặng đường sau.

Ông kể: “Sáng 8-5-1954, tôi được gọi vào gặp

Bác Hồ đề báo cáo về công tác tư tưởng. Thấy tôi, Bác hỏi:

- Đêm qua các chú làm gì mà âm lên thế. Đánh giặc thì phải thắng. Thắng thì vui mừng. Nhưng sao lại hò reo ồn ào, náo động cả vùng Trung ương cần giữ bí mật! Bác đã điện ra mặt trận khen cán bộ và chiến sĩ ta đánh giỏi, nhưng nhắc không được chủ quan khinh địch. Đây mới là trận thắng đầu. Chiến thắng Pháp rồi, phải nhớ trước mặt ta còn có kẻ địch hùng mạnh hơn, hung ác hơn, đó là đế quốc Mỹ. Vì vậy phải chuẩn bị cho một cuộc chiến tranh lâu dài, gian khổ hơn. Các chú phải nhớ lấy. Trong công tác tuyên truyền không được tếu”.

Nhà thơ kể tiếp: “Sau khi được gặp Bác, tôi ra về, vừa phấn khởi, vừa lo lắng về công việc của mình. Bác nói “kẻ địch mới sẽ hùng mạnh và hung ác hơn nhiều”, bởi vậy công tác tư tưởng sắp tới phải chú ý khắc phục tính chủ quan và nhất là tâm lý “xả hơi” trong Đảng, trong nhân dân. Và thực tế đã diễn ra đúng như tiên đoán của Bác”.

Bác Hồ và Trung ương Đảng ta còn nhận định: Một khi Mỹ đã vào thay chân Pháp thì chắc chắn cuộc chiến đấu còn lâu dài.

Trong một hồi ký đăng trên báo An ninh thế giới, số 385 (ngày 10-6-2004), đồng chí

Phan Trọng Bằng kể:

“Một buổi chiều hạ tuần tháng 3-1954, Bác Hồ cho gọi đơn vị bảo vệ tập trung lại để Bác nói thời sự trong nước và thế giới cho cán bộ, chiến sĩ quán triệt tình hình mới (...). Bác phân tích sâu sắc bối cảnh, nhiệm vụ chiến lược mới của đất nước cho cán bộ, chiến sĩ nghe, đại ý: sự thất bại của thực dân Pháp rồi đây sẽ buộc chúng phải ngồi cùng ta đàm phán ở Genève. Pháp thua, nhưng phải thấy kẻ thù nguy hiểm là đế quốc Mỹ rất hiếu chiến. Quân dân ta phải hết sức cảnh giác để chuẩn bị đánh bại âm mưu của nó. Bác chỉ rõ, rồi ta sẽ thắng lợi, nhưng còn phải trải qua gian khổ hy sinh nhiều, quân và dân ta đoàn kết chặt chẽ dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, tích cực đấu tranh nhất định sẽ thắng lợi hoàn toàn”.

Đồng chí Phan Trọng Bằng viết tiếp:

“Qua buổi nói chuyện của Bác, cán bộ chiến sĩ đã nhận thức được tình hình hiện tại và sắp tới, thấy rõ dã tâm kẻ thù chính của dân tộc ta là đế quốc Mỹ; tính chất phức tạp của cuộc đấu tranh mới để thống nhất đất nước. Và ai cũng thâm đoán với sự chủ động nhạy bén sâu sắc, tiên lượng được thế cuộc và thời cơ nhất định Bác sẽ cử cán bộ giỏi nắm chắc được sách lược và chiến lược vào hai mặt trận đấu tranh ngoại

giao và đấu tranh chính trị để giành thắng lợi trước mắt và cả lâu dài cho cách mạng”.

Liên quan đến tình hình những ngày hòa bình đầu tiên, có một câu chuyện do ông Tạ Quang Chiến - một trong 8 người được Bác Hồ đặt tên *“Trường Kỳ Kháng Chiến Nhất Định Thắng Lợi”* - kể lại: Một lần, ông và ông Hoàng Hữu Kháng đến thăm Bác Hồ, đang lúc vui, các ông đề xuất ý kiến:

- Thưa Bác! Bây giờ đã hòa bình, tên gọi *Kháng Chiến* không hợp nữa, xin Bác cho đổi lại là Hòa Bình ạ!

Bác thoáng nghiêm mặt bảo:

- Không có đổi gì cả, bây giờ hòa bình nhưng vẫn còn phải chiến đấu. Có kháng chiến mới có hòa bình.

Hiểu ý Bác, các ông càng thấy ý nghĩa tên gọi lịch sử mà Bác đặt cho.

Nhớ lại thời điểm đó, nhà thơ Tố Hữu còn kể lại chuyện ngày Bác đến thăm lớp huấn luyện chuẩn bị cho tiếp quản thủ đô. Bác căn dặn nhiều điều mà Bác đã lường trước, kể cả những suy nghĩ, tính toán về quần áo, lương bổng lo lắng về tương lai tiền đồ và đặc biệt là *“Khi về xuôi thì đạo đức và nhân cách của mình như thế nào?”*

Xin được nghe lời Bác phân tích giảng giải bây giờ về xuôi thì thế nào?

“Học cái tốt thì khó, ví như người ta leo núi, phải vất vả, khó nhọc mới lên đến đỉnh.

Học cái xấu thì dễ, như ở trên đỉnh núi trượt chân một cái là nhào xuống vực sâu.

Mấy năm kháng chiến, các cô, các chú đã học được nhiều đức tính tốt. Về xuôi nhất là về thành thị, sẽ có nhiều người phức tạp, nhiều thứ quyến rũ mình vào thói xấu.

Ta ở rừng núi, quen tiết kiệm của công, của riêng. Đó là điều tốt. Về xuôi, Bác chỉ nói vài cái nhỏ: phở ngon, rồi thì đồng hồ, bút máy, xe đạp, v.v.. Nếu không giữ được thói quen tiết kiệm thì sẽ tham ăn ngon, tham mua các thứ xa hoa. Lương không đủ thì sẽ lấy ở đâu? Lúc ấy chỉ có hai cách: một là ăn cắp của Chính phủ, hai là bị tiền mua chuộc...

Một vài thí dụ: Nó đi buôn lậu, sợ anh bắt, nó cho anh cái đồng hồ, bút máy để đi thoát. Cán bộ đi mua bán, nó cho ăn một ít để mua dặt, bán rẻ cho nó. Đó là ăn hối lộ, mà ăn hối lộ là có tội, vì nó làm hại cho nhân dân, thiệt đến công quỹ của Chính phủ.

Có thể những người khi kháng chiến thì rất anh dũng, trước bom đạn địch không chịu khuất phục, nhưng đến khi về thành thị lại bị tiền bạc, gái đẹp quyến rũ, mất lập trường, sa vào tội lỗi.

Cho nên bom đạn của địch không nguy hiểm

bằng “*dạn bọc đường*” vì nó làm hại mình mà mình không thấy.

Muốn giữ vững nhân cách, tránh khỏi hủ hóa, thì phải luôn thực hành 4 chữ mà Bác thường nói. Đó là: Cần, Kiệm, Liêm, Chính...”¹.

Lời Bác dạy thật thấm thía, vì Người đã thấy trước những gì có thể xảy ra, chỉ cho mọi người cùng thấy để cảnh giác, đỡ vấp ngã.

Cũng vào đầu tháng 10 năm đó, Bác Hồ và một số vị lãnh đạo khác bắt đầu rời Đại Từ, Thái Nguyên bằng ô tô về Hà Nội: Theo kế hoạch bảo vệ Bác, tổ tiên trạm dự định đường đi của đoàn là từ Đại Từ, qua Vĩnh Yên, rồi về thị xã Sơn Tây, nghỉ lại ở đó trước khi về Hà Nội. Trên tuyến đường đi, những địa điểm dự kiến sẽ dừng lại nghỉ chân đều đã bố trí sẵn sàng. Các lực lượng trinh sát được chuẩn bị chu đáo, có sự phối hợp với công an địa phương bảo vệ từ xa. Khi đến chặng nghỉ lần thứ nhất, lực lượng bảo vệ đề nghị Bác nghỉ chân.

Người hỏi:

- Địa điểm này do các chú bố trí à?

Các anh Du và Tiến thưa:

- Vâng ạ!

Nghe vậy, Bác quyết định lên xe đi tiếp.

¹ Lời Bác nói ngày 5-9-1954, lưu tại Cục lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng.

Đến một gốc gạo bên cạnh bãi cỏ rộng xa dân, Người ra lệnh dừng xe lại để nghỉ. Địa điểm này ở cách xa địa điểm vừa bố trí chừng 2 km. Bác giải thích:

- *Địa điểm trước ta không dừng lại nghỉ vì các chú công an đã cử người bảo vệ. Biết đâu lại huy động cả người địa phương tham gia? Việc gì cũng vậy, nếu nhiều người biết thì không giữ bí mật được. Đã có nhiều người biết và cùng tham dự thì kẻ địch cũng có thể biết được. Đất nước mới hòa bình, kẻ địch còn nhiều âm mưu phá ta. Những người trước đây đi lính cho Pháp chỗ nào chẳng có. Họ chưa hiểu ta, do đó ủng hộ ta chưa triệt để. Cho nên, cảnh giác không thừa. Bác chuyển vị trí nghỉ giải lao cũng chính là giúp các chú làm công tác bảo vệ.*

Chỉ là việc chuyển chỗ nghỉ giải lao, nhưng nó nói lên sự cảnh giác cao độ và sự tiên đoán của Bác về những gì có thể xảy ra.

Trở về Hà Nội, Bác có thư khen các chiến sĩ và cán bộ của các đơn vị tiếp quản Thủ đô. Trong thư, Bác viết: “Bác vui lòng khen ngợi các chú, đồng thời Bác lại dặn các chú:

- *Chớ vì có thành tích mà chủ quan,*
- *Phải luôn luôn cảnh giác và giữ kỷ luật chặt chẽ.*

- Phải luôn luôn thi đua học tập và công tác, mở rộng tự phê bình và phê bình để tiến bộ mãi, để làm cho bộ đội ta càng thêm hùng mạnh, chính quyền ta càng thêm vững chắc”.

Bác viết nhiều bài báo, ký bút danh C.B., vạch rõ âm mưu thâm độc của Mỹ nhằm phá hoại cách mạng của nhân dân các nước Đông Dương. Người cũng viết nhiều bài nói về lập trường, tư cách đạo đức của người cán bộ cách mạng trong tình hình mới. Trong bài “Người cán bộ cách mạng”, Người chỉ rõ:

“Chúng ta phải hiểu rằng: Những thắng lợi chúng ta đã tranh được tuy rất to, nhưng mới chỉ là thắng lợi bước đầu trên đường đi muôn dặm. Cho nên chúng ta quyết không nên vì thắng mà kiêu. Chúng ta phải thấy rằng chúng ta còn nhiều khó khăn; thấy khó khăn để khắc phục khó khăn, chứ không phải thấy khó khăn mà sợ hãi, nản chí”.

Người viết tiếp:

“Trong hoàn cảnh hòa bình ngày nay, số đông cán bộ ta vẫn giữ vững truyền thống cách mạng tốt đẹp, cần cù chất phác, bền bỉ đấu tranh, làm tròn nhiệm vụ.

Song có một số cán bộ lầm tưởng hòa bình là thái bình, thờ ơ với đạo đức cách mạng và mắc nhiều khuyết điểm sai lầm. Thí dụ:

- Muốn nghỉ ngơi, sợ gian khổ, muốn công tác thành thị, không thích đi cải cách ruộng đất.

- Ngại công việc khó, không ham học tập, thiếu cảnh giác, kém kỷ luật.

- Muốn ăn tiêu rộng rãi, thích phô trương lãng phí. Do đó mà tự tư tự lợi, tham ô hủ hóa.

- Ghen tị địa vị, quan liêu bao biện, không tin vào lực lượng quần chúng, không tin tưởng vào đấu tranh chính trị, hễ gặp khó khăn thì dao động hoang mang...”

Những lời nhắc nhở, phê bình của Bác cũng là những tiếng nói mang tính tiên tri, lường trước những gian khó, vấp ngã trên bước đường muôn dặm.

Còn nhớ, ngày 10-3-1958, đến thăm Sư đoàn 316, Bác Hồ nhấn mạnh: Chiến thắng Điện Biên Phủ là một cái mốc chói lọi bằng vàng của lịch sử dân tộc ta, đồng thời nó còn in đậm vào trí nhớ của các dân tộc anh em, bạn bè quốc tế. Bác căn dặn: “*Rồi các nước sẽ đến thăm ta, thăm chiến trường Điện Biên Phủ. Ta phải coi trọng giữ gìn cái nơi làm nên lịch sử đó!*”¹.

Tháng 5-1990, trò chuyện với phóng viên báo Văn Nghệ, nhà thơ Tố Hữu kể lại chuyến gặp Bác lần đầu tiên tại Hà Nội, chỉ gần 2 tháng sau khi

¹ Báo An ninh thế giới, số 146, ra ngày 6-5-2004.

nước nhà độc lập, đồng chí Tố Hữu có thư với Bác: “Bọn cháu ở bí mật ra, không hiểu chính quyền, xin Bác cho kinh nghiệm để về làm”.

Bác nói:

- Bác cũng mới làm. Bác có làm Chủ tịch bao giờ!

- Dạ, nhưng xin Bác chỉ vẽ cho. Bác cho ý kiến như ở Huế thì nên làm thế nào?

- Ồ, cứ hỏi dân. Dân ưng cái gì, không ưng cái gì. Người ta ưng cái gì thì làm, không ưng cái gì thì đừng có làm. Làm thế nào, cũng hỏi dân. Cử ai làm, cũng phải hỏi dân.

Kể lại câu chuyện trên, Nhà thơ Tố Hữu nói: “Tóm lại, chính quyền theo Bác chỉ có ba câu. Sau này ta nói: dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra - theo tôi có lẽ không rõ bằng ba câu của Bác...”.

Đó là những lời dự báo, chỉ đường cho hoạt động của các cấp chính quyền trong tương lai. Có thể nói, bất cứ việc gì ở đâu và vào thời điểm nào, Bác đều tính trước, lo sau, nhìn thấy sự việc. Lại nói lại chuyện từ trước ngày độc lập. Bác đã dự đoán sẽ có một cuộc kháng chiến tiếp theo. Cho nên Người đã bố trí một số cán bộ xây dựng căn cứ địa. Một đêm cuối thu 1947, trở lại Việt Bắc, Bác cho mời ông Ma Đình Kháng Chủ tịch huyện Định Hoá tới lán Bác ở. Đã khuya lắm, Bác vẫn thức. Ông

Kháng đến. Bác nói:

- Sớm muộn Pháp sẽ đánh lên Việt Bắc. Chú đã vạch kế hoạch tác chiến cho huyện chưa? Khi địch đánh tới đây, Bác chuyển đi đâu, chú đã sắp xếp chưa?

- Dạ, đã chuẩn bị cả rồi ạ...

Chính lời nhắc nhở của Bác đã giúp cho việc xây dựng củng cố An toàn khu vững vàng hơn. Bác còn dặn dò kỹ cả về cách chọn địa điểm ở:

*Trên có núi,
Dưới có sông
Có đất ta trồng,
Có bãi ta vui
Tiện đường sang Bộ Tổng,
Thuận lối đến Trung ương
Nhà thoáng, rào, kín mái,
Gần dân, không gần đường.*

Chính từ những căn dặn hết sức cụ thể, chi tiết ấy, Bác đã lãnh đạo thành công cuộc kháng chiến thần thánh của dân tộc. Điểm lại hàng loạt dự kiến của Bác, Đại tướng Võ Nguyên Giáp luôn lý giải thấu đáo ngọn nguồn, ông viết: “thực tế cùng với thời gian sẽ là nhà kiểm nghiệm sâu sắc”.

Trong tác phẩm *Việt Bắc anh dũng* của Bác, ký bút danh Tân Sinh, do Tổng bộ Việt Minh xuất bản lần đầu tiên năm 1948, mục đầu tiên

mang nhan đề: “Những lời đoán trước”. Đoạn đó viết: “Ngay lúc bắt đầu kháng chiến, Hồ Chủ tịch ra lệnh: *Trường kỳ kháng chiến*, để đánh tan mưu mô *Đánh mau thắng mau* của thực dân. Ngày trước khi Trung đoàn Thủ đô rút khỏi Hà Nội, Hồ Chủ tịch đã đoán trước: Địch sẽ cố chiếm mấy thành thị và mấy đường giao thông. Chúng càng rải rác, lực lượng càng mỏng manh, ta càng dễ tiêu diệt chúng.

Ngay lúc đầu, Bộ Quốc phòng và Bộ tổng chỉ huy đã định dùng chiến thuật du kích để tiêu diệt địch.

Càng ngày chúng ta càng thấy những ý định trên là sáng suốt, nhất là trong cuộc tấn công vào Việt Bắc, chúng ta càng thấy rõ như thế”.

Đó chính là một trong những tiên đoán lớn nhất của Bác ở quãng đầu của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.

Cũng nói về thiên tài quân sự, chúng ta có thể tìm trong *Hồ Chí Minh Biên niên tiểu sử* ở tập 4, trang 332, những điều tiên đoán đã được thực tế kiểm chứng sau này, khi Bác trả lời phỏng vấn của phóng viên báo *Cửu Quốc* về tình hình Trung Quốc, Người nêu rõ: “*Tướng thống chế thất bại vì không được lòng dân, quân giải phóng thắng lợi vì được toàn dân ủng hộ*”. Và Người tiên đoán: “*Cứ cái đà ấy thì cuộc nội chiến Trung Hoa có thể kết liễu trong*

năm nay” (6-1949).

Trong *Lời kêu gọi* nhân dịp kỷ niệm 4 năm Ngày toàn quốc kháng chiến (1950), Người đã đánh giá sự thay đổi lực lượng giữa địch và ta: *“Tình thế bên địch ngày càng khó khăn”,* còn *“Ta đã từ bị động chuyển dần sang chủ động, từ thế yếu chuyển dần sang thế mạnh, từ thế thủ chuyển dần sang thế công”* (19-12-1950).

Như lời kể của Cố Phó Chủ tịch Nguyễn Lương Bằng:

“Khi ta mở Chiến dịch Điện Biên Phủ, Bác dự báo: Thực dân Pháp trừ tính quân ta sẽ tiếp tục đánh thắng nhiều nơi nữa, không loại trừ đánh vào cả Hà Nội. Bởi thế cho nên Pháp không những tập trung lực lượng và vũ khí củng cố thế trận giữ cho được tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ mà còn bảo vệ và giữ cho được Hà Nội. Vì vậy, *Bác đã chỉ đạo lực lượng vũ trang ta cần phải “dĩ độc trị độc”.* Ta sẽ giải phóng Hà Nội, nhưng không đánh vào Hà Nội. Ta phải tập trung lực lượng và vũ khí quyết đánh thắng thực dân Pháp ở Điện Biên Phủ thì ở Hà Nội ta không cần đánh, giặc cũng tan”¹.

Ở một góc độ khác, Cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng kể:

“Tháng 4-1954, cuộc chiến đấu ở Điện Biên

¹ Báo Công an Nhân dân, số Xuân 2004.

Phủ đang ác liệt, tôi đến chào Bác trước khi đi Gionevơ (Genève), *Bác cho biết là sẽ có món quà quý tặng đoàn đại biểu của ta, và chiến thắng Điện Biên Phủ, món quà vô giá ấy, đã đến ngay chiều hôm trước ngày Hội nghị Gionevơ khai mạc*¹.

Cũng trích dẫn lời Cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng, báo *Người Hà Nội*, số 19, số ra ngày 9-5-2003 đã có lời bình:

“Đây là ngẫu nhiên hay tất yếu? Trong lịch sử lắm khi ngẫu nhiên là tất yếu, và Bác Hồ là người cực kỳ nhạy cảm với cái ngẫu nhiên là tất yếu và cái tất yếu là ngẫu nhiên này”.

Có thể với sự dự báo, tiên đoán chính xác đến dường ấy, nên quân đội ta đã đi là đến, đã đánh là thắng. Xin nghe Đại tướng Võ Nguyên Giáp kể *“Cuộc họp ở Tỉn Keo”*²:

“Bác ngồi hóp, thái độ bình thản, điều thuốc lá kẹp giữa hai ngón tay duỗi thẳng. Thuốc lá là thứ “xa xỉ” duy nhất của Người trong sinh hoạt hàng ngày. Có lúc Người đã nói với cán bộ: “Mình có hai khuyết điểm: một là không lập gia đình, hai là... hút thuốc lá”. Đôi mắt Người chột lộ vẻ chăm chú. Bàn tay Bác đặt trên bàn, bồng

¹ Báo *Nhà báo và Công luận*, số 11, từ 12 đến 18-3-2004.

² Báo *Quân đội Nhân dân*, trung tuần tháng 10-2003.

giơ lên và nắm lại. Người nói:

- *Địch tập trung quân cơ động để tạo nên sức mạnh... không sợ! Ta buộc chúng phải phân tán binh lực thì sức mạnh đó không còn.*

Bàn tay Bác mở ra, mỗi ngón tay trở về một hướng”.

Nhà báo Trần Trọng Trung cũng đã kể lại chi tiết này trên báo *Quân đội Nhân dân*, ngày 26-2-2004, và bình luận:

“Bàn tay và cách diễn đạt của Cụ gợi lại một hình ảnh 6-7 năm về trước. Mùa khô năm 1947, hàng vạn quân Pháp, hình thành hai gọng kìm lớn dài hàng mấy trăm kilômét, hùng hổ bao vây tiến công căn cứ địa Việt Bắc. Hồi đó, nói chuyện với một số cán bộ trong Tổng hành dinh, dùng cách diễn đạt riêng bằng hình tượng dễ hiểu của mình, *Cụ Hồ phân tích ý định của địch là sẽ khép chặt gọng kìm lại, thực hiện hội quân ở vùng Chợ Đồn – Đại Thị, hòng tạo thành một cái ô bọc lấy trung tâm An Toàn Khu, rồi chúng cụp ô lại, trên đánh xuống, dưới đánh lên, hòng bắt gọn cơ quan lãnh đạo kháng chiến. Cụ khẳng định: chúng chỉ mạnh ở hai gọng kìm thì cái ô cụp xuống sẽ trở thành cái ô rách. Quả nhiên, khi quân ta tập trung đánh mạnh trên hướng sông Lô – Đường 2, đập tan gọng kìm phía Tây là hướng yếu nhất, địch buộc phải lui quân.* Mùa

khô này, bàn tay xoè rộng của Cụ chỉ rõ phương hướng hành động của toàn quân phải vô hiệu hoá bằng được khối cơ động chiến lược mà bộ chỉ huy Pháp coi là công cụ chủ yếu quyết định thắng lợi của kế hoạch Nava”.

Lại nói về Chiến thắng Điện Biên Phủ với đặc điểm nổi bật là sự thay đổi cách đánh về phía Việt Nam chuyển phương châm chỉ đạo tác chiến từ “đánh nhanh, thắng nhanh” sang “đánh chắc, tiến chắc”. Thực ra, Bác đã lường trước tình huống này. Khi trao nhiệm vụ cho đồng chí Võ Nguyên Giáp – người nắm quyền lực tập trung về quân sự tại mặt trận (Ủy viên Bộ Chính trị, Tổng tư lệnh quân đội và trực tiếp làm Chỉ huy trưởng Chiến dịch Điện Biên Phủ, kiêm Bí thư Đảng ủy Mặt trận), Bác nói: *“Trận này rất quan trọng, phải đánh cho thắng, phải chắc thắng mới đánh, không chắc thắng không đánh”*. Bác còn dặn dò thêm: *“Tướng quân tại ngoại, giao cho chú toàn quyền. Có vấn đề gì khó khăn, bàn thống nhất cùng đảng ủy, thống nhất với cố vấn rồi thì cứ quyết định rồi báo cáo sau”*¹. Chính những lời

¹ Trích tham luận của Giáo sư Phan Huy Lê tại Hội thảo “Điện Biên Phủ – 50 năm nhìn lại”, do Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn (Đại học quốc gia Hà Nội) và Trường Đại học Paris 1 Patheon-Sorbonne phối hợp tổ chức tại Hà Nội, tháng 4-2004.

căn dặn mang tính cấm nạng ấy đã giúp Đại tướng Võ Nguyên Giáp có được “quyết định khó khăn nhất trong đời chỉ huy”² mang tính lịch sử quan trọng như vậy.

Đại tướng Võ Nguyên Giáp còn kể rằng:

“Khi quân ta đã đánh thắng, tôi nhớ chiều 7-5-1954, tôi điện về báo cáo với Bác và Bộ Chính trị. Hôm sau 8-5, Bác Hồ gửi điện khen ngợi cán bộ, chiến sĩ, thanh niên xung phong, dân công, khen ngợi đồng bào các dân tộc. Trong đó có câu “Thắng lợi tuy lớn nhưng mới là bắt đầu”.

Nhận được điện khen của Bác, tôi triệu tập cán bộ chỉ huy chiến dịch ở Mường Phăng, chiêu đãi anh em bữa bánh cuốn Mường Phăng (tất nhiên không ngon bằng bánh cuốn Hà Nội). Tôi đọc điện của Bác và nhấn mạnh: “Thắng lợi tuy lớn nhưng mới là bắt đầu”. Tôi nói với anh em: chỉ có Hồ Chí Minh mới có được câu ấy. Một tuần sau, tôi về chiến khu Định Hóa ở Việt Bắc, đi thẳng đến lán của Bác Hồ. Tôi vừa xuống ngựa, Bác ở trong lán ra, ôm tôi và bảo: “Chúc mừng chủ chiến thắng trở về”. Rồi Bác nắm tay tôi: “Nhưng

² Trích sách Võ Nguyên Giáp – Điện Biên Phủ, điểm hẹn lịch sử, NXB QĐND, 2001, tr.14.

còn phải đánh Mỹ nữa”. Đúng là một nhà chiến lược nhìn xa trông rộng. Người đã tiên đoán tình hình hết sức chính xác. Chủ tịch Hồ Chí Minh của chúng ta là một lãnh tụ thiên tài của đất nước”¹.

¹ Theo Báo Nhân dân số ra ngày 7-5-2004.

MỸ CHỈ CHỊU THUA SAU KHI THUA TRÊN BẦU TRỜI HÀ NỘI

- ♦ Năm 1960, nhân ngày Quốc khánh lần thứ 15, Báo dự báo: “Chậm lắm là 15 năm nữa, Tổ quốc ta nhất định sẽ thống nhất, Bắc Nam nhất định sẽ sum họp một nhà”. Đúng như dự báo của Báo, năm 1975, Tổ quốc ta hoàn toàn thống nhất, giang sơn thu về một mối¹

Ngày 2 và 8-5-1964, cách đây vừa tròn 40 năm, Mỹ bắt đầu tiến hành cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân đối với miền Bắc nước ta – bằng cái gọi là “Sự kiện Vịnh Bắc Bộ”. Sau đó mấy tháng chúng chuyển chiến lược từ “Chiến tranh đặc biệt” sang “Chiến tranh cục bộ”. Từ đầu năm 1965, quân viễn chinh Mỹ ồ ạt vào xâm lược nước ta.

Ít ai biết rằng từ trước đó 5 tháng, ngày 27

¹ Theo sách *Hồ Chí Minh, thiên tài, trí tuệ sáng tạo thế kỷ XX*, NXB Thanh niên, Hà Nội, 2004.

và 28 tháng 3-1964, Bác Hồ đã cho triệu tập Hội nghị Chính trị đặc biệt, vạch rõ “Tội ác tày trời của đế quốc Mỹ làm cho cả loài người văn minh sục sôi căm giận”, đồng thời kêu gọi toàn quân và toàn dân ta quyết tâm đánh thắng đế quốc Mỹ xâm lược, bảo vệ miền Bắc, giải phóng miền Nam, tiến tới thống nhất đất nước.

Và trong lời bế mạc Hội nghị lịch sử này, Người tuyên bố: *“Chủ nghĩa xã hội nhất định sẽ thành công ở miền Bắc.”*

Cuộc kháng chiến của đồng bào miền Nam ta nhất định sẽ thắng lợi vẻ vang.

Sự nghiệp đấu tranh để hòa bình thống nhất nước nhà nhất định sẽ thắng lợi”¹.

Ngày 22-12 năm đó, tại Lễ kỷ niệm ngày thành lập Quân đội Nhân dân Việt Nam, Người đã đọc diễn văn ngắn, nhưng có một câu tiên đoán mà hơn 10 năm sau trở thành hiện thực:

“Thắng lợi nhất định sẽ về ta!”

Trung tướng Hồng Cư viết: *“Đến nay, tôi vẫn thấm thía từng chữ, từng lời nói của Bác Hồ. Đó là một nhận định sâu sắc nhất, một lời khen ngợi xứng đáng nhất, một lời động viên cổ vũ toàn quân xung trận bước vào cuộc chiến đấu*

¹ *Hồ Chí Minh toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, t.11, tr. 236-237.

*quyết liệt với giặc Mỹ xâm lược*¹. Ông Cư nhớ lại 10 năm trước, ngày 7-5-1954, khi quân ta toàn thắng ở Điện Biên Phủ, cầm lá cờ Bác trao lên nóc hầm tướng Đờ Cát, Bác đã dạy: *Thắng lợi tuy lớn nhưng mới là bắt đầu*.

Và tại Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá II), Người đã phân tích một cách toàn diện chiến tranh. Người giảng giải rằng: *"Bây giờ Pháp thì đang nói chuyện với ta, đế quốc Mỹ thì đang biến thành kẻ thù chính và trực tiếp, mũi nhọn của ta phải chĩa vào đế quốc Mỹ"*². Người cũng chỉ rõ trong bài *"Pháp vỡ đầu, Mỹ càng méo mặt"*: *"Mỹ dần dần trở nên kẻ địch chính của quân đội và nhân dân ta..."* và *"nhiều Điện Biên Phủ khác đang chờ đợi chúng"*³.

Quả đúng như dự đoán của Người, quân và dân ta đã tiến hành và đánh thắng "trận Điện Biên Phủ trên không".

Trong hồi ký *Đi theo con đường của Bác*, Đại tướng Văn Tiến Dũng kể: "Ngày 21-2-1958, Bác chủ trì Hội nghị Bộ Chính trị, thông qua kế hoạch xây dựng quân đội và củng cố quốc phòng... Đối với công tác hậu phương, Bác nhắc lập kế

¹ Báo *Quân đội Nhân dân* số Xuân 2004.

² *Hồ Chí Minh toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, t.7, tr. 315.

³ S.đ.d, t.7.

hoạch động viên, kế hoạch phòng không nhân dân... một vấn đề rất mới và phải nói là sớm, đó là nghiên cứu kế hoạch phòng không nhân dân.

Về sau, một hôm... Bác vòng bút mực đỏ quanh một bài báo, bên cạnh đó Bác viết mấy chữ: "*Gửi chú Dũng xem*". Bài báo nói về phòng không nhân dân ở Thụy Điển (báo xuất bản ở Thụy Điển).

Tháng 12 năm 1962, đang làm Tham mưu trưởng pháo binh, Thượng tướng Phùng Thế Tài được điều về làm Tư lệnh kiêm Chính ủy Quân chủng Phòng không - Không quân (đồng thời là Phó Tổng tham mưu trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam). Bác gọi ông lên và hỏi: "*Chú đã biết gì về B52 chưa?*". Bị bất ngờ, ông cứ ngỡ người ra. Bác đưa cho ông xem một tờ báo nước ngoài có đăng hình chiếc máy bay SE71 và hình máy bay B52. Bác nói về tính hiện đại, phát triển cao của khoa học và vũ khí Mỹ, đặc biệt của B52.

Thấy Thượng tướng Phùng Thế Tài lúc đầu có vẻ lúng túng, Người cười độ lượng:

- Nói thế thôi chứ chú có biết cũng chưa làm được gì nó.

Người dặn ông phải theo dõi chặt chẽ và thường xuyên quan tâm đến loại máy bay B52.

Năm 1965, Mỹ đưa B52 vào chiến trường

miền Nam. Bác nói: “Dù đế quốc Mỹ lắm súng, nhiều tiền, dù chúng có B57, B52 hay B gì đi nữa, chúng ta cũng đánh, mà đã đánh là nhất định thắng”¹. Rõ ràng là như thế. Ta đã đánh là thắng.

Trong *Di chúc* của Người, Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng khẳng định: “Cuộc kháng chiến chống Mỹ có thể còn kéo dài. Đồng bào ta có thể phải hy sinh nhiều của, nhiều người. Dù sao chúng ta phải quyết tâm đánh giặc Mỹ đến thắng lợi hoàn toàn.

Còn non, còn nước, còn người,

Thắng giặc Mỹ, ta sẽ xây dựng hơn mười ngày nay!

Dù khó khăn gian khổ đến mấy, nhân dân ta nhất định sẽ hoàn toàn thắng lợi. Đế quốc Mỹ nhất định phải cút khỏi nước ta. Tổ quốc ta nhất định sẽ thống nhất. Đồng bào Nam Bắc nhất định sẽ sum họp một nhà”²

Vào khoảng cuối năm 1967, đầu năm 1968, sau khi đồng chí Phùng Thế Tài báo cáo tình hình chiến đấu, Bác Hồ đã chỉ thị: “Sớm muộn rồi đế quốc Mỹ cũng đưa B52 ra đánh Hà Nội, rồi có thua nó mới chịu thua. Phải dự kiến

¹ Theo sách *Hồ Chí Minh thiên tài, trí tuệ sáng tạo thế kỷ XX*, NXB Thanh niên, Hà Nội, 2004.

² *Hồ Chí Minh toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, t.12, tr. 511.

trước mọi tình huống càng sớm càng tốt để có thời gian mà suy nghĩ, chuẩn bị. Nhớ là trước khi thua ở Triều Tiên, đế quốc Mỹ đã hủy diệt Bình Nhưỡng. Ở Việt Nam, Mỹ sẽ nhất định thua. Nhưng nó chỉ chịu thua sau khi thua trên bầu trời Hà Nội". Và Bác còn nói thêm "Ở Việt Nam, Mỹ sẽ nhất định thua...". Quả nhiên, để cứu vãn quân nguy đang bị sụp đổ trước những đòn tiến công nổi dậy liên tục của quân và dân miền Nam, đầu tháng 4-1972, chính quyền Níchxơn gây lại cuộc chiến tranh phá hoại ở miền Bắc nước ta.

Ngày 6-4-1972, Mỹ huy động phần lớn không quân và hải quân đánh phá miền Bắc với quy mô lớn, tàn bạo nhằm hủy diệt kinh tế và quốc phòng của nước ta.

Ngày 9-5-1972, Mỹ thả thủy lôi ở ven biển, cửa sông và các cảng ở miền Bắc Việt Nam. Mỹ sử dụng trên chục nghìn lần chiếc máy bay và hơn 1000 lần chiếc B52 đánh phá miền Bắc. Cuộc không tập đã gây cho ta thiệt hại đáng kể, nhưng quân và dân ta đã kiên cường chiến đấu và chiến thắng kẻ thù hung bạo. Đặc biệt trong 12 ngày đêm cuối năm 1972, quân và dân miền Bắc đã đập tan cuộc tập kích chiến lược bằng máy bay B52 của Mỹ vào Hà Nội, Hải Phòng và một số nơi khác, lập nên "Điện

Biên Phủ trên không” lịch sử, bắn tan 81 máy bay các loại (34 máy bay B52 và 5 máy bay F111A), hạ uy danh “Pháo đài bay” Mỹ, diệt và bắt sống nhiều giặc lái Hoa Kỳ, làm phá sản âm mưu thương lượng trên thế mạnh của đế quốc Mỹ, tạo nên thắng lợi có ý nghĩa bước ngoặt của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

Thua đau ở miền Nam, thất bại nặng nề trong cuộc tập kích chiến lược vào miền Bắc, bị cô lập về chính trị, tập đoàn Níchxơn buộc phải ký Hiệp định Pari về Việt Nam ngày 27-1-1973. Ngày 29-3-1973, đội quân viễn chinh Mỹ phải cuốn cờ về nước.

Ngày chiến thắng Sài Gòn, Bác đã đi xa, nhưng quân dân cả nước vẫn thấy như “có Bác Hồ trong ngày vui đại thắng”. Chiến thắng của Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử là sự chứng minh hùng hồn cho lời tiên đoán, dự báo thiên tài của Người.

Kể lại câu chuyện này, Thượng tướng Phùng Thế Tài kết luận: “Bản phương án đầu tiên đánh trả cuộc tập kích bằng B52 của đế quốc Mỹ vào Hà Nội, Hải Phòng được ra đời trong bối cảnh như thế...”¹.

1 Những kỷ niệm sâu sắc xung quanh “Điện Biên Phủ trên không” đã được Thượng tướng Phùng Thế Tài viết thành một chương nhan đề “Tâm nhìn xa của Bác”, in trong cuốn *Bác Hồ - những kỷ niệm không quên*, do NXB QĐND ấn hành năm 2002.

Theo Đại tướng Võ Nguyên Giáp qua Hồi ức *Tổng hành dinh trong mùa xuân toàn thắng* thì Bác Hồ đã chỉ đạo đánh B52 của giặc Mỹ từ 3 năm trước, năm 1965. Ông kể:

“Giữa năm 1965... Bác Hồ đã trực tiếp giao nhiệm vụ cho anh Đặng Tính, Chính uỷ Quân chủng Phòng không – Không quân nghiên cứu cách đánh B52. Quyết tâm bắn rơi B52 cũng được đề ra từ đây. Tháng 5-1966, Trung đoàn tên lửa H38 được điều vào Vĩnh Linh để nghiên cứu đánh B52. Tại đây, ngày 17-9-1967, Trung đoàn này đã bắn rơi chiếc B52 đầu tiên...”.

Trước đây, trong dịp sang thăm Liên Xô, Bác từng đề nghị Ban viện trợ quân sự, trong đó có đạn tên lửa để chuẩn bị sử dụng đánh thắng máy bay B52 trong trận “*Điện Biên Phủ trên không*” sau này. Đại tướng Võ Nguyên Giáp viết trong *Hồi ức* nói trên: “Từ năm 1969, bạn không viện trợ thêm một quả đạn tên lửa nào, các bộ phận khí tài, tên lửa, ra đa cũng dần dần xuống cấp. Điều đó đòi hỏi cán bộ, chiến sĩ ta phải ra sức phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, nâng cao hiệu suất chiến đấu của vũ khí khí tài có trong tay”.

Theo lời Đại tướng, “Việc nghiên cứu chuẩn bị kế hoạch đánh B52” đã được triển khai gấp rút và đã căn bản hoàn thành vào tháng 9-1972.

Theo tư liệu của Phạm Quốc Vinh, đạo diễn và biên kịch bộ phim *“Hồi ức Hà Nội – Điện Biên Phủ”* thì, ngay sau lần Bác Hồ tiên đoán về việc Mỹ sẽ đưa B52 ra đánh Hà Nội, Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã chỉ thị cho một số cán bộ quân sự cao cấp vào chiến trường miền Nam, theo dõi từ mặt đất để nắm vững quy luật hoạt động và đánh phá của B52 (đồng thời bí mật đưa tên lửa vào giới tuyến để nghiên cứu cách đánh có hiệu quả – như Đại tướng đã kể).

Từ những kinh nghiệm thực tế chiến đấu sôi động, phương án đầu tiên đánh trả cuộc tập kích bằng B52 của Mỹ vào Hà Nội, Hải Phòng đã liên tục được bổ sung, hoàn chỉnh. Nó đã được thay thế bằng *“Phương án tháng 5”*, *“Phương án tháng 7”*, *“Phương án tháng 9”* và cuối cùng là *“Phương án tháng 11”*.

Cùng với phương án này, tháng 11-1972, cũng đã cho ra đời những tài liệu vô cùng quan trọng cho Bộ đội phòng không – không quân: *“Cách chống nhiễu thông tin”*, *“Quy trình bắt B52 trong nhiễu”*, *“Cách đánh B52 của bộ đội tên lửa”* (còn được gọi là sách *“Cắm nang bìa đỏ”* dày 30 trang đánh máy).

Trong quá trình xây dựng, chiến đấu, trưởng thành và thắng lợi vẻ vang của mình, Quân chủng Phòng không – Không quân đã vinh dự

được đón Bác Hồ đến thăm 18 lần (trong đó có tới 6 lần vào dịp Tết Nguyên Đán) và được Người tặng 258 huy hiệu.

Theo báo cáo từ các đơn vị địa phương, trước khi diễn ra “Chiến dịch Điện Biên Phủ trên không” vào tháng 12 năm 1972, bộ đội tên lửa Việt Nam từng 4 lần bắn rơi pháo đài bay B52 của Mỹ – mà chúng vẫn coi là vũ khí “át chủ bài”:

- Ngày 17-9-1967, Trung đoàn H38 bắn rơi một chiếc B52 ở đất thép Vĩnh Linh.

- Ngày 18-3-1971, Trung đoàn H37 bắn rơi một B52 trong Chiến dịch Đường 9 Nam Lào.

- Ngày 2-4-1972, Trung đoàn H36 bắn rơi chiếc B52 đầu tiên trong Chiến dịch Quảng Trị.

Theo lời kể của các nhà chỉ huy quân sự thì cả 3 lần trên, phía Mỹ đều im lặng và không dám công nhận, vì sợ bị mất thần tượng của không quân chiến lược. Trước mỗi phi vụ B52 bay vào vùng trời miền Bắc Việt Nam, các phi công của chúng đều được căn dặn: Nếu bị trúng đạn hãy cố đưa máy bay ra biển, hoặc lết về phía những rừng già phía Tây để... vừa dễ cứu hộ, vừa giấu được những bằng chứng, giữ bí mật cho những thiết bị tối tân có trong máy bay không lọt vào tay đối phương...

Trước cuộc tập kích chiến lược chưa đầy một

tháng, đêm 22-11-1972, Trung đoàn H63 đã thực hiện thành công “Quy trình bắt B52 trong nhiễu” bắn cháy một B52 khi chúng đến gây tội ác ở Nghệ An. Rất nhiều nhà báo quốc tế chứng kiến đồng xác pháo đài bay B52 này của Mỹ. Hãng UPI nhanh chóng loan báo tin này. Và thế là lần đầu tiên phía Mỹ thừa nhận: B52 đã bị tên lửa SAM 2 của Việt Nam bắn rơi!

Để cứu vãn nguy cơ sụp đổ của chiến lược “Việt Nam hoá chiến tranh” và gỡ thế bí trên bàn Hội nghị Pari, Mỹ tiếp tục cho máy bay ném bom miền Bắc nước ta. Đỉnh cao là cuộc tập kích chiến lược bằng máy bay B52 của chúng vào Hà Nội, Hải Phòng trong 12 ngày đêm (từ 18 đến 29-12-1972). Ngay từ phút đầu tiên của chiến dịch này, với tinh thần chiến đấu dũng cảm, thông minh sáng tạo, đoàn kết hiệp đồng, vượt lên khó khăn ác liệt, bộ đội Phòng không – Không quân đã kịp thời phát hiện mục tiêu B52 và giáng trả những đòn đích đáng, cùng quân và dân miền Bắc bắn rơi 81 máy bay Mỹ, trong đó có 34 máy bay B52 (16 chiếc rơi tại chỗ), 5 F111 và 42 máy bay chiến thuật. Riêng bộ đội Phòng không – Không quân bắn rơi 32 máy bay B52 và nhiều máy bay chiến thuật khác. Trong dịp kỷ niệm 40 năm ngày thành lập Quân chủng Phòng không – Không

quân (22-10-1963 – 22-10-2003), Trung tướng Hán Vinh Tường, Bí thư Đảng uỷ của Quân chủng đánh giá:

“Chiến thắng 12 ngày đêm cuối năm 1972 đã làm nên trận “Điện Biên Phủ trên không”, đập tan cuộc tập kích chiến lược đường không bằng máy bay B52 của Mỹ, đập tan “Thần tượng B52” và cái gọi là “Uy thế không lực Hoa Kỳ”, buộc Chính quyền Mỹ phải ký Hiệp định Pari vào ngày 27-1-1973, tạo ra thế và lực mới cho cách mạng Việt Nam, đẩy nhanh sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước của dân tộc đi đến thắng lợi hoàn toàn”¹.

Tổng kết cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước vĩ đại, bộ đội Phòng không – Không quân đã có thể báo cáo trước anh linh của Bác Hồ: bắn rơi 2.635 máy bay trong tổng số 4.181 máy bay Mỹ bị quân và dân ta bắn rơi trên miền Bắc, gồm tất cả các loại hiện đại nhất của không quân Mỹ, trong đó có 64 máy bay B52, 13 máy bay F111, tiêu diệt và bắt sống nhiều giặc lái.

Có thể xem những trang đầu cuốn *“Tổng hành dinh trong mùa xuân toàn thắng”* của Đại tướng Võ Nguyên Giáp là một văn bản

¹ Báo Nhân dân, 20-10-2003.

sinh động, cụ thể về quá trình quân đội ta thực hiện chỉ thị của Người trong việc đánh B52 của Mỹ, mà đỉnh cao là trận “Điện Biên Phủ trên không”.

Nhà báo Mỹ Stanley Karnow, người từng giành giải Pulitzer, đã viết trong tác phẩm *“Việt Nam – một thiên lịch sử truyền hình”* (Vietnam a television history) của ông như sau:

“Với tôi, Chủ tịch Hồ Chí Minh là biểu tượng tuyệt vời của chủ nghĩa yêu nước, chủ nghĩa cộng sản. Người đã đưa nghệ thuật chiến tranh nhân dân, chiến tranh du kích lên tầm cao mới. Ở tuổi 20, tôi đã ấn tượng mạnh về con người mà hàng triệu người Việt Nam gọi bằng cái tên trìu mến “Bác Hồ”, khi chứng kiến Người đọc bản Tuyên ngôn Độc lập ngày 2-9-1945. Ấn sau bộ quần áo kaki, đôi dép cao su giản dị là một nhân cách lớn. Một con người mà mong ước lớn nhất của cuộc đời là làm sao cho dân tộc Việt Nam được độc lập, tự do. Và Người đã cống hiến đến hơi thở cuối cùng vì nỗi ước ao cao cả ấy. *Hồ Chí Minh không chỉ là một chính trị gia đại tài mà còn là một nhà tiên tri.* Không ai ngờ lời cảnh báo của Hồ Chí Minh năm 1946 khi biết người Mỹ có ý định đặt chân đến Việt Nam, 30 năm sau lại trở thành hiện thực *“Các ông có thể giết hại một số*

đồng bào tôi, nhưng cuối cùng chúng tôi vẫn là người chiến thắng". Cả người Pháp lẫn người Mỹ, quá tin vào sức mạnh của mình, đã phớt lờ lời cảnh báo ấy và hậu quả là người Pháp đã có một Điện Biên Phủ đại bại và nước Mỹ phải hứng chịu thất bại thảm hại nhất trong lịch sử chinh chiến của mình"¹.

Cuối năm 1967 đầu năm 1968, ngay trước ngày Tổng công kích và Tổng khởi nghĩa Tết Mậu Thân, Thượng tướng Trần Văn Trà đã từ căn cứ kháng chiến ở miền Nam ra Hà Nội, trong một chuyến đi và về hỏa tốc để báo cáo toàn bộ kế hoạch của B2 và nhận chỉ thị của Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương. Lúc này Bác đang mệt, ông đến báo cáo vấn tắt với Bác tình hình và nhiệm vụ. Bác chăm chú nghe, chỉ thị một số điểm và cuối cùng Bác nói:

- *"Trong cuộc chiến tranh này, ta không phải tiêu diệt hết quân Mỹ để thắng mà là ta phải đuổi hết Mỹ để thắng. Đó là tinh thần, trí tuệ và sức lực Việt Nam. Ta kiên trì, ta nhất định thắng!"*.

Thượng tướng Trà viết: "Thú thật lúc ấy tôi suy nghĩ mãi về câu này mà vẫn chưa hiểu hết nghĩa của nó. Mỗi ngày, được sự lãnh đạo của

¹ Báo Nhà báo và Công luận, số 19, từ 7 đến 13-5-2004.

Trung ương Đảng cộng với thực tế chiến đấu trên chiến trường tôi mới hiểu dần. Đúng là một kẻ địch mạnh như quân Mỹ, một quân đội nhà nghề được trang bị hiện đại và dồi dào nhất, dùng súng đạn, phương tiện tập trung tối đa, làm chủ hoàn toàn bầu trời, mặt sông, mặt biển, khống chế các trung tâm chính trị, giao thông mà ta muốn tiêu diệt nó bằng quân sự để thắng thì thật là khó. Nhưng còn đuổi nó hết ra khỏi đất nước ta thì phải làm thế nào? Cũng đâu phải đơn giản, tình hình ngày càng diễn biến phức tạp, có lúc ta gặp muôn vàn khó khăn đòi hỏi quân dân ta phải kiên trì mới đi đến thắng lợi. Năm 1969, trong lời kêu gọi nhân ngày 20-7, Bác giải thích rõ hơn:

“Đế quốc Mỹ thất bại đã rõ ràng, nhưng chúng chưa chịu từ bỏ dã tâm bám lấy miền Nam nước ta. Quân và dân cả nước ta, triệu người như một, nêu cao chủ nghĩa anh hùng cách mạng, không sợ hy sinh, không sợ gian khổ, quyết kiên trì và đẩy mạnh cuộc kháng chiến, quyết chiến quyết thắng, đánh cho quân Mỹ phải rút hết sạch, đánh cho nguy quân và nguy quyền sụp đổ hết, giải phóng miền Nam, bảo vệ miền Bắc, tiến tới hòa bình thống nhất nước nhà”.

Tết Kỷ Dậu năm đó – Tết cuối cùng trước khi Bác đi xa – mặc dù tuổi cao sức yếu, Người vẫn

đến thăm và căn dặn cán bộ chiến sĩ Phòng không – Không quân:

“Hiện nay, giặc Mỹ đã ngừng ném bom ở miền Bắc. Nhưng, các cô, các chú phải luôn luôn cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu cao. Không tin được giặc Mỹ đâu. Chúng xảo quyệt lắm. Phải luôn luôn cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu cao để nó giờ què là mình đập lại được ngay!”¹.

Đúng như lời tiên tri của Bác, ngày 16-4-1972, Nixon bất ngờ đánh phá trở lại miền Bắc. Quân và dân ta đã chủ động đánh trả quyết liệt, bắn tan xác ngay 12 máy bay Mỹ. Tiếp đó là 12 ngày đêm cả bầu trời Hà Nội trở thành biển lửa thiêu đốt hàng đàn “pháo đài bay” B.52 của Mỹ.

Rõ ràng đường lối chỉ đạo của Bác được đề ra từ rất sớm và thực tế đã diễn ra đúng như vậy. Sau Mậu Thân 1968, Mỹ đã phải xuống thang chiến tranh, chịu ngồi vào đàm phán ở Pari. Nhưng cũng phải đánh cho chúng những đòn đau năm 1972 và tiếp sau nữa, bằng lực lượng tổng hợp, kết hợp nhiều phương pháp quân sự, chính trị, ngoại giao... ta đã có thể đuổi hết quân Mỹ về nước và tiếp đánh cho ngụy quân ngụy quyền sụp đổ tan tành thì mới giành toàn thắng”².

¹ Dẫn theo báo *Nhân dân cuối tuần*, số 52, 28-12-1997.

² Theo *Bác Hồ với miền Nam, miền Nam với Bác Hồ*, NXB T.P Hồ Chí Minh, 1986, tr. 93.

“NHỮNG VẦN THƠ NHƯ NHỮNG CÂU SẮM”

Phó Chủ tịch nước Nguyễn Lương Bằng, một trong những cộng sự gần gũi nhất của Bác Hồ, lúc sinh thời nói chuyện với các cán bộ làm việc trong cùng cơ quan như sau:

“Bác Hồ là người nhìn xa trông rộng, lúc nào cũng dự đoán được rất đúng những sự việc sẽ xảy ra... Thư chúc Tết của Người gửi đồng bào và chiến sĩ cả nước năm nào cũng vậy, ngắn gọn, giản dị, súc tích, chân tình, đầm ấm và lạc quan yêu đời. Nội dung trong những lời thơ chúc Tết ấy còn thể hiện như những câu sấm, tiên đoán trước được những sự việc sẽ xảy ra, như những lời hịch kêu gọi đồng bào, chiến sĩ, cán bộ và nhân dân cả nước, luôn tiến lên trong sự nghiệp giữ nước và dựng nước. Vào các dịp dân tộc đón xuân mới, là mỗi dịp Bác gặp gỡ dặn dò, chỉ bảo cán bộ chiến sĩ...”. Ông nói tiếp: “Tôi có một quyển sổ tay bìa cứng, trong đó tôi

ghi lại được hết những bức thư và bài thơ chúc Tết của Bác Hồ từ năm Bính Tuất (1946) đến năm Kỷ Dậu (1969) khi Bác đi xa. Tôi đọc thơ chúc Tết của Bác và nghiền ngẫm lại thấy Bác thật sự là một nhà tiên tri. Tôi đã già, tuổi tác hạn chế trí nhớ, nhưng nghe lời Bác, tôi vẫn tiếp tục học, học nữa và học mãi để phục vụ nhân dân. Tôi học qua những bài học kinh nghiệm của năm tháng là học trò trung thành của Bác. Tôi học trong công tác hàng ngày, học trong cuộc sống và học trong sách vở, báo chí, không ngừng trau dồi tri thức để phục vụ nhân dân nhiều hơn và tốt hơn như Bác đã dạy”.

Đọc thơ xuân của Bác, ghi chép và nghiền ngẫm về những dòng Bác viết, còn có rất nhiều người đã làm như cố Phó Chủ tịch Nguyễn Lương Bằng. Thật ra, thơ Bác Hồ trong mỗi dịp xuân về, như những cánh én bay, rộn ràng báo những tin vui, và điều đặc biệt là ta có thể tìm ra những điều Người suy nghĩ, dự báo trong đó. Chẳng hạn như trong bài thơ *Chúc mừng năm mới* – Xuân 1969,

*“Năm qua thắng lợi vẻ vang,
Năm nay tiền tuyến chắc càng thắng to.
Vì Độc lập, vì Tự do,
Đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào.
Tiến lên! Chiến sĩ, đồng bào,
Bắc - Nam sum họp, xuân nào vui hơn!”*.

“Đánh cho Mỹ cút” nghĩa là trước hết phải đuổi hết Mỹ đi, sau đó mới “đánh cho ngụy nhào” câu thơ của Bác đã như một lời chỉ đường cho sự nghiệp cách mạng giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Nhà nghiên cứu Tô Bữu Giám đi sâu phân tích bài báo “Chào Xuân” của Bác Hồ, viết vào dịp Tết Giáp Thân (năm 1944)¹.

Ở phần I của bài báo này, Bác của chúng ta phác họa *“những vẻ tốt tươi ấm áp, muôn hoa tươi thắm, ngàn lá tươi xanh”*, thay cho *“mùa đông lạnh lẽo, muôn vật tiêu điều”*. Với tâm hồn thi sĩ, đầy lạc quan, Người viết: *“Loài người lợi dụng cái luật tự nhiên của tạo hoá, chẳng những hưởng thụ cái hạnh phúc khoái lạc của mùa xuân, và lại nhận cái không khí phồn vinh của ngày xuân để sắp đặt cái kế hoạch hoạt động và sống còn cho cả năm, nên tục ngữ có câu “nhất niên chi kế thuỷ ư xuân”... “Xuân chẳng những là ôn hoà tươi đẹp, mà lại chí công vô tư. Đã không riêng cho một hạng người nào, cũng không riêng cho một nơi nào”... Niềm lạc quan thể hiện cả ở sự so sánh: “Đón rước Xuân này và đón rước mùa Xuân trước,*

¹ Báo Nhân dân (số ra ngày 24-1-2004) và Báo ảnh Đất Mũi (số 113, ngày 2-2-2004).

khác nhau nhiều lắm...”.

Khác nhau chỗ nào? Xuân trước (1943), trong độ này, 38 vạn tinh binh của Đức đánh vào Stalingrát. Nhưng kết quả bị một trận thất bại rất to... Quân Nga bắt được năm ngàn tướng lĩnh và hơn chín vạn lính Đức... từ đó trở đi, quân Trục (phát xít Đức – Ý) cứ thất bại mãi, mà quân Đồng minh thì lại thắng lợi luôn và lấy lại được nhiều thành trì trọng yếu...

“... Trong lúc viết bài “Chào Xuân” này, quân Nga đuổi quân Đức chẳng những ra khỏi đất Nga, mà lại vào sâu gần 60 cây số trong nước Ba Lan”.

Về tình hình mặt trận Địa Trung Hải, Bác viết: *“Ở Địa Trung Hải, từ xuân trước đến xuân này, Minh quân cũng thắng lợi luôn, mà bên Trục cũng thất bại mãi.*

Ngày 3-1-1943, đệ 8 quân Anh (lộ quân thứ 8) khởi phản công Ai Cập, đệ 19 quân Anh (lộ quân thứ 19) và viễn chinh quân Mỹ đổ bộ tại Maroc và Angiêri. Quân Trục phải bỏ Libi (thuộc địa của Ý) mà rút cả ở Tuynidi. Đến trung tuần tháng 5 thì quân Đức và Ý hoàn toàn bị đánh tan.

Trong trận đó, bao nhiêu thuộc địa của Ý đều mất sạch. Quân Trục tổn thất hơn 95 vạn người.

Trong số đó, 37 vạn lính Ý, 15 vạn lính Đức, 17 đại tướng và 2 nguyên soái bị cầm tù”.

Về Thái Bình Dương, Bắc Thái Bình Dương và Nam Thái Bình Dương, Người cũng nêu lên những con số xác thực về những đợt tấn công thắng lợi của mình quân, giành thế chủ động, làm cho các lực lượng phát xít gặp những thiệt hại rất nặng nề. Ở Trung Quốc, trong hai tháng 11, 12, ở Thường Đức cũng đã làm cho Nhật “*một mẻ mất hồn*”.

Cuối bài “*Chào Xuân*”, Bác nhấn mạnh: “*Đoán trước để xét sau, xem sự chuyển biến nói trên, thì chúng ta có thể nói rằng: Xuân này sẽ là Xuân thắng lợi cho mặt trận phản xâm lược*”.

Lời tiên đoán nói trên trở thành hiện thực như lịch sử đã ghi: năm 1944 là năm cách mạng toàn thế giới chuyển mạnh. Lực lượng quân đồng minh trên đã tiến công và liên tục giành thắng lợi ở các mặt trận. Phát xít Nhật sa lầy ở Trung Quốc, đang bị Hồng quân Trung Hoa giáng cho những đòn nặng nề.

Và kết luận bài báo đáng nhớ ấy, Người kêu gọi:

“*Xuân là Xuân chung, vậy chúng ta phải gắng sức công tác thế nào cho Đồng minh hội chúng ta cũng có phần thắng lợi chung của Đồng minh lớn kia.*

Vậy xin kết luận vài lời nô nê na rằng:

Rót cốc rượu Xuân, mừng cách mạng.

Viết bài chào Tết, chúc thành công!”.

Năm 1945, Bác không có thơ Xuân, vì công việc bận bịu, Người tập trung toàn bộ thời gian, sức lực để lãnh đạo cách mạng đến hoàn toàn thành công. Không có thơ, nhưng những lời hiệu triệu của Bác cũng đã báo hiệu thắng lợi đang tới gần.

Xuân Bính Tuất (1946) – Xuân độc lập đầu tiên. Người gửi đến toàn dân ý nguyện:

“Trong năm Bính Tuất mới

Muôn việc đều tiến tới

Kiến quốc chóng thành công

Kháng chiến mau thắng lợi”.

Và một năm sau, vào xuân Đinh Hợi (1947), Người báo hiệu:

“Trường kỳ kháng chiến, nhất định thắng lợi!

Thống nhất độc lập, nhất định thành công!”

Báo hiệu và tin tưởng. Tin vì chúng ta kháng chiến toàn dân, toàn diện, vì “Chí ta đã quyết, lòng ta đã đồng”, “Sức ta đã mạnh, người ta đã đông”. Đó là bài thơ Xuân đầu tiên của Bác mang âm hưởng của mùa xuân vừa kháng chiến vừa kiến quốc, nó mạnh như một bài hịch, nó phơi phới như một bài ca lạc quan tin tưởng vào chiến thắng của toàn dân tộc. Bài thơ chỉ có 8

câu mà chứa đựng đầy đủ tầm chiến lược của vị lãnh tụ thiên tài.

Xuân Mậu Tý 1948, vẫn một tư tưởng chiến lược ấy, niềm tin ấy, Người khẳng định:

*“Thống nhất chắc chắn được,
Độc lập quyết thành công”.*

Rồi mùa xuân 1949, chẳng bao lâu sau thơ Chúc tết, Bác đã có thư gửi đồng bào, Người đã viết về cái ngày giành thắng lợi đang tới gần:

“Tôi trịnh trọng hứa với đồng bào rằng:... để mau mau giải phóng đồng bào ra khỏi cảnh lầm than... Mà ngày giải phóng ấy sẽ không xa... Tôi chúc đồng bào mạnh khỏe, cố gắng và sẵn sàng để đón tiếp ngày giải phóng về vang”.

Tết năm 1950, Người chỉ rõ rằng, *“Cuộc kháng chiến sẽ bước sang giai đoạn mới... chuyển sang tổng phản công... năm mới chắc là một năm đại thắng lợi”.* Bài thơ xuân Canh Dần 1950 cũng viết:

*“Chuyển mau sang tổng phản công,
Kháng chiến nhất định thắng lợi”.*

Trong tập truyện ký *Vừa đi đường vừa kể chuyện*, dưới bút danh T.L, Bác kể lại chuyến đi thị sát Chiến dịch Biên giới (1950) và nêu thật cụ thể ngày giành thắng lợi đó:

“Cuộc kháng chiến của chúng ta tuy rất gian khổ, nó có thể kéo dài bốn, năm năm nữa, nhưng

*cuối cùng chúng ta nhất định thắng lợi*¹.

Đúng như lời tiên tri, bốn năm sau, với chiến thắng Điện Biên Phủ lịch sử, toàn dân ta đã kết thúc cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.

Xuân Tân Mão 1951:

"Nhiều xuân kháng chiến càng gần thành công"

Xuân Nhâm Thìn 1952:

"Chắc thắng trăm phần trăm"

Xuân Quý Tỵ 1953, bài thơ dài 12 câu, thì 10 câu được bắt đầu bằng chữ "Mừng". Điều mừng ấy có cơ sở: những thành tích của hậu phương và tiền tuyến, của phong trào thi đua rộng lớn, của cuộc kháng chiến thắng lợi. Thắng lợi ấy góp phần vào sự lớn mạnh chung của "phe dân chủ hoà bình thế giới". Và, sự mở rộng thắng lợi ấy sẽ tiếp tục được Bác Hồ đề cập trong bài thơ Xuân Giáp Ngọ 1954 với những câu thơ trải rộng:

"Quân và dân ta nhất trí kết đoàn,

Kháng chiến, kiến quốc nhất định hoàn toàn
thành công

Hoà bình, dân chủ thế giới khắp Nam Bắc
Tây Đông,

Năm mới, thắng lợi càng mới, thành công
càng nhiều".

Vâng, năm 1954 ấy, cuộc kháng chiến đã

¹ *Vừa đi đường vừa kể chuyện*, NXB Sự thật, Hà Nội, 1976, tr.90.

hoàn toàn thành công. Ngay từ khi chuẩn bị bước vào Chiến dịch Điện Biên Phủ, trong bức thư gửi các cán bộ và chiến sĩ vào dịp Tết Nguyên Đán, Bác Hồ giao nhiệm vụ lịch sử: *“Bác mong các chú nêu cao quyết tâm... Xuân năm nay thành mùa xuân đại thắng lợi”*.

*

* *

Xin nhắc lại cảm nghĩ của cố Phó Chủ tịch Nguyễn Lương Bằng: “Tôi đọc thơ chúc Tết của Bác và nghiền ngẫm lại thấy Bác thật sự là một nhà tiên tri”. Tiên tri, vì bao giờ trong đó cũng thâm tóm, báo trước những mục tiêu lớn, cũng giúp đồng bào và chiến sĩ thấy được tình thế mới của cách mạng. Bên cạnh đó, hay hoà vào đó, là niềm vui sống, là tinh thần lạc quan của nhà cách mạng vĩ đại Hồ Chí Minh.

Năm 1961, cách mạng nước ta tiến lên chặng mới: mở đầu kế hoạch 5 năm lần thứ nhất. Câu thơ mừng xuân của Bác như mở ra một chân trời rộng lớn:

“Đường lên hạnh phúc rộng thênh thênh”

Phấn khởi hướng tới ngày mai vô cùng tốt đẹp, Bác kêu gọi *miền Bắc càng hăng hái thi đua, miền Nam càng đoàn kết tiến tới*. Xuân 62 (Nhâm Dần), Xuân 63 (Quý Mão), Xuân 64 (Giáp Thìn) cũng vậy. Nhưng đã thấy những ngày vui đang đến, mỗi xuân một thêm gần:

Xuân Ất Ty 1965, Bác đã nhìn thấy:

“Miền Nam kháng chiến ngày càng thắng lợi”
và tin chắc:

“Hoà bình thống nhất ắt hẳn thành công!”

Xuân 1967 được dự đoán là “hơn hẳn mấy xuân qua”, nhưng sang 1969, lại “*chắc càng thắng to*”. Đó là năm cuối cùng của đời Bác, sức khoẻ của Người giảm nhiều, nhưng trước tương lai tốt đẹp của đất nước, Người như khoẻ ra, lời thơ càng rộn ràng, nhịp điệu thơ thật náo nức, lời chúc của thơ xuân càng đượm nhiều ý tưởng tiên tri.

*

* *

Trên báo *Nhân dân* (21-1-1962), Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Brazil A.Pêrêina có viết về Bác Hồ: *“Một con người vừa làm lãnh tụ cách mạng lớn, lại vừa làm nhà thơ lớn, thì vẫn là một chuyện hiếm thấy xưa nay”*. Werner Lamberz (Vécơơ Lambecơơ), cố Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng Xã hội chủ nghĩa thống nhất Đức, trong lần tiếp nhà thơ Tố Hữu tại Béclin năm 1973, nói: *“Chúng tôi sung sướng được biết Bác Hồ – ngọn cờ của cách mạng Việt Nam – đồng thời cũng là một thi sĩ lớn mà thơ Người chứa đựng những tiên tri, vừa mở ra những hướng đi của mọi người Việt Nam vào*

cuộc chiến đấu, vừa khích lệ nơi họ niềm lạc quan cách mạng...”

Và còn biết bao suy nghĩ, nhận xét, đánh giá, ca ngợi thơ Hồ Chí Minh! Mà không chỉ về thơ chúc Tết, thơ viết vào những mùa xuân của Người. Trong thơ Bác – nếu viết hẳn một công trình về tầm nhìn lãnh tụ qua toàn bộ tác phẩm thi ca của Người – chúng ta sẽ trích dẫn được rất nhiều câu mang ý nghĩa tiên tri.

Khỏi phải phân tích dài dòng về ý nghĩa của câu thơ, về lòng tin của tác giả hướng tới tương lai làm chủ vận mệnh mình của nhân dân. Không lạc quan, không thể khẳng định được. Báo chí cũng hay đề cập bài thơ của Bác họa bài thơ của Nguyễn Hải Thần. Trong đó có một câu, nếu tách ra, sẽ thấy một tầm nhìn, một khí phách:

“Cờ tàn mới biết tay cao thấp”

Trong thơ, Bác đã từng dùng những hình ảnh gần gũi như bông hoa, sợi chỉ, tấm vải, con cáo, tổ ong, hòn đá, ngọn lửa... để nói lên sức mạnh của quần chúng lao động, lực lượng chủ yếu làm nên sức mạnh của khối đại đoàn kết. Điều đáng nói là, ngay ở thời kỳ bí mật, trong rừng sâu Việt Bắc, Người đã nhìn thấy trước sự lớn mạnh của quần chúng cách mạng. Bài *“Nhóm lửa”* viết ngày 1-8-1942 là một tác

phẩm diễn tả hết sức sinh động cái nhìn khách quan và lạc quan ấy:

*...Việc cách mạng cũng là như thế,
Bước ban đầu là bước gian nan.
Nào đế quốc, mật thám, bọn quan,
Đều là lũ ra tay phá hoại.
Hở một chút, tức là thất bại,
Sai một ly là hại cho dân.
Song khi cách mạng đã vững chân,
Sẽ ồ ạt lan tràn khắp xứ,
Sẽ vùn vụt như toà núi lửa,
Sẽ rầm rầm như ngọn thủy triều,
Sẽ kéo theo tất cả đồng bào,
Sẽ đè bẹp cả loài lang sói.
Lửa cách mạng sáng choang bờ cõi,
Chiếu lá cờ độc lập, tự do!"*

Nắm vững quy luật tiến hoá của thiên nhiên, lịch sử và nhận rõ sức mạnh của trào lưu cách mạng thế giới, ngay ở trong ngục tù, Bác Hồ vẫn tin tưởng vào ngày mai tươi sáng và một lần nữa khẳng định tài tiên tri của mình:

*"Sự vật vẫn xoay đà định sẵn:
Hết mưa là nắng hừng lên thôi".*

Cũng như, trong một bài thơ khác, Người đã nói cùng chúng ta:

*"Vì không có cảnh đông tàn,
Thì đâu có cảnh huy hoàng ngày xuân"...*

**“CHÂN ĐI KHẮP NĂM CHÂU,
MẮT TRÔNG XA VẠN DẶM;
NHẬN RÕ THỜI CUỘC, LẶNG DÒ THỜI CƠ”**

Câu trên đây được rút từ bức thư dài bằng chữ Hán (thể phú) mà Cụ Huỳnh Thúc Kháng, cố Bộ trưởng Bộ Nội vụ của Chính phủ Liên hiệp kháng chiến, đã viết với danh nghĩa Hội trưởng Hội liên hiệp quốc dân Việt Nam với nhan đề *“Kính báo đồng bào phụ lão kháng chiến thư”* có thể coi như lời giải thích về cội nguồn những dự báo thiên tài của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Trong thư, cụ Huỳnh nêu những gương anh hùng cứu quốc của dân tộc ta từ xưa đến nay. Về Chủ tịch Hồ Chí Minh, bức thư viết:

“Người thân yêu, kính mến nhất của đồng bào quốc dân chúng ta là Hồ Chí Minh tiên sinh. Là bậc yêu nước đại chí sĩ, là nhà lịch nghiệm cách mạng đại chuyên gia. Chân đi

khấp năm châu, mắt trông xa vạn dặm; nhận rõ thời cuộc, lặn dò thời cơ”.

Để viết được những lời đánh giá tốt đẹp như vậy, Cụ Huỳnh đã có nhiều ngày tháng được sống gần gũi và giúp việc Bác Hồ trong những tình huống hết sức sôi động. Khi Người đi thăm Pháp với tư cách một thượng khách, Cụ đã được Người ủy nhiệm làm Quyền Chủ tịch nước để thay Người cai quản công việc trong nước.

Những tháng đầu năm 1947, trong chuyến công tác tại Quảng Ngãi với cương vị đại diện Chính phủ Trung ương đi kinh lý miền Trung và Nam Trung Bộ, cụ Huỳnh có dịp tiếp xúc với nhiều thân hào, nhân sĩ và những người quen biết trước đây. Khi tiếp xúc, họ hỏi nhiều đến Bác Hồ. Cụ kể: “Ông Hồ hoạt động chính trị ở nhiều nước thuộc châu Phi, châu Á, châu Âu, cả hoạt động bí mật, cố nhiên là thay đổi tên họ luôn để tránh mạng lưới mật thám quốc tế. Nhưng cái tên làm chấn động thế giới là Nguyễn Ái Quốc...”.

Cụ Huỳnh nói rõ: “Về bằng cấp thì ông Hồ không tiến sĩ, phó bằng gì cả. Nhưng nói về trí thức và sự nghiệp cách mạng thì chắc chắn lớp chúng ta cũng như lớp trước chúng ta, không ai bì kịp. Sự hiểu biết của ông Hồ rất xa, rất rộng, chẳng những việc trong nước và cả việc thế giới

nữa kia. Nước này tương lai sẽ về đâu? Nước kia rồi đây sẽ thay đổi như thế nào? Ông nói rất rành rọt, mạch lạc, nghe không chán!”

Cụ còn nói: “Hồi năm 1926, cụ Tây Hồ¹ trước khi lâm chung, bàn về nhân vật ta ở nước ngoài đã nói với tôi: “Độc lập của nước Việt Nam sau này sở cậy có Nguyễn Ái Quốc!”. Nay đã thấy rõ lời nói ấy ứng nghiệm. Thật là cao kiến”.

Cụ Huỳnh đã xác lập được niềm tin vững chắc vào thắng lợi cuối cùng của cuộc kháng chiến chống giặc ngoại xâm: “Đã bảo là trường kỳ kháng chiến thì 5 năm, 10 năm, 20 năm biết đâu! Có một điều tôi đoán chắc là chúng ta sẽ thắng!”. Niềm tin ấy được xác lập trên những nhận thức mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã truyền cho Cụ, đó là: toàn dân kháng chiến, toàn diện kháng chiến, xuất phát từ tư tưởng ĐẠI ĐOÀN KẾT. Cụ so sánh: trước kia các nhà cách mạng ít để ý đến đại đa số quần chúng nhân dân, tức là công nhân, nông dân cho nên thất bại.

Rất tiếc là Cụ Huỳnh không sống đến ngày kháng chiến thắng lợi, vì tuổi cao, sức yếu và đã nhuộm bệnh. Nhưng Cụ ra đi thật thanh thản, thật yên lòng, như lời lẽ trong thư gửi Bác Hồ, Cụ đã viết: “Bốn mươi năm ôm ấp độc lập và

¹ Tức Nhà chí sĩ Phan Bội Châu (B.T).

dân chủ, nay nước đã độc lập, chế độ dân chủ đã thực hiện, thế là tôi chết hả, chỉ tiếc là không được gặp Cụ¹ lần cuối cùng. Chúc Cụ sống lâu để dìu dắt quốc dân trên đường vinh quang hạnh phúc...”.

Qua những tư liệu nói trên hiện đang lưu giữ tại kho tư liệu Ban Tuyên giáo Thành ủy Đà Nẵng, chúng ta thấy Cụ Huỳnh, một bậc tài cao, đức trọng đã nhận xét Chủ tịch Hồ Chí Minh là một bậc xuất chúng, có tài tiên tri và thiên tài xuất chúng ấy do Người dày dạn kinh nghiệm trong hoạt động cách mạng, từng trải, là “bậc yêu nước đại chí sĩ”, ham học hỏi, dù không có bằng cấp, học vị gì.

Những nhận định của “vị chiến sĩ tiền bối”, “một người học rất rộng, chí khí rất bền, đạo đức rất cao” như lời Hồ Chủ tịch nói về Cụ Huỳnh, đã tạo một niềm tin tưởng của đông đảo các tầng lớp nhân dân, nhất là những người thuộc tầng lớp trên, còn chưa biết Người là ai.

Đó là chuyện của 6 thập kỷ trước.

Giờ đây, không chỉ nhân dân Việt Nam mà trên khắp hành tinh này, bạn bè năm châu, không ít lời ca ngợi Bác, vị lãnh tụ sáng suốt, có tầm nhìn xa trông rộng: “*Tâm vĩ đại tư*

¹ Chỉ Bác Hồ (B.T).

tưởng của Người, nhân quan sáng suốt nhìn xa thấy rộng của Người chỉ có thể bắt nguồn từ nhận thức sâu sắc về những lực lượng thúc đẩy sự biến đổi có tính chất bùng nổ nhất trong toàn bộ công việc của Người qua các thời đại (...). Hồ Chí Minh kết tinh trong con người mình những đức tính vĩ đại của nhân dân Việt Nam". Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Mỹ Gớt Hôn)¹.

"Cuộc đời của Hồ Chủ tịch là cuộc đời của một người cộng sản. Người là hiện thân của hình ảnh mà Lênin gọi là "nhà cách mạng chuyên nghiệp"... Chủ tịch Hồ Chí Minh là người có công lao to lớn, là lãnh tụ quốc tế". (Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Uruguay R.Arismendi)².

"Hồ Chí Minh là một con người mà cả cuộc đời đã trở thành huyền thoại. Bằng tấm gương của bản thân mình, với lòng yêu nước và những hy sinh cao cả, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã để lại tấm gương sáng chói cho tất cả chúng ta noi theo". (Tổng thống Ấn Độ K.Vencataraman)³.

"Suốt cả đời mình, và ngay cả sau khi đã nhắm mắt, Người vẫn dìu dắt nhân dân đi đến thắng lợi hoàn toàn", "cuộc đời chiến đấu của

¹ Báo Nhân dân, 17-9-1969.

² Dẫn theo báo Quân đội Nhân dân cuối tuần, ngày 23-5-2004.

³ Tài liệu đã dẫn.

Người cũng là cuộc chiến đấu của tất cả các dân tộc bị áp bức, của châu Phi, của Palestín, của Việt Nam, của châu Á và của thế giới thứ ba, để giành lại phẩm cách và danh dự cho mình. Cuộc chiến đấu đó sẽ còn tiếp tục cho đến thắng lợi hoàn toàn và sẽ vẫn là tượng trưng cao cả nhất cho cuộc đấu tranh này". (Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng nước Cộng hòa Angiêri Huari Bumêdiên). Đó chính là "Tám gương sáng và là nguồn cổ vũ đối với tất cả các dân tộc đang đấu tranh để tự giải phóng", là "ngọn đuốc chiến thắng", "Người vẫn đang sống với chúng ta, cùng hành động với chúng ta trong tất cả mọi lĩnh vực, trong lúc toàn thế giới đấu tranh vì hòa bình, tự do, quyền con người, vì tiến bộ xã hội". (Ý kiến của các bạn Chilê, Ba Lan, Bôlivia). Những lời đánh giá đó đồng nghĩa với nhận định của Đảng ta, qua lời đồng chí Tổng Bí thư Lê Duẩn: "*Hồ Chủ tịch là kết tinh những giá trị tinh thần của nhân dân ta suốt 4000 năm lịch sử. Ở Người, tinh hoa của dân tộc được kết hợp với chủ nghĩa Mác - Lênin, đỉnh cao của tư tưởng loài người trong thời đại mới*"¹.

Những hoạt động và tư tưởng cao cả của

¹ Xem sách *Bác Hồ với miền Nam, miền Nam với Bác Hồ*, NXB TP Hồ Chí Minh, 1986, tr.95.

Nguyễn Ái Quốc trong các thập kỷ đầu của thế kỷ XX, của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong hai cuộc kháng chiến thần thánh chống ngoại xâm, với những tiên tri về thắng lợi cuối cùng của chính nghĩa được Xã luận báo *Chiến đấu* của Cônggô Boradavin đánh giá là “*đã đóng góp một vai trò lịch sử vô cùng to lớn trong vòng hơn 50 năm nay. Người đã làm lay chuyển hệ thống thực dân. Người đã góp phần biến đổi bản đồ thế giới, Người đã đẩy bánh xe lịch sử theo hướng tiến bộ*”¹. Do đó, không phải ngẫu nhiên mà nhà báo Ápdên Maléch (Cộng hòa Ả Rập Thống nhất) ca ngợi Bác Hồ “*như một vị thánh, một người thầy*” hay nhà báo Laila Enghebali ca ngợi Người “*đã gieo những hạt giống cho cuộc đấu tranh cách mạng ở tất cả các nơi nhân dân đang bị áp bức bóc lột*”. Lãnh tụ cách mạng Cuba Phidên Caxtơrô khẳng định “*Hồ Chí Minh đã kết hợp một cách thiên tài cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc và cuộc đấu tranh vì quyền lợi của quần chúng bị bọn phong kiến và giai cấp bóc lột áp bức*”; “*Người đã tìm ra con đường là: kết hợp giữa những tư tưởng yêu nước của các dân tộc với sự cần thiết*

¹ Một giờ với đồng chí Hồ Chí Minh, NXB Thanh niên, Hà Nội, 1985, tr.107.

phải giải thoát họ khỏi sự bóc lột xã hội”; “Sự nghiệp giải phóng dân tộc và sự nghiệp giải phóng xã hội là hai điểm then chốt trong học thuyết của Người”.

Từ mọi phương trời, chúng ta nghe không biết bao nhiêu lời nói tốt đẹp của bầu bạn quốc tế về Chủ tịch Hồ Chí Minh, như: “một nhà cách mạng vô sản lỗi lạc”, “một nhà tư tưởng xã hội chủ nghĩa sáng tạo vĩ đại”, là “ngọn cờ thống nhất cho nhân dân mọi thế hệ khác nhau”; “một vị lãnh tụ cách mạng vĩ đại, một người thầy mácxít-lêninnít xuất sắc”, “là người khởi xướng những cuộc đấu tranh cho tự do trong thế giới thuộc địa”, “hiện thân của tất cả những gì tốt đẹp nhất trong phong trào vĩ đại của chúng ta”, “một nhà cách mạng, một người yêu nước, một người nhân đạo, nhà hoạt động quốc tế toàn tâm, toàn ý”, “một nhân vật thần thoại đã trở thành một trong những người cầm cờ vĩ đại nhất của cuộc đấu tranh giải phóng và tái sinh của nhân dân châu Á trong thời đại ngày nay”, “không những là vị lãnh tụ kiên cường của nhân dân Việt Nam mà còn là một vị lãnh tụ lỗi lạc của nhân dân châu Á và thế giới”, “một nhà tư tưởng lớn, một nhà yêu nước lớn, đồng thời là một chiến sĩ quốc tế chủ nghĩa cao cả; Người còn là một nhà văn, nhà

thơ lớn, một người bạn thân thiết của các dân tộc đang đấu tranh”¹...

Nhà cách mạng Nicaragua Umbettô Oóctêga từng cho rằng: *“Khó có lời nào có thể diễn tả được hết sự vĩ đại của Chủ tịch Hồ Chí Minh”*. Còn tiến sĩ M.Átnút, Giám đốc UNESCO khu vực châu Á - Thái Bình Dương thì nói: *“...Chỉ có ít nhân vật trong lịch sử trở thành một bộ phận của huyền thoại ngay khi còn sống, và rõ ràng Hồ Chí Minh là một trong số đó. Người sẽ được ghi nhớ không phải chỉ là người giải phóng cho Tổ quốc và nhân dân bị đô hộ, mà còn là hiện triết hiện đại đã mang lại một viễn cảnh và hy vọng mới cho những người đang đấu tranh không khoan nhượng để loại bỏ bất công, bất bình đẳng khỏi trái đất này”*.

Tiến sĩ Rôexlan Ápdungani, một nhà hoạt động nổi tiếng Ấnônêxia khẳng định: *“...Điều mà Hồ Chí Minh để lại đằng sau những dấu chân của Người đã cung cấp cho tất cả chúng ta một cơ sở và một hướng đi để bước vào hiện tại và tương lai trong lĩnh vực các giá trị lý luận - đạo đức, xã hội - văn hóa và chính trị”*. Chính

¹ Xem “*Hồ Chủ tịch trong lòng nhân dân thế giới*”, “*Một giờ với đồng chí Hồ Chí Minh*”, Kỷ yếu Hội thảo quốc tế “*Chủ tịch Hồ Chí Minh, Anh hùng giải phóng dân tộc, Nhà văn hóa lớn*”, *Sổ ghi cảm tưởng tại Khu di tích Phủ Chủ tịch*...

khách Ấn Độ K.N. Xinh cũng nêu rõ: *“Chủ tịch Hồ Chí Minh không những là lãnh tụ của các bạn Việt Nam mà còn là người khởi xướng những cuộc đấu tranh cho tự do trong thế giới thuộc địa... Người là một Găngđi mácxít”*¹.

Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Anh G.Gôlan cũng từng đánh giá rất cao sự nghiệp của Chủ tịch Hồ Chí Minh: *“Người là một nhà cách mạng cộng sản vĩ đại, mà vị trí có một không hai đã được bảo đảm trong lịch sử”*²

*

* *

Gần 30 năm trôi qua, tôi vẫn thấy văng vẳng bên tai lời bà Giôhanna Gróttovôn, phu nhân của Cố Thủ tướng đầu tiên nước Cộng hòa Dân chủ Đức Ôttô Gróttovôn, một người đã nhiều lần được tiếp xúc với Bác Hồ... Đó là một buổi sáng đẹp trời ở Béclin, sau khi kể lại những kỷ niệm đẹp về Người, bà xúc động nói:

“Ngày mồng hai tháng chín năm một ngàn chín trăm sáu mươi chín, được tin Bác Hồ qua đời, tôi đau xót, rụng rời như khi được tin cha tôi mất. Nhưng rồi, sau những phút nặng nề,

¹ *Hồ Chí Minh sống mãi trong trái tim nhân loại*, NXB Lao Động, Hà Nội, 2001, tr.16.

² *Chiến sĩ cách mạng lỗi lạc*, NXB Tiến bộ, Mátxcova, 1990.

đau buồn nhất, tôi tự hỏi: Có lẽ nào, có lẽ nào một bậc vĩ nhân như Chủ tịch Hồ Chí Minh lại từ già cõi đời này được? Không, không, Người, với đôi mắt của người chiến sĩ, của người chiến thắng, của một nhà thơ, đôi mắt của một vị lãnh tụ, của một người cha thân yêu vẫn đang sống cùng chúng ta.

Đôi mắt ấy không bao giờ khép.

NGƯỜI VẪN NHÌN RÕ BƯỚC ĐI CỦA DÂN TỘC MÌNH,
NGƯỜI ĐÃ NHÌN TRƯỚC NHỮNG BƯỚC ĐƯỜNG CỦA
NHÂN DÂN VÀ ĐÃ CHỈ CHO NHÂN DÂN ĐI TỚI TƯƠNG
LAI HẠNH PHÚC, HUY HOÀNG.

Hơn thế, Người đã góp phần đấu tranh cho lẽ phải và hạnh phúc của cả loài người.

Ai hiến dâng đời mình cho nhân dân, cho loài người, người ấy trở thành bất tử!”.

ĐÔI LỜI CỦA TÁC GIẢ CÙNG BẠN ĐỌC

Như mọi lần, tôi cảm thấy thật hạnh phúc mỗi khi bắt tay thực hiện một cuốn sách hay viết một bài báo về Bác kính yêu. Với cuốn *“Hồ Chí Minh - nhà dự báo thiên tài”* cũng vậy. Nhưng, lại cũng xin thú thật với bạn đọc: so với các cuốn sách đã viết về Bác, tôi cảm thấy thực hiện cuốn sách này khó hơn nhiều. Vì sao vậy? Vì khó ngay từ khái niệm *“dự báo”*, *“tiên tri”*. Vâng, Bác là một nhà tiên tri, một nhà dự báo thiên tài. Điều ấy đã được nhiều nhân vật có uy tín khẳng định. Trong số đó, có nhà chí sĩ Huỳnh Thúc Kháng, các cán bộ cấp cao của Nhà nước như: Đại tướng Võ Nguyên Giáp, Phó Chủ tịch nước Nguyễn Lương Bằng, Phó Thủ tướng Tố Hữu, nhà sử học uyên bác Trần Văn Giàu, các vị tướng lĩnh như Đại tướng Hoàng Văn Thái, Thượng tướng Phùng Thế Tài, Trung tướng Phạm Hồng Cư... Tôi cũng được đọc các bài viết đề cập tài tiên tri của Bác mà nhà cách mạng lão thành Hồ Đức Thành, nhà báo Hàm Châu, nhà nghiên cứu văn học Phong Lê, các

tác giả là bạn tôi như Dương Trung Quốc, Lê Cường... đã công bố trên các tạp chí, tờ báo, trong các công trình nghiên cứu. Không ít các tác giả nước ngoài cũng đề cập khía cạnh này khi viết về Chủ tịch Hồ Chí Minh...

Tôi đã đọc các cuốn sách, các bài báo, các công trình đó với niềm say mê đầy hứng thú. Những chi tiết, những mẩu chuyện mà các tác giả kể lại, nói lên một khía cạnh đặc biệt trong thiên tài của Bác.

Vậy mà tôi vẫn thấy khó. Ấy là vì, không khéo sẽ làm cho người đọc hiểu sai khái niệm “*dự báo*”, “*tiên tri*” thành một sự huyền bí, duy tâm, thậm chí hiểu lệch thành “*đoán mò*” - một việc mà các thầy bói, thầy toán vẫn làm. Hiểu như vậy là dung tục hóa, tầm thường hóa những nhân vật có tài năng bẩm sinh đó. Trong lịch sử Việt Nam và thế giới từng có không ít những nhà tiên tri, những người có thể dự báo và nhìn thấy trước những diễn biến của sự việc, dù là lớn hay nhỏ. Bác của chúng ta là một nhà bác xít lỗi lạc, đánh giá, xem xét sự việc trên cơ sở phép biện chứng và bằng trí tuệ siêu việt, bằng trực giác nhạy cảm, bằng kiến thức xã hội phong phú, bằng kinh nghiệm hoạt động cách mạng từng trải. Là vị lãnh tụ thiên tài, Người luôn luôn xét đoán, nhìn thấy trước khả năng

xảy ra của những sự kiện, sự việc. Cái khó của người viết sách là ở chỗ: nếu chỉ kể chuyện, rằng Người đã tiên tri, dự báo việc này việc khác thì đơn giản quá, mà lại khó tiếp thu. Nhưng, nếu phân tích từng sự việc thì đòi hỏi một công trình nghiên cứu thật công phu, chính xác...

Trong ý nghĩ của nhiều người, Bác Hồ được coi như một vị Thánh. Các tín đồ tôn giáo tôn kính Người như Phật. Gần đây, trên báo *Nhân dân* (số ra ngày 22-4-2004), Linh mục Giuse Nguyễn Tiến Sự, Quản xứ giáo xứ Thánh Linh, Buôn Ma Thuột, đã khẳng định “Chủ tịch Hồ Chí Minh là lãnh tụ thiên tài, đã tìm ra chân lý cuộc sống cho dân tộc Việt Nam”. Đồng bào dân tộc Tây Nguyên gọi Người là Giàng (Trời). Người Dao Đeo Tiền coi Người như “*con trời*”. Lại có người đánh giá Người “*còn thánh hơn cả Thánh*”!

Trên tạp chí “*Xưa và Nay*”, số ra tháng 5-2004, tác giả Ngô Vĩnh Bao kể lại một chuyện cảm động như sau:

Ở tỉnh U Đon nơi đất Phật, Vương quốc Thái Lan, có chùa “Vất Phô”, nơi có vị sư già chủ trì chùa người Thái Lan, quý mến đức độ và khâm phục Bác Hồ là một con người yêu nước vĩ đại. Vị hòa thượng già ấy đã cho phép bà con Việt kiều tổ chức lễ truy điệu Bác Hồ, và cho 79 vị sư

tụng kinh niệm Phật cầu siêu cho Bác Hồ ở trong chùa 3 ngày đêm liền (bắt đầu từ ngày 11 đến hết ngày 13) tháng 9 năm 1969. Sau khi tổ chức lễ truy điệu Bác Hồ, vị hòa thượng đã cho chú tiểu trong chùa lấy tất cả các vòng hoa mà bà con Việt kiều mang đến viếng Bác phơi thật khô, rồi đem tán thật nhỏ, trộn với cao sáp, xong đem đúc thành những tượng Phật, mỗi ông Phật nhỏ bằng đầu ngón tay, mặt trước và mặt sau của bức tượng Phật đều được in Phật hiệu của chùa Vất Phô. Sư cả mang tất cả các “pho tượng Phật hoa” đem đi làm lễ tụng kinh luyện phép, phục hồn (phục xệch), rồi đem tặng cho các tín đồ đặc biệt đến lễ Phật viếng chùa. Vị hòa thượng còn giải thích rằng: “Cụ Hồ là một vị thánh, Cụ sẽ phù hộ cho bất cứ ai đeo Phật hoa của Cụ”.

Hẳn mọi người còn nhớ câu chuyện về “*Mất Bác Hồ có hai con người*” đã từng lưu truyền nhiều năm trong nhân dân ta. Và người ta tin rằng Người là một ông Thánh! Ngay ông Thống lý ở Phiêng Sa (Lào) rất tự hào khi bức ảnh trên được treo tại nhà ông. Ông đã “*phát hiện*” mất Hồ Chủ tịch có hai con người. Ông nói: “*Mất Hồ Chủ tịch có hai con người, khác người thường. Người hiểu thấu khát vọng của mọi người dân, bất kể người đó là dân tộc nào, đó là*

lòng nhân nghĩa cao cả của Người"¹.

Thật ra, như lời cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã nói: *Làm gì có chuyện hoang đường khi cho rằng mắt Hồ Chủ tịch là mắt Thánh!* "Mắt Hồ Chủ tịch cũng như mắt mọi người, sáng hơn mắt mọi người nhiều lần đã đành, nhưng sáng hơn vì Người biết nhìn, nên nhìn thấy: hiện tại, tương lai, cái nhỏ, cái to". Tác giả của bức chân dung nói trên, ông Vũ Năng An, đã giải thích rằng trên đôi mắt Người có hai điểm sáng là do ảnh chiếu tạo hình của hai cái đèn tụ quang tăng điện thế.

Chủ tịch Hồ Chí Minh là bậc vĩ nhân, là nhân vật huyền thoại của thế kỷ XX - điều ấy không chỉ người trong nước mà người nước ngoài cũng nói. Nhưng, chính vì Người là con người bằng da, bằng thịt, cũng gần gũi như Cha, như Bác, như Anh, mà càng được tôn kính đến mức thần thoại hóa do cuộc đời cao đẹp và tài trí, đạo đức lớn lao của Người.

Biết là khó, nhưng tôi vẫn quyết tâm thực hiện quyển sách này, với sự khích lệ, cổ vũ của tập thể cán bộ Nhà xuất bản Thông Tấn, và với niềm hạnh phúc đặc biệt.

Tuy nhiên, tôi lại cũng có một thuận lợi lớn là được thừa hưởng một loạt tư liệu hết sức đa dạng của các tác giả mà tôi đã chú thích rõ

¹ Xem báo *Quân đội Nhân dân*, số ra ngày 24-8-1995.

trong sách. Xét cho cùng, tôi chỉ là người sưu tầm, rút ra và chép lại từ hàng trăm quyển sách, hàng ngàn tờ báo, đem sắp xếp, hệ thống lại theo từng chủ đề để bạn đọc dễ theo dõi mà thôi. Không có các cuốn sách, công trình, hồi ức, bài viết của những người đi trước, tôi làm sao có thể thực hiện được cuốn sách nhỏ này! Vì vậy, tôi xin bày tỏ lời cảm ơn trân trọng đối với tất cả các tác giả mà tôi được đọc và trích dẫn. Xin các vị coi đây là kết quả chung của nhiều người, chứ không riêng người thực hiện.

Tôi cũng xin có lời cảm ơn chân thành đối với PGS-Tiến sĩ Lê Văn Tích, Phó Viện trưởng Viện Hồ Chí Minh, PGS-Tiến sĩ Đinh Xuân Dũng, Vụ trưởng Vụ Xuất bản Ban Tư tưởng Văn hóa Trung ương và Bảo tàng Hồ Chí Minh đã có những ý kiến đóng góp quý báu cho bản thảo này.

Cuốn sách nhỏ này đề cập một chủ đề lớn và được tiến hành khá khẩn trương, cho nên chỉ là những nét phác họa, gợi mở và khó tránh khỏi những thiếu sót. Kính mong quý vị độc giả vui lòng chỉ giúp với sự lượng thứ và chỉ bảo ân cần.

Cuối cùng, một lần nữa, tôi chân thành cảm ơn sự giúp đỡ đầy nhiệt tình của Nhà xuất bản Thông Tấn để kịp có món quà nhỏ gửi tới bạn đọc xa gần trong dịp Kỷ niệm 35 năm chúng ta thực hiện Di chúc của Bác Hồ kính yêu.

TRẦN DƯƠNG

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Lời Nhà xuất bản	7
• 1920: Giữa nhiều ngã đường Bác chọn con đường Lenin	9
• Từ năm 1941, Bác đã nhận định: “Việt Nam độc lập năm 1945”	32
• Dự kiến trước mọi tình huống	48
• Ngủ trong “Giấc ngủ mười năm”	83
• Kẻ địch mới sẽ hùng mạnh và hung ác hơn nhiều	93
• Mỹ chỉ chịu thua sau khi thua trên bầu trời Hà Nội	111
• “Những vần thơ như những câu sấm”	127
• “Chân đi khắp năm châu, mắt trông xa vạn dặm; nhận rõ thời cuộc, lặn dò thời cơ”	139
• Đôi lời của tác giả cùng bạn đọc	150

HỒ CHÍ MINH

NHÀ DỰ BÁO THIÊN TÀI

Chịu trách nhiệm xuất bản

Vũ Quốc Khánh

Hồ Văn Sơn

Biên tập

Vũ Thị Kim Hải

Nguyễn Trọng Khâm

Phùng Thị Mỹ

Sửa bản in

Văn Chiến Thắng

Trình bày bìa

Tạ Duy

In 2000 cuốn, khổ 13 x 19cm. Giấy chấp nhận ĐKKHXB số 483-2006/CXB/01-42/TH 21-06-2006.

In tại Công ty CP in Hà Tĩnh. In xong và nộp lưu chiểu tháng 8/2006

HỒ CHÍ MINH
NHÀ DỰ BÁO THIÊN TÀI

NHÀ XUẤT BẢN NGHỆ AN

37 Lê Hồng Phong
Thành Phố Vinh Nghệ An
ĐT: 840560



Giá: 18.000đ